

Nhớ về

Nhà văn LINH BẢO (1926-2024)



NHÀ VĂN LINH BẢO
VÕ THỊ DIỆU VIÊN (1926 -2024)

Biên soạn: **Phan Anh Dũng** – Rockville, Maryland USA

Thực hiện: 5 tháng 5, 2024

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày 26 tháng 4, 2024 tôi nhận được email của nhà văn/nhà báo Vương Trùng Dương (VtD) thông báo tin buồn là nhà văn **Linh Bảo** – tên khai sinh: **Võ Thị Diệu Viên** - vừa qua đời ở Westminster, nam California, hưởng thọ 98 tuổi. Anh VtD cũng đính kèm một bài viết với nhiều chi tiết về bà Linh Bảo - một nhà văn nổi tiếng trước 1975, từng được các nhà văn Nhất Linh, Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc... khen ngợi văn tài. Bà nhận được giải thưởng Văn Chương toàn quốc năm 1961 qua tác phẩm Tàu Ngựa Cũ. Bà là chị ruột của Minh Đức Hoài Trinh (nhà thơ/nhà văn/ phóng viên chiến trường) và cũng là cô của nhạc sĩ Võ Tá Hân.



Linh Bảo (phải) và Minh Đức Hoài Trinh

Theo tiểu sử, được biết bà Linh Bảo từng đi du học năm 1947 ở Trung Quốc và có một thời gian dài bà làm việc cho Ban Việt Ngữ của Defense Language Institute - Foreign Language Center ở Monterey, California. Nhà văn Trương Anh Thụy trong Ban Biên Tập của Cỏ Thơm cũng từng là bạn đồng nghiệp với bà Linh Bảo ở trường đó.



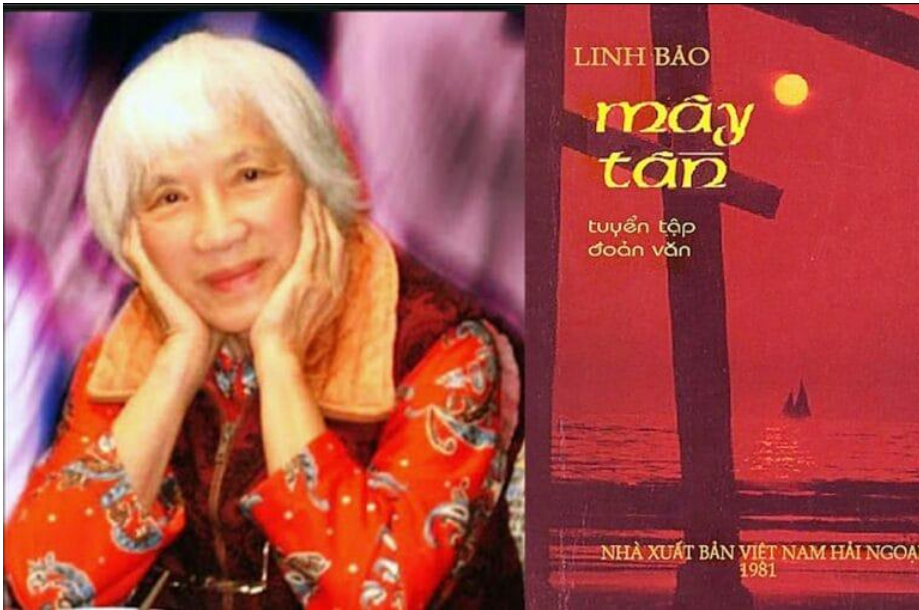
Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm xin thành kính chia buồn với tang quyến và nguyện cầu hương linh nữ sĩ Linh Bảo-Võ Thị Diệu Viên sớm về đất Phật.

Phan Anh Dũng

Rockville, Maryland USA

Vương Trùng Dương:

Tưởng Nhớ Nhà Văn Linh Bảo, Vĩnh Biệt “Mây Tàn”



Nhà thơ Phan Xuân Sinh tổ chức sinh nhật ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Texas, nhập viện vì bệnh tim mạch, hôn mê sau 10 ngày vô phương cứu chữa đã qua đời tại Texas ngày 28/2/2024. Tưởng nhớ người bạn văn, tôi viết: Phan Xuân Sinh, Không Còn “Đứng Dưới Trời Đổ Nát” (đây là tập thơ đầu tiên của anh khi định cư tại Hoa Kỳ).

Lần này với nhà văn **Linh Bảo**, vừa kỷ niệm sinh nhật 98 tuổi vào Chủ Nhật 14/4/2024 đã qua đời tại tư gia vào Thứ Hai 22/4 ở thành phố Westminster, Nam California. “Linh Bảo sống trong một ngôi nhà nhỏ nơi Thị Trấn Giữa Đường / Midway City, có vườn cây trái phía sau, một hồ cá Koi. Cùng sống trong ngôi nhà ấy là ba thế hệ cũng là ba thế giới: Linh Bảo, con gái và một cháu ngoại nay cũng tới cái tuổi tam thập nhi lập...” (Ngô Thế Vinh, 2015) từ đó cho đến nay. Theo ước nguyện của nhà văn, gia đình sẽ tổ chức buổi lễ tưởng niệm tại chùa Vạn Hạnh ở San Diego vào cuối tháng 5/2024. Đây là ngôi chùa mà nhà văn và người em Võ Sum, người đồng sáng lập vào năm 1977 (thân phụ bà thời làm quan ở Kontum, Quảng Ngãi đã xây nhiều ngôi chùa).

Nhà văn Linh Bảo không sáng tác nhiều, đã ấn hành: **Gió Bắc**, truyện dài, Nxb Phương Giang 1953. **Chiếc Áo Nhung Lam**, Sách Hồng, Nxb Đồi Nây 1953. **Tàu Ngựa Cũ**, tập

truyện ngắn, Nxb Đồi Nây 1961, Tàu Ngựa Cũ, tựa đề của truyện ngắn, được lấy làm tựa đề của tuyển tập gồm 9 truyện, được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc của Việt Nam Cộng Hòa năm 1961 (Truyện dài Thêm Hoang của Nhật Tiến đoạt giải nhất, tập truyện Gìn Vàng Giữ Ngọc của Doãn Quốc Sỹ và Tàu Ngựa Cũ giải đồng hạng). **Những Đêm Mưa**, truyện dài, Nxb Đồi Nây 1961. **Con Chồn Tinh Quái**, truyện cổ tích, có 47 chương, Nxb Ngày Mới 1967. **Những Cánh Điều**, tập truyện ngắn, Nxb Trí Đăng 1971. **Mây Tần**, tuyển tập, đoản văn, Nxb Việt Nam Hải Ngoại 1981 (trùng tên với tập thơ Mây Tần của Nguyễn Bính năm 1942)... nhưng tên tuổi của bà được biết đến từ thập niên 1950' cho đến nay. Truyện của bà thường xuất hiện trên tạp chí Văn Hóa Ngày Nay năm 1958 của nhà văn Nhất Linh, Tân Phong của nhà văn Nguyễn Thị Vinh, chủ bút (thân nhau từ khi ở Hồng Kông), Bách Khoa của Lê Ngọc Châu và sau đó trên các tạp chí văn học khác.

Không hiểu vì sao thời gian ở Mỹ bà không sáng tác. Theo nhà văn Ngô Thế Vinh: “Sau 1975, Linh Bảo hầu như hoàn toàn không viết và chị cũng chẳng mấy quan tâm tới những tác phẩm đã tạo nên văn nghiệp của mình. Linh Bảo thì lúc nào cũng vẫn như Một Cánh Điều sống lưu lạc ngoài Việt Nam, nhưng lòng thì vẫn khắc khoải hướng về quê nhà. Linh Bảo đã ví thân phận những người Việt tha hương như những cánh điều, chỉ vì một cơn cuồng phong, cơn bão thời đại đã thổi bạt họ đi khắp mọi nơi trên thế giới” và duy nhất với tác phẩm Mây Tần.

Tập truyện Mây Tần của nhà văn Linh Bảo, dày 450 trang, có 27 truyện từ Tàu Ngựa Cũ đến Những Cái Tết Tha Hương. Trong đó có Tàu Ngựa Cũ, Những Cánh Điều...

Có lẽ tác giả lấy tựa đề Mây Tần vì trong Những Cái Tết Tha Hương (1979) ghi lại quãng đời lưu lạc Tết Hồng Kông năm 1946, Tết Nam Kinh, Tết Thượng Hải, Tết Quảng Châu, Tết Ba Lê, Tết Luân Đôn, Tết Mỹ, Lại Tết Mỹ.

Trong bài viết này, bà lấy bối cảnh những nơi đã sống, có thật nhưng với Mỹ, có lẽ với người bạn nào đó vì bà giảng dạy môn Việt ngữ Trường Sinh Ngữ Quân Đội ở Mỹ (1962-1976), chồng bà là giáo sư đại học Berkeley về sinh thái học (ecology).

Trong đoạn trong Tết Mỹ: “Tôi ăn Tết đầu tiên ở Mỹ với “bà cô các cháu”. Bà chị sang Mỹ từ lâu. Chồng chết, bà sống một mình trong tòa nhà hai tầng. Tầng trên đẹp đẽ sang trọng; tầng dưới – hay đúng hơn là nhà hầm – có một phòng tắm, chỗ để máy giặt máy sấy, một cái tủ lạnh thứ hai để đồ ăn tích trữ và một cái giường cũ.

Tôi phải tha hai con đến nhà bà trong bước đầu tiên để chờ thẻ di trú, và cũng để cho phải phép. Mình đến cũng chẳng ai hoan nghênh, nhưng nếu không đến trước thì sẽ bị giận suốt đời.

Sau bữa cơm Tết đúng nghi thức, bà lừa ba mẹ con xuống phòng dưới ngủ. Phòng sát mặt đất, sàn xi-măng, lại không có sưởi, nên lạnh buốt. Tôi không ngủ được, lên cầu thang định tìm nước nóng uống thì cửa cầu thang đã khóa trái lại bên trên. Định mở tủ lạnh xem có gì uống được không, thì vừa nhìn đến, tôi bỗng ngẩn người ra.

Cái tủ lạnh, lúc chiều hai con bé tò mò mở ra xem, tôi nhìn thoáng thấy bên trong đầy một tủ đào. Có lẽ bà chị mua sỉ nguyên cả thùng nên để dưới này cho khỏi chật tủ trên. Bây giờ, tôi thấy một sợi dây xích to bằng ngón chân cái buộc quanh, lại có khóa xích lại ở cửa tủ cẩn thận.

Tôi không thể nhịn được cười, nghĩ thầm đến cuốn sách tên là “Một Nghìn Lẽ Một Cách Làm Nhục Kẻ Khác”. Nếu sách này tái bản, tôi xin ghi thêm cái mục xích khóa tủ lạnh khi có bà con đến thăm và ở lại.

Hai con bé ôm nhau nằm co quắp ngủ say. Tôi không biết làm gì cho bớt lạnh, dậy sắp hành lý để ngày mai tha con về miền Cali; ngày mai, tôi sẽ từ giã bà chị cô đơn, từ giã mưa rét Seattle, từ giã cái tủ lạnh có sợi xích sắt to tổ bố. Tôi tự dặn mình sẽ tìm nơi có nắng ấm, ít nhất là dù có đói cũng không đến nỗi rét”.

Trích đoạn Lại Tết Mỹ:

“17 cái Tết ở đất Mỹ; 17 năm làm thân con kiến để có kết quả ngày nay: tám ngàn phiếu dưỡng lão. Cái phần thưởng suốt mấy chục năm làm ngày làm đêm, lao tâm khổ lực để sửa soạn cho tuổi già.

Người con gái bướng bỉnh, gan lì bạt mạng ngày xưa, bây giờ ngồi chờ lãnh lương hưu! Tôi chỉ thành công ở một điểm: không phải là một gánh nặng cho gia đình hay xã hội...

Tết San Diego năm nay lại chỉ là một Tết tha hương cô đơn như tất cả những Tết tha hương cô đơn khác. Cô đơn một mình và càng cô đơn hơn trong những lúc ở chỗ đông người.

Có khác chăng, là tôi không cần phải có, dù chỉ tấm màn mỏng để làm biên giới. Tôi chỉ ngược mắt nhìn ra xa, trong một thoáng giây, là tôi có thể lẩn vào vùng ảo ảnh tâm linh khác, cách biệt hẳn với tất cả mọi người; hẳn tôi đã tách riêng ra ở bên kia thế giới vô hình”.

Nếu không đọc tiểu sử của bà thì tưởng đoạn văn trên là thân phận của bà khi đến Mỹ.

Hai câu thơ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du:

“Đoái trông muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa”.

Mây Tần lấy từ điển tích từ hai câu thơ của Hàn Dũ (768-823) ở Trung Hoa bị đọa đày xa cố hương nên làm bài thơ than trách số phận với nỗi niềm: “Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại. Tuyết ủng Lam Quan mã bất tiền” (Mây ngang Tần Lĩnh biết nhà ta ở đâu? Tuyết phủ Lam Quan ngựa khó qua) nói đến nỗi nhớ nhà.

Theo tiểu sử, nhà văn Linh Bảo, tên Võ Thị Diệu Viên, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1926 (trong gia đình vọng tộc, quan lại triều đình Huế: Ông nội: Thượng Thư Bộ Lễ Võ Liêm (1973-1936) cha Võ Chuẩn (1873-1936), Tổng Đốc dưới triều vua Bảo Đại, mẹ là Tôn Nữ Thị Lịch, vợ thứ), trong 6 anh chị em có: Võ Sum (Hải Quân Đại Tá), Võ Thị Tuyết Phiến, Võ Thị Diệu Viên, Võ Thị Bằng Thanh, dịch giả, cùng dịch Nỗi Buồn Chiến Tranh, Võ Thị Hoài Trinh (nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh 1930-2017), và Võ Tá Bá. Trong những người cháu của bà có nhạc sĩ Võ Tá Hân, tuy du học trước năm 1975, thành danh trên xứ người nhưng sáng tác của anh luôn mang tâm trạng của kẻ lưu vong.

Từ thời trẻ, Linh Bảo với mộng du học, rời xa gia đình sớm, vừa học xong năm thứ hai (1947-1949) đại học Tôn Trung Sơn thì Mao Trạch Đông chiếm toàn Hoa Lục, bà sống lưu lạc qua nhiều nơi ở Hoa Lục như Nam Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Hồng Kông (Hương Cảng)... và sau đó sang Anh, Pháp và cuối cùng ở Mỹ. Bà là người Việt Nam hiếm hoi lúc đó biết tiếng Quảng Đông, Quan Thoại, tiếng Pháp, tiếng Anh...

Năm 1951, bà lập gia đình với một người Hoa Ling Po Chan (Trần Linh Bảo) mang quốc tịch Anh, và trở thành công dân Anh. Bút hiệu Linh Bảo theo tên chồng từ đó. Ngoài ra, bà còn có hai tên khác: Lại Cẩm Hoa (thư nhà văn Nhất Linh gửi cho bà khi còn ở Hồng Kông với tên Lại Cẩm Hoa, tại đây bà quen thân với hai nhà văn Nguyễn Thị Vinh và

Trương Bảo Sơn) và Vũ Trung Thư (Mo Chung Shu) tên ghi danh đi học ở Nam Kinh và Quảng Châu. Tác phẩm Gió Bắc của bà viết xong tại Hương Cảng 1952, năm 1953 nhà văn Nhất Linh cho ấn hành Gió Bắc.

Năm 1954, khi Lãnh Sự Quán Việt Nam Cộng Hoà mới được thành lập, với khả năng thông thạo nhiều ngoại ngữ, bà được tuyển làm nhân viên của toà Lãnh Sự Việt Nam tại Hồng Kông. Làm việc tới 1957, trở về nước và chỉ sau 2 năm, 1959 Linh Bảo lại chọn một cuộc sống xa quê nhà.

Từ Hồng Kông qua Pháp rồi qua Anh một thời gian, cuối cùng Linh Bảo chọn định cư ở Mỹ sau khi được tuyển dụng vào giảng dạy môn Việt ngữ (1962-1976) tại trường Sinh Ngữ Quân Đội Mỹ (Defense Language Institute) Monterey, Bắc California cho đến khi ngôi trường bị giải thể sau chiến tranh Việt Nam.

Theo nhà văn Ngô Thế Vinh: “Học giả Nghiêm Xuân Việt, Văn Bút Việt Nam với thiện chí trao đổi văn hoá với ngoại quốc đã chọn hai truyện Người Quân Tử và Áo Mới trong Tàu Ngựa Cũ dịch ra Anh ngữ với tên truyện The Noble Man và Our Brand New Robes và gửi đi dự cuộc thi truyện ngắn do International PEN tổ chức 1961. Thành phần ban giám khảo gồm những tên tuổi như: Storm Jameson (Anh), André Maurois (Pháp), và Whit Burnett (Mỹ). Kết quả là cả hai truyện ngắn này được tuyển chọn vào chung kết trong số 26 truyện ngắn quốc tế hay nhất năm đó. Cũng thời gian đó Linh Bảo đang sống ở Luân Đôn. Hình như sau đó, hai truyện ngắn này được PEN Vietnam Centre dịch sang tiếng Pháp: L’homme noble, và Robles Nouvelles để in trong tuyển tập truyện ngắn của Văn Bút Việt Nam”.

Nhà văn Viên Linh khi gặp bà lần đầu tiên năm 2006 đã viết: “Bà có nước da trắng hơn một người Á Châu bình thường, dung mạo như một phụ nữ Tây phương, hai mắt nhìn thẳng, nhân trung mở, sống mũi cao, cặp lông mày hơi xếch, và một vùng trán rộng, một cái cằm có góc cân đối, khiến toàn thể khuôn mặt – gọi là gương mặt thì đúng hơn – tỏa ra một ánh sáng khỏe mạnh, thẳng thắn”.

*

Trong quyển Văn Học Miền Nam Tổng Quan, nhà văn Võ Phiến đề cập đến khuynh hướng tình cảm có: Linh Bảo, Nguyễn Thị Vinh, Nhã Ca, Thanh Nam, Văn Quang. Võ Phiến viết về Linh Bảo trên tạp chí Bách Khoa, năm 1962: “Trong số những người đàn

bà viết văn ở ta hiện nay, có lẽ Linh Bảo có tài nhất: có tài quan sát, lại có tài diễn tả một cách thông minh những điều mình quan sát. Quan sát và phân tích tâm lý, Linh Bảo đã trình bày được mỗi nhân vật với một hình dạng, một cá tính rõ ràng, một lối sinh sống và ăn nói riêng biệt... Linh Bảo thường hay tìm ra cơ hội để làm người đọc mỉm cười, dù là trong những trường hợp buồn thảm: nhà ngập lụt, vợ chồng giận nhau. Giữ được nét mặt tươi tắn cả trong khi buồn, đó là một lối làm đẹp rất khéo của đàn bà, nhất là đàn bà 'lich sự': vì vậy mà cái cười do Linh Bảo gợi lên lắm lúc có chua chát, người đọc vẫn dễ có cảm tình với giọng văn của tác giả”.

Trong ký sự văn học Giai Thoại Hồng của nhà văn Hồ Trường An năm 1989, về các nhà văn nữ. Chương V: Linh Bảo & Minh Đức Hoài Trinh (trang 73- 94).

“Sau năm 1959, trên văn đàn, Linh Bảo như một bóng ma, hiện đó rồi mất đó, gieo lại cho người theo dõi văn chương cái ám ảnh bàng bạc... Giữa lúc mọi người sắp quên bà thì bà hiện đến, múa vài đường bút ngoặt mục rồi biến đi. Khi rời nước, bà cộng tác với tập san Tân Phong qua hình thức các lá thư gửi cho chị Nguyễn Thị Vinh rồi biến mất tăm khi tờ báo đóng cửa... Sự ẩn hiện của bà có vẻ huyền rữ. Một nhà văn ăn khách vụt biến đi dễ gây khao khát thêm thường cho người đọc... sáng tác dù hay, nhưng sự xuất hiện thường xuyên cũng dễ gây nhàm chán cho độc giả”.

*



Nhân đây, trích dẫn vài nhận xét về nhà văn Linh Bảo đã được đề cập qua các bài viết:

Sau nhà văn Nhất Linh cảm nhận về sáng tác đầu tay của Linh Bảo. Võ Phiến viết về Linh Bảo trên tạp chí Bách Khoa, năm 1962: *“Trong số những người đàn bà viết văn ở ta hiện nay, có lẽ Linh Bảo có tài nhất: có tài quan sát, lại có tài diễn tả một cách thông minh những điều mình quan sát. Quan sát và phân tích tâm lý, Linh Bảo đã trình bày được mỗi nhân vật với một hình dạng, một cá tính rõ ràng, một lối sinh sống và ăn nói riêng biệt... Linh Bảo thường hay tìm ra cơ hội để làm người đọc mỉm cười, dù là trong những trường hợp buồn thảm: nhà ngập lụt, vợ chồng giận nhau. Giữ được nét mặt tươi tắn cả trong khi buồn, đó là một lối làm đẹp rất khéo của đàn bà, nhất là đàn bà ‘lịch sự’: vì vậy mà cái cười do Linh Bảo gợi lên lắm lúc có chua chát, người đọc vẫn dễ có cảm tình với giọng văn của tác giả”*.

Trong cuốn sách Các Nhà Văn Nữ Tại Miền Nam Việt Nam (1954-1975). Nguyên tác Anh ngữ: “Women Writers of South Vietnam (1954-1975)” của Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang do Đoàn Thanh Liêm dịch, người viết đã ghi về Linh Bảo với những dòng trang trọng: *“Nhân vật nữ trong các tác phẩm của Linh Bảo thường cũng biểu lộ một khía cạnh trong nhân cách của tác giả. Tuy nhiên, đó chỉ là một mặt của vấn đề, cái phần liên hệ tới chủ đề. Ngay trong nghệ thuật viết, tính chủ quan của bà cũng được biểu lộ một cách độc đáo. Thường xuyên trong các tác phẩm của mình, Linh Bảo xác định cá tính của mình qua sự phê phán với giọng văn khô hài chua cay về những tình huống liên hệ đến phụ nữ”*.

Có lẽ trong gần nửa thế kỷ qua, tập truyện Mây Tần của nhà văn Linh Bảo ấn hành năm 1981 rồi bà không còn xuất hiện trên văn đàn Việt Nam ở hải ngoại nên bị lãng quên... Với các tác phẩm trước năm 1975 đã được đề cập ở trên qua các bài viết sau này còn được nhắc đến. Với tôi, tác phẩm Con Chồn Tinh Quái (Ngày Mới 1967), chưa thấy nhận định nào nhưng tôi rất thích. Từ những mẩu chuyện Tại Sao Loài Chồn Ra Đồi, Bạn Bè Họ Hàng Của Chồn, Chồn, Chó & Mèo, Chồn & Quạ, Chồn, Chim & Thỏ, Chồn Chữa Bệnh, Gà Trống Gặp Chồn, Chồn Về Kinh, Chồn Tự Biện Hộ, Vận Mệnh Chồn, Chồn Nhạc Sĩ, Chồn Báo Thù Gấu, Chồn Cứu Sư Tử, Chồn Học Cách Chia Phần, Chồn Từ Quan Về Quê... cuối cùng Cái Chết Của Chồn. Với cái nhìn tinh tế, sâu sắc, ví von với giọng văn dí dỏm, trêu chọc lôi cuốn người đọc đi vào thế giới động vật rất sinh động.

Trong tuyển tập Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Hải Ngoại của Câu Lạc Bộ Văn Hóa VN Paris (Chủ nhiệm nhà văn Đỗ Bình, chủ bút TS Nguyễn Thị Phượng Thanh và 14 thành viên) ấn hành năm 2022, dày 806 trang (chữ nhỏ font helve 0.8). Đây là công

trình biên soạn rất công phu quy tụ nhiều bậc thức giả, văn nghệ sỹ... đóng góp. Sau phần Những Khuôn Mặt Văn Hóa Vang Bóng Một Thời Tại Pháp, Bỉ, Cộng Hòa Liên Bang Đức, Hòa Lan, Canada (trang 207-219), Úc (trang 221-224)... Nhiều nhất tại Mỹ (theo alphabet trang 96-181) không thấy có tên nhà văn Linh Bảo.

Khi nhà văn Nguyễn Thị Vinh qua đời ngày 8/1/2020, tôi viết bài Tưởng Nhớ Nhà Văn Nguyễn Thị Vinh (1924-2020) ngày 10/1/2020 được đăng trong tuyển tập này (trang 698-701) có tấm hình ở tòa soạn Văn Hóa Ngày Nay năm 1958 với Linh Bảo, Nguyễn Thị Vinh, Nhất Linh, Bình Nguyên Lộc (có lẽ là hình ảnh duy nhất với nhà văn Linh Bảo?) cùng với bài viết về nhà thơ Hoàng Anh Tuấn và bài viết Khái Quát Báo Chí Việt Ngữ Tại Little Saigon (trong mục sinh hoạt).

Bài viết của nhà văn Ngô Thế Vinh năm 2015 về nhà văn Linh Bảo, sau đó ấn hành trong tác phẩm Chân Dung Văn Học Nghệ Thuật & Văn Hóa năm 2017, Viet Ecology Press xuất bản được xem là tài liệu văn học hữu ích. Với 18 chân dung gồm 13 nhà văn, nhà thơ, nhà báo, 3 họa sĩ và 2 nhà văn hóa, hai trí thức khoa bảng đáng kính bậc nhất của Việt Nam. Ngô Thế Vinh lần đầu tiên gặp Linh Bảo khi sang tu nghiệp ngành Y tại San Francisco nên từ đó quen thân và có nhiều tài liệu để viết về bà rất chính xác. Tuyển tập 2 ấn hành năm 2022 (Viet Ecology Press).

Tháng 2/2024, tác phẩm “Ngô Thế Vinh, bằng hữu & văn chương” do Ngôn Ngữ ấn hành, dày 700 với nhiều tác giả từ thời ở miền Nam VN cho đến nay. Tuy xuất thân ngành Y nhưng anh đam mê nghiệp cầm bút với những sáng tác và công trình biên khảo văn học nghệ thuật & môi trường, lịch sử rất giá trị. (Nhân đây, cảm ơn anh đã có nhã ý gửi tặng tôi những tác phẩm giá trị làm tài liệu).

Kể từ tác phẩm đầu tay đến nay đã bảy thập niên, nhà văn phái nữ nổi tiếng này cũng chẳng gây thù oán gì trên văn đàn nhưng ít được nhắc đến, bị bỏ quên trong khi những nhà văn nữ cùng thời và sau đó, được đề cập. Nay nhận tin bà đã ra người thiên cổ tưởng nhớ đến bà Vĩnh Biệt “Mây Tàn” với nỗi ngậm ngùi. Cầu nguyện nhà văn Linh Bảo về cõi vĩnh hằng “Hồn quê theo ngọn mây Tàn xa xa” xa lánh chốn lao xao nơi cõi trần.

Little Saigon, April 25, 2024

Vương Trùng Dương

Phân Ưu

Nhận được tin buồn

Nhà văn LINH BẢO Võ Thị Diệu Viên

*Một nhà văn lớn trong văn học Việt Nam
(từ thập niên 1950)*

Tác giả các tập truyện:

*Gió Bắc, Tàu Ngựa Cũ, Những Đêm Mưa,
Những Cánh Diều, Mây Tần*

Các tập truyện nhi đồng:

Chiếc Áo Nhung Lam, Con Chồn Tinh Quái

Đã tạ thế ngày 22 tháng 4 năm 2024
tại tư gia, thành phố Westminster, California, Hoa Kỳ

Hưởng thượng thọ 98 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn với đại tang quyến.

Nguyện cầu hương linh nhà văn

Linh Bảo Võ Thị Diệu Viên

sớm được về với hồn thiêng đất nước

và siêu thăng trên cõi Phật.

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Báo Việt Nam Mới - Houston, Texas

Vũ Văn Hoa (Houston, TX)

Nguyễn Đạt Thịnh (Houston, TX)

Trần Huy Bích (Westminster, CA)

Lê Tái Điều (San Diego, CA)

Ngô Thế Vinh (Long Beach, CA)

Nguyễn Tường Thiết (Seattle, WA)

Tường Thắng (Westminster, CA)

Đào Khanh (Tòa soạn VNM - Houston, Texas)

NHỚ VỀ DIỆU VIÊN – LINH BẢO

Nhạc: **Mai Đức Vinh** - Lời: **Mỹ Ngọc** - Ca Sĩ: **Quang Minh**

<https://www.youtube.com/watch?v=w8cei7vPPXQ>

Quán Vĩa Hè mừng sinh nhật 83 rưỡi của cô Linh Bảo một bài nhạc cũ, hoàn tất vào tháng 4 năm 2004, với những hình ảnh mới (phim được thực hiện xong tháng 4, 2010)



<https://www.sbtn.tv/nha-van-linh-bao-da-ta-the-huong-tho-98-tuoi/>

NHÀ VĂN LINH BẢO ĐÃ TẠ THẾ HƯỞNG THỌ 98 TUỔI

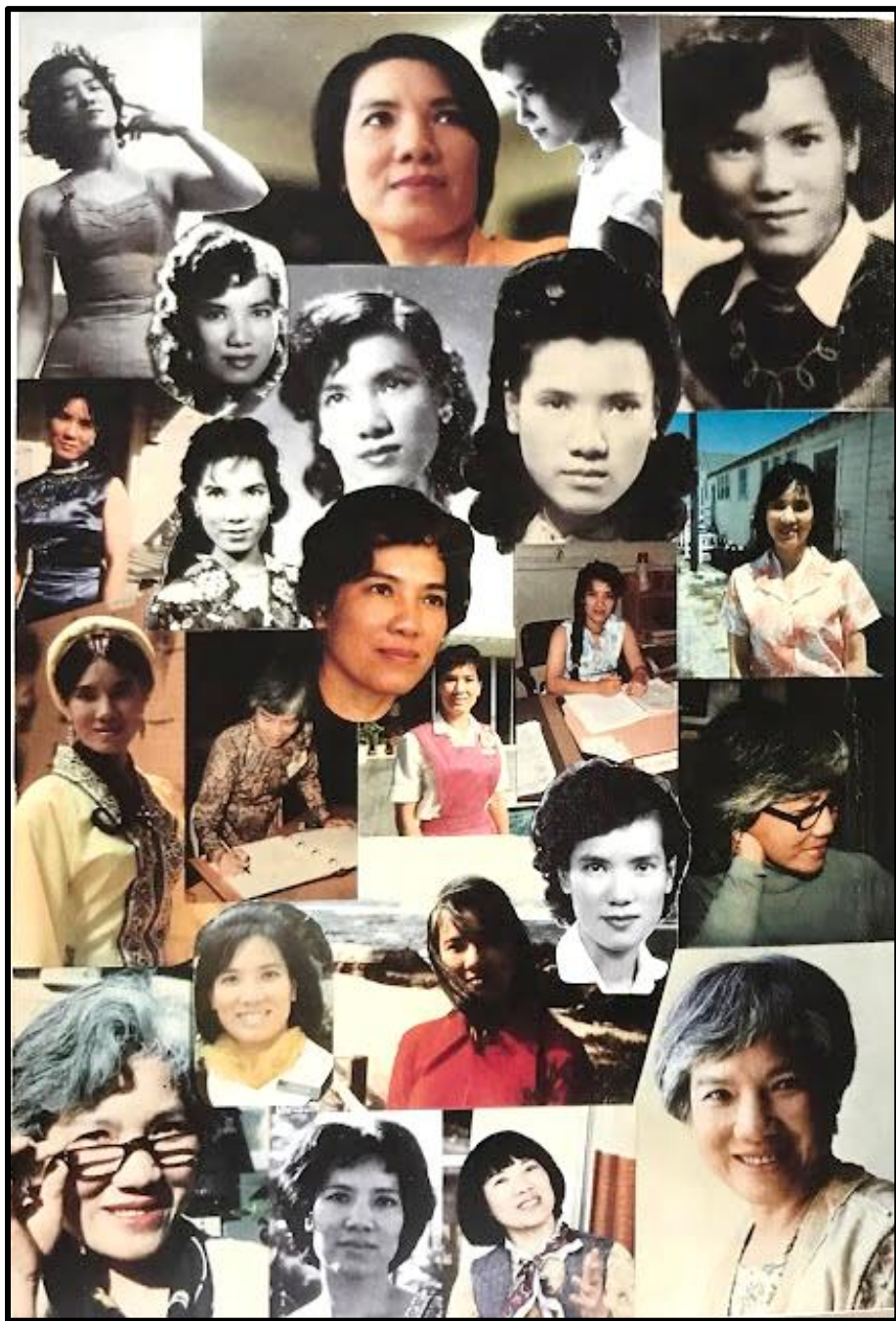
Theo thông tin của gia đình, nữ sĩ Linh Bảo kỷ niệm sinh nhật 98 tuổi hôm Chủ nhật 14 tháng 2024 và vừa mất sáng sớm ngày 22 tháng 04, 2024 tại tư gia ở Westminster, Nam Cali.

Theo ước nguyện của nữ sĩ thì gia đình sẽ không tổ chức tang lễ mà sẽ có một buổi lễ tưởng niệm tại chùa Vạn Hạnh ở San Diego vào cuối tháng 5, 2024. Đây là ngôi chùa mà nữ sĩ là người đồng sáng lập vào những năm cuối thập niên '70.

Nữ sĩ Linh Bảo sinh ngày 16 tháng 04, 1926 tại Huế. Bà là chị ruột của nữ văn sĩ Minh Đức Hoài Trinh. Nữ sĩ Linh Bảo tên thật là **Võ Thị Diệu Viên**. Bút hiệu Linh Bảo là tên của người chồng đầu tiên của bà kết hôn tại Hồng Kông – Trần Linh Bảo - Ling Po Chan.

Linh Bảo là một tên tuổi văn học của Miền Nam từ những năm 1950s. Các tác phẩm của nữ sĩ Linh Bảo được lần lượt xuất bản tại Miền Nam từ 1953 tới 1975. Chỉ có Mây Tần là tuyển tập đoản văn duy nhất được xuất bản ở hải ngoại (1981). Nữ sĩ được trao giải Văn Chương Toàn Quốc 1961 qua tác phẩm Tàu Ngựa Cũ. Nữ sĩ sinh ra trong một gia đình quan lại triều đình Huế: cha Võ Chuẩn nguyên tổng đốc Quảng Nam, mẹ gốc hoàng tộc Tôn Nữ Thị Lịch.

Nhà văn Linh Bảo định cư ở Hoa Kỳ sau khi được tuyển dụng vào giảng dạy môn Việt ngữ 14 năm [1962-1976] tại trường Sinh ngữ Quân đội Mỹ - Defense Language Institute, Monterey, California.





Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1961

Tàu ngựa cũ gồm 9 truyện ngắn, đã từng đăng ở Văn hoá ngày nay và Tân Phong; từ năm 1958 đến đầu năm 1960. Tập truyện này đem lại cho Linh Bảo giải thưởng Văn chương toàn quốc (VNCH), năm 1962.

*Hai truyện ngắn **Áo mới** và **Người quân tử** đã được dịch ra Anh ngữ, từng đem dự thi tại cuộc thi truyện ngắn do PEN CLUB quốc tế tại Luân đôn bảo trợ. (1962). Tác phẩm của Linh Bảo, một trong số 26 tác phẩm được vào vòng tuyển lựa chung kết.*

Tàu Ngựa Cũ

Những tiếng động ồn ào bên mình làm Kỳ bưng tỉnh. Anh không cần mở mắt nhìn cũng biết tàu đã đến một ga nào đấy, hành khách đang chen chúc lên xuống, và trong số đó chắc có người sẽ là bạn đồng hành của anh. Kỳ đã lên tàu từ ga Huế và sẽ đi suốt đến Saigon. Trải qua bao nhiêu ga, bao nhiêu người vào căn phòng hạng nhì này, cũng ngồi tàu với anh một lúc rồi lại đi.

Có người ngồi lâu, nói được vài mẩu chuyện trời mưa nắng, có người, Kỳ tránh nhìn họ để khỏi phải bắt chuyện. Kỳ mong mỗi gặp một bạn đồng hành đi suốt với anh quãng đường dài này, và giá hợp chuyện nữa thì sung sướng biết bao! Anh không nhớ hết những ai đã vào cùng ngồi với anh. Đầu tiên là một bà cụ già đi với cô con gái. Anh chưa nhìn, cô em đã thẹn thò quay mặt đi nơi khác, nhưng nàng nhìn trộm anh trong tấm cửa kính. Bà cụ nhờ anh sắp đồ đạc cẩn thận, làm Kỳ tưởng bà cũng đi xa như anh, nhưng mới đến ga thứ nhất, bà đã kéo cô con, lếch thếch xuống tàu, vội vàng như bị ma đuổi. Kỳ không thất vọng, vì đường dài lắm, anh sẽ còn cơ hội gặp người bạn đường khác. Nhưng từ lúc ấy trở đi, bao nhiêu người lên xuống, người nào cũng chào hỏi, nhưng anh chưa cảm thấy hợp chuyện, họ đã xuống ga rồi.

Mãi cho đến bây giờ, đi đã gần nửa đường, Kỳ thấy hơi chán, không còn hy vọng có một bạn đường vừa ý nữa. Anh đem báo ra đọc. Đọc hết cả tin tức, tiểu thuyết, quảng cáo, lại thuộc lòng cả một tá thơ tương tự của một nữ sĩ. Anh hơi lạ, vì thấy nữ sĩ tả hoa tương tự, lá tương tự, núi sông tương tự, mà không thấy nói đến người tương tự.

Không lẽ cái tương tư của con người không đáng nói. Kỳ che tờ báo lên mặt, giả vờ ngủ. Anh chán nản lắm rồi. Bây giờ, bên cạnh anh, ai lên xuống, ga nào, người ít nhiều, anh cũng mặc, không nhìn nữa. Kỳ biết có người vào phòng anh. Trước hết, chắc là một thiếu nữ, vì nghe bước chân nhẹ nhàng và mùi nước hoa thoang thoảng. Theo sau, là hai thanh niên còn trẻ lắm, vì anh nghe thấy họ hành động nhanh nhẹn và nói cười có vẻ đầy nhựa sống.

Thiếu nữ ngồi bên cạnh Kỳ, có lẽ nàng thấy ngồi bên cạnh người ngủ say, trên mặt lại còn che một tờ báo, sẽ yên ổn hơn ngồi cạnh hai chàng thanh niên có vẻ “sát khí đàng đàng” kia. [...] Tàu vẫn chạy trong đêm, và đêm cũng đã khuya lắm rồi, nhưng Kỳ không thấy buồn ngủ tí nào nữa. Anh nhớ đến bàn tay người bạn gái năm xưa, bàn tay anh đã cầm nhiều lần. Không biết có phải đúng là Thơ ngày xưa của anh không. Bàn tay gầy tay anh lắm, nhưng anh không dám nắm lấy. Bàn tay ấy không đẹp, không chải chuốt, không có móng đỏ như máu, nhọn như vuốt, giống hệt như bàn tay anh đã nắm ngày xưa, nắm một cách yêu thương tin cậy, và lòng êm dịu, bình yên, thỏa mãn như người nằm đúng vào chần đệm và giường của mình trong một đêm rét mướt mưa bão. Kỳ vừa ao ước nàng là Thơ, vừa mong không phải. Nếu không phải, chắc anh sẽ băng khuôn mặt vài hôm rồi lại đầu vào đấy.

Nhưng nếu nàng là Thơ thật tình thì sao? Trong chốc lát, Kỳ thấy trong tim mình như định ra một biên giới. Đây là tình yêu vợ, yêu con, đây là tình... như nước sông, nước suối, nước thác, mỗi dòng nước có một con đường riêng, không hề xâm phạm đến nhau, nhưng tất cả đều đổ về lòng bể, là anh. Nếu đúng là Thơ, anh sẽ không để cho nàng đi thoáng qua như những người bạn đường kia nữa. Nàng sẽ ở bên anh mãi mãi và sẽ đi cùng anh đến ga cuối cùng của cuộc hành trình, cũng như đến ngày cuối cùng của cuộc đời.

Thiếu nữ hình như ngủ say. Nàng bỏ rơi tờ báo xuống, đầu nghiêng về một bên. Kỳ thấy lạnh hắt cả người. Đúng là Thơ ngày xưa rồi. Hình bóng Thơ nằm yên lặng trong tâm hồn suốt bao nhiêu năm trời, bây giờ hiện ra trước mắt anh bằng xương bằng thịt. Thơ già dặn hơn, nhưng những nét vẫn là Thơ ngày xưa. Mi mắt Thơ tuy nhắm, nhưng lòng mắt bên trong rung rung.

Nếu Thơ ngủ thật, chắc nàng đang mơ một giấc mơ buồn. Nét mặt Thơ cố đè nén một cảm xúc gì. Kỳ thấy muốn để đầu Thơ ghé vào vai mình, như thế, chắc Thơ sẽ dựa êm ái hơn, ngủ ngon hơn, và không thể nào mơ những giấc mơ ghê sợ nữa.

Mí mắt Thơ bỗng rung động mạnh và hai giọt nước mắt chảy ra, đem theo cả một dòng, lan tràn trên má. Thôi, Thơ không hề ngủ tí nào cả, nàng chỉ giả vờ ngủ để kéo dài thời gian trước phút nhìn được nhau. Chắc Thơ cũng đã nhận được ra anh lâu rồi.

Thơ chỉ nghe giọng anh nói, cũng như anh chỉ nhìn bàn tay, cũng biết được nhau. Lần này Kỳ quả quyết lắm. Anh nhất định nắm lấy tay Thơ, rồi ra thế nào thì ra.

Thơ mở mắt nhìn anh, nói rất nhẹ:

– Em không ngờ. Có người cho em biết anh chết sau lúc xa em mấy tháng.

– Anh cũng không ngờ. Nghe kể lại, mẹ em đặt bàn thờ và tụng kinh cho em một trăm ngày... anh ngờ sao được!

Kỳ kéo đầu Thơ dựa vào vai anh như trước đây mấy phút anh đã ao ước được như thế.

Hai người cùng yên lặng, hình như không còn nghe thấy gì ngoài tiếng đập của trái tim.

Tàu bỗng hình như chạy mau hơn một cách kỳ lạ và dễ ghét. Kỳ vuốt tóc Thơ, thì thầm:

– Chúng mình đã đi được nửa đường rồi mới bắt được nhau.

Thơ cố nén cảm xúc:

– Nửa đường của chuyến xe suốt, và cả của cuộc đời!

– Cũng còn kịp để gặp nhau!

– Muộn chưa hờ anh?

– Chưa em ạ. Đường còn dài, đời cũng còn một nửa để chúng ta nhìn thấy nhau, ngồi cạnh nhau, sống với nhau. Đừng làm sóng gió nữa em, đừng làm khổ nhau, đừng làm khổ mình, đừng tự ngược đãi mình nữa. Bây giờ, anh không để em thoát. Không có gì trên đời này có thể cản trở chúng ta được nữa!

Kỳ không hiểu tại sao anh có thể nói ra được những câu trái với sự thật như vậy. Ai cho phép anh được ngồi với Thơ, sống với Thơ? Anh rất thành thật với lòng. Anh nói những lời xuất phát từ trái tim và đồng thời cảm thấy rất chua xót, không biết làm cách nào để Thơ hiểu rõ, để cho Thơ biết sự thật, biết anh không còn tự do nữa. Anh muốn giữ Thơ trong cuộc hành trình đi đến phần mộ trong đời mình, mặc dầu biết không có một điều kiện nào.

Như muốn tránh sự thực hiện tại, anh bảo Thơ:

– Em đừng nói gì nữa. Chng mình sẽ có rất nhiều thì giờ nói chuyện. Bây giờ, hãy để yên cho anh ngồi bên cạnh em, biết có em trong tay. Chúng ta đã lỡ nhau suốt nửa đời người rồi. Yên cho anh sung sướng gặp em...

– Ngày xưa...

– Đừng nhắc đến ngày xưa nữa em...

– Ngày mai...

– Cũng đừng nói đến ngày mai!

Hai người cùng yên lặng và hiểu nhau hơn lúc nào hết.

Thơ nhắm mắt lại, ngả đầu vào vai Kỳ! Tàu chạy đều và rung nhẹ, vai của người mình yêu quý, làm gối rất êm. Mi mắt Thơ không còn thấy rung rung nữa, nếu Thơ ngủ được, chắc giấc mơ sẽ yên lành biết bao.

Kỳ nhìn ra ngòai trời. Trời đen nhưng trong, mây sáng lơ thơ giăng mắc khắp không trung. Muôn ngàn vì sao lấp lánh rực rỡ, có những sao băng xẹt ngang rất nhanh rồi tắt hẳn. Kỳ ao ước giá còn được lòng tin tưởng thơ ngày xưa, ngày anh còn bé ở làng quê. Hồi ấy, mỗi khi thấy sao băng, anh cởi nhanh một cúc áo và nói một điều ước. Anh không nhớ những điều anh ao ước có bao giờ thành sự thực, linh nghiệm như lời bà anh vẫn bảo không, vì anh quên ngay hôm sau. Bây giờ, nếu còn hy vọng và tin tưởng được, anh chỉ ao ước có Thơ trong tay anh mãi mãi. Tàu đến Nha Trang lúc trời vừa sáng. Kỳ và Thơ cùng nhìn nhau mỉm cười. Cả hai đã ngồi yên lặng không nói một điều gì quan trọng, cũng muốn phút giây quên hết quá khứ, tương lai và sự thật, càng kéo dài càng tốt. Kỳ đứng dậy nhìn ra sân ga. Bỗng anh thấy cả người như tê lạnh một cách lạ thường. Vợ anh đang đứng nhìn lên từng toa như tìm kiếm. Thấy Kỳ, vợ anh reo lên:

– A, anh! Em cứ sợ anh nhớ chuyện này.

Nàng chen lên tàu, bước vào phòng, nói ríu rít:

– Em đang nghỉ mát, được tin anh vào, nên đón tàu để đi cùng với anh cho vui. Thế nào, anh có mệt không?

Bất giác, Kỳ thấy mệt thực. Bao nhiêu nhọc nhằn chán nản, phiền muộn trong nửa đời người đã trải qua, anh đã quên không muốn nhớ, giờ phút này chúng ùng ùng kéo nhau đến bao vây lấy anh, làm anh thấy mình chỉ trong một lúc như già hẳn đi. Tất cả hy vọng tiêu tan trong chớp mắt một cách đột ngột và tự nhiên vô cùng.

Thấy Thơ đứng dậy sắp sửa hành lý, anh cũng không thể nói được một lời nào, để từ già hay giữ lại. Anh chỉ nhìn theo với đôi mắt buồn rầu băng khuâng. Vợ Kỳ xem xét hành lý và nói với anh những điều gì nhiều lắm, nhưng anh không nghe rõ, và dù nghe rõ cũng không hiểu gì hết. Mắt Kỳ như mờ đi, nhìn theo Thơ vội vàng ra khỏi ga. Anh biết tình yêu của Thơ và anh vẫn còn nguyên vẹn. Anh biết Thơ cố tránh. Thơ không muốn thấy mình cùng đi với Kỳ một chuyến xe trong đời, mà không thể nói với nhau một lời nào. Kỳ ngồi bên cạnh vợ, nghe vợ nói chuyện và thấy nàng đã nói nhiều quá, trong khi Thơ chưa kịp nói với anh gì cả.

Bây giờ, làm sao anh còn nắm được tay Thơ. Làm sao anh biết được Thơ nghĩ gì. Thơ đi đâu? Thơ làm gì? Bao nhiêu năm qua, bao nhiêu lần roi đời quất vào tâm hồn nàng? Bao nhiêu thất bại, đau khổ. Ai lau nước mắt cho Thơ?

Kỳ chưa kịp biết được gì hết, anh đã để cho bóng Thơ tan mất. Và đau đớn biết bao, anh không có dịp nói một lời già từ. Giá biết được phải chia rẽ đột ngột và vĩnh viễn như vậy, anh sẽ cố nói với Thơ một vài lời, dù chỉ là những lời rất vô nghĩa, cũng còn có dịp nhìn được mắt nhau lâu thêm vài phút. Tàu vẫn chạy rất bình yên, như không bao giờ biết được bao nhiêu ly hợp đã xảy ra trong một chuyến đi.

Người vợ ngồi bên cạnh đem lại cho anh thói quen thường ngày. Kỳ thấy lòng mình bình tĩnh lại. Anh lắng tai nghe vợ nói, trả lời vợ và ngoan ngoãn theo vợ về nhà. Ngoan như con ngựa nhà, ngựa thuần. Con ngựa rất siêng năng cần mẫn, ngày ngày kéo xe cho chủ. Đôi mắt ngựa bị che hai bên lại, chỉ còn nhìn thấy một phía trước mắt, một con đường thẳng, một bồn phận. Ngày ngày làm xong công việc, tối về tàu, ngựa sẽ được phát cho một nắm rơm hay cỏ khô, cho ngựa ngủ yên, đợi ngày mai lại tiếp tục công việc, lưng mang nặng yên cương, mắt che kín. Đền bù lại, ngựa được chủ cho ăn no, được khen là ngoan ngoãn, và ngựa ráng hết sức lực làm việc cho chủ vui lòng.

Nhưng may mắn làm sao, Kỳ thấy dù mình như con ngựa đã bị che kín hai mắt, chỉ được phép nhìn thấy một con đường thẳng trước mặt, chỉ được trở về với tàu ngựa cũ mà thôi, tim anh vẫn còn nguyên vẹn, vẫn còn có thể cảm, nghĩ và yêu thương.

Những cánh diều - Linh Bảo

Một buổi chiều đẹp trời, bọn trẻ con trong làng rủ nhau thả diều. Chúng cột diều bằng một sợi dây rất dài, đợi cho gió lộng thả lên, xem diều nào bay cao, bay xa...

Có những cánh diều múa lượn duyên dáng, bay lên cao tít; có những cánh khác vụng về hơn, chỉ bay là là một cách miễn cưỡng; có cánh bay chơi vơi chao đi chao lại, không giữ được thăng bằng; có cánh bay vững vàng chắc chắn, tiến lên đầy lòng tự tin; Có cánh thực hiện ngang oai hùng. Có cánh trông bản thủ bản tiện. Có cánh bay vùn vụt, tưởng như không có sức gì cản nổi. Và cũng có cánh chỉ mới bay nửa chừng rồi đã kiệt sức, hết hơi thở, rơi xuống đất một cách phũ phàng...

Trời đang xanh biếc, những đám mây nhẹ như tơ trắng như tuyết, đang theo làn gió bay lang thang, vương vấn làm quen với bọn diều, thì bỗng dưng có một trận gió lạ cuồn cuộn thổi đến. Bọn diều băng băng vượt mây lên thật cao; một số lớn bị đứt dây, và một số khác bị tuột. Cánh diều ngũ sắc không còn bị kèm chế, tự do bay vùn vụt. Chúng như những chấm nhỏ li ti in trên nền trời xanh biếc. Gió thổi chúng lên núi, ra bể, đến thành thị, về thôn quê, gió thổi bạt chúng đi khắp mọi nơi...

Một vài cánh diều khác còn vương sợi dây mỏng manh, bị lôi kéo dãn vặt giữa hai sức mạnh. Bầu trời cao rộng mênh mông là thế, không khí trong lành là thế, vùng không gian tự do là thế; liệu sợi dây mỏng manh nọ có đủ sức mạnh kéo những cánh diều bạt gió kia về không?

Những cánh diều là những người tha hương. Một số đã bị đứt dây, đã thành mò côi, đã mất liên lạc với quê hương, đã không còn một ai thân mến nữa... Một số bất đắc dĩ, hay tự nguyện làm cho mất gốc. Cái cảnh mất gốc này, có người đau khổ mà chịu, có người tự tạo ra; cũng có người lấy làm hãnh diện về sự mất gốc của mình và cố tranh đấu để xóa tan những tàn tích còn vương lại. Có người còn liên lạc với gia đình, với quê hương, nhưng liệu tình yêu gia đình và quê hương có mạnh hơn lòng tham thụ hưởng những sung sướng vật chất và an nhàn ở xứ người? Họ có thể can đảm dứt bỏ được mọi quyến rũ vật chất để đem về cho quê hương những gì quý lạ họ thu thập học hỏi được trên con đường viễn du không?

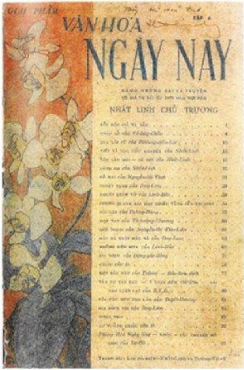
Từ một năm rất xa xưa, có mấy đứa con gái bé đã từng mơ ước “giá mình là con trai”.

Biết đâu, giá được.... “... thì sự anh hùng há bấy nhiêu”.

- Lạ trời thổi ngọn gió hiền, ngày mai đưa những cánh diều tha hương trở về đất mẹ!

Người Quân Tử

**** Linh Bảo ****



Người Quân Tử là truyện ngắn trích từ *Tàu Ngựa Cũ*, tác phẩm văn học được trao giải thưởng văn chương 1961. Người Quân Tử và Áo Mới của Linh Bảo đã được Trung tâm Văn Bút Quốc tế / PEN International tuyển chọn là hai trong số 26 truyện ngắn hay nhất thế giới năm đó.

(Giai phẩm Văn Hoá Ngày Nay tập 6 trang 53 đăng truyện ngắn Người "Quân Tử" của nhà văn Linh Bảo)

1.

Dung bần khoản suy nghĩ lẩn lộn trên giường đã hơn một tiếng đồng hồ. Đáng lẽ nàng phải đi chợ nhưng hôm nay có cơ để cho nàng giận dữ nên định đêm liền một bữa xem sao.

Dung còn nhớ rõ hôm ấy nàng đang chạy dưới đám mưa đạn thì gặp hắn. Hắn đón nàng về nhà hắn trong khu vực an toàn. Vợ hắn về quê không trở lại nên hắn rất tự do. Luôn mấy ngày hai người bị kẹt trong cái tổ ấm đó. Thế là hắn thành ra "chính phủ bảo hộ" của Dung. Kể ra lúc đầu hắn cũng mất một ít công phu. Nào là mua nước hoa đắt tiền tặng nào là tắm rửa cho hai đứa con riêng mồ côi chị nàng, nào là thức dậy từ ba giờ sáng khuấy cà-phê cho nàng uống để đi làm. Nhưng hắn thuộc về loại đàn ông tán gái chỉ mất ba bó hoa là về sau lấy lại cả vốn lẫn lời.

Khi hãng máy bay Dung làm đóng cửa, hắn hết sức dỗi dành cho Dung đừng làm nơi khác, hắn hứa sẽ trả lương cho Dung gấp đôi nếu Dung làm thư ký cho hắn. Hắn nói:

- Tôi đã có vợ rồi nên không thể cưới em được. Tôi chỉ là một người ân nhân, một người quân tử giúp em qua khỏi lúc khó khăn tai nạn. Em cần có một người đàn ông làm hậu thuẫn cho em để em dựa vào đó mà làm ăn, để tinh thần em có chỗ ký thác. Con em cần phải có cha, người ta cần phải có mái nhà như con chim cần tổ ấm. Em không thể sống mãi cái cuộc sống cô độc, trống trải tâm hồn và phải phấn đấu lo miếng cơm manh áo cho con như thế mãi được.

Hắn tán ngọt như mía lùi. Dung nghe như ăn phải bùa mê. Nàng ký thác trọn thể xác lẫn tâm hồn. Mỗi năm nàng đẻ cho hắn một đứa con. Những đứa bé này đều theo họ mẹ và gọi hắn bằng bác.

Với mọi người hẳn chỉ nhận Dung là thư ký của hẳn. Mà cũng đúng như thế thực. Như phải viết thư đòi nợ cho hẳn; giao thiệp với trạng sự, vì hẳn rất thích đi kiện; đi thu tiền nhà, lo chạy các giấy tờ trong việc buôn bán của hẳn, nay Sở này mai Bộ nợ toàn là phận sự của cô thư ký cả. Còn những việc "phi phận sự" thư ký như lau nhà, làm bếp, đẻ con, hẳn cũng giao cho Dung nốt. Hẳn rất hà tiện nhất định không muốn người làm trong nhà, hẳn lấy có là không tin ai hết để bắt Dung làm lấy tất cả. Hẳn đưa cho Dung mỗi tháng ba nghìn gọi là tiền lương thư ký. Và trong số ba nghìn đó cô thư ký phải nấu cơm cho ông chủ ăn nữa.

Số tiền ấy chỉ bằng một phần năm lương Dung đi làm trước kia. Nhưng biết làm sao được khi từ một thư ký thường người ta đã biến thành cô thư ký "vạn năng". Và người "quân tử" lại là hạng quân tử khôn chứ không phải quân tử dại. Quân tử nhất ngôn là quân tử dại, quân tử nói đi nói lại là quân tử khôn. Hẳn thuộc về loại quân tử khôn. Còn Dung xưa nay vẫn nổi tiếng khôn nhưng lại là khôn dại.

Hẳn sợ Dung tiếp xúc với bạn bè bà con nhờ người ta bày khôn bày khéo nên cảm nàng không được giao thiệp chơi bời với ai cả. Hẳn không cho Dung diện và đi phố vì hẳn biết Dung còn đẹp lắm, nhờ gặp người "cao tay ấn" hơn hẳn thì hẳn mất một món bở. Còn biết tìm đâu trên đời này một người đàn bà "ngon một cách thuần túy" như Dung? Trong kỹ nghệ làm vợ "chợ đen" ai cũng đòi được hưởng thụ vật chất đầy đủ để đền bù sự thiệt hại về tinh thần. Chỉ có một mình Dung đã làm cách mạng trái với định luật ấy. Khi Dung đẻ cho hẳn đứa con trai thứ hai hẳn mua cho nàng một cái nhẫn hột xoàn giả. Đó là món quà đầu tiên từ khi nàng về làm "vạn năng thư ký" cho hẳn. Không đeo thì sợ hẳn giận, đeo thì cũng khổ tâm lắm! Cuối cùng Dung nghĩ được cách đeo nhưng quay mặt nhẫn vào trong. Nàng sợ người ta biết nhẫn giả nên quay mặt nhẫn như vậy cố ý để mập mờ thế cho mọi người tưởng mình giàu nhưng khiêm nhường không muốn ai biết.

2.

Dung được hẳn nhờ sọ rất kỹ; bắt nàng tâm niệm hẳn là người ân nhân của nàng, hẳn là người quân tử đã cứu mạng và cứu vớt nàng trong cảnh lửa đạn và Dung cũng tin như thế thật.

Nàng vẫn giữ lòng tin ấy cho đến hôm "bác" của mấy đứa nhỏ chạm trán với Loan, một bạn gái từ thuở bé của nàng.

"Bác" của mấy đứa nhỏ nói thao thao bất tuyệt như lên diễn đàn:

- Tôi là người quân tử, tôi là người ân nhân của Dung. Nếu không có tôi Dung đã chết giữa đám đạn lạc. Tôi chỉ bảo Dung cách thức làm ăn. Tôi không nuôi Dung có tính ỷ lại ăn sống nhờ vào đàn ông như những người đàn bà khác, nhờ khi chồng chết thì làm sao? Vì thế nên tôi không nuôi Dung; tôi tập cho Dung phải làm lấy mà sống, và sống "Độc-lập"!

Hắn nói xong chừng biết mình nguy hiểm, sợ chỉ có một mình Dung nghe lọt tai và tin, chứ còn ngoài ra chẳng ai tin những lời quỷ quái của hắn hết, nên vừa dứt câu, hắn sợ Loan trả lời vội chân sau đá chân trước chạy ra cửa như bị ma đuổi:

- Tôi xin lỗi, tôi đi đây có chút việc!

Hắn đi rồi, Loan cúi lên với Dung. Nàng cười mũi:

- Hừ quân tử! Hừ ân nhân! Đã quân tử đã ân nhân sao lại làm cho người ta có con? Đồ không chịu trách nhiệm, thừa nước đục thả câu còn dám mở miệng xưng là ân nhân, quân tử!

Dung làm trạng sư cho hắn:

- Nếu không có hắn hôm ấy thì tôi thực chết đấy Loan ạ.

Loan cười gằn:

- Nếu là em thì chết phứt đi còn hơn! Hắn chỉ nghĩ đến phần hắn mà không nghĩ đến phần người ta. Hắn giúp chị thì chả có gì là lạ. Trong hoàn cảnh ấy ai chả giúp nhau! Nhưng đâu có phải giúp một tí rồi bắt người ta phải là tôi mọi suốt đời để trả ơn không? Người quân tử như thế sao?

- Tôi nghĩ ra lạ quá! Thì ra hắn đòi trả ơn như thế đấy!

- Người đàn bà cũng cần phải có một người đàn ông riêng của mình, yêu mình và hoàn toàn thuộc về mình. Cần phải có gia đình. Hắn quân tử gì? Ân nhân gì? Hắn hại chị thì có. Hắn lấy chị đẻ con ra mà hắn khỏi nuôi. Chị không phải là vợ hắn mà cũng không còn mong lấy ai được nữa, không mong gì có một gia đình riêng của mình. Chị chỉ là một kẻ nô lệ của hắn, chỉ làm bổn phận mà không có quyền lợi gì hết! Con đẻ ra mang họ chị! Đấy chị xem hắn nhẫn tâm biết bao nhiêu? Chị phải nai lưng ra suốt đời làm tôi mọi nuôi con cho hắn, làm giàu cho hắn trong khi hắn có tiền chở chuyên về cho vợ lớn hết. Đến lúc hắn đá chị thì chị đã thành một bà già đi ở đợ nuôi con! Hắn chỉ lợi dụng, ích kỷ thế mà dám xưng là quân tử cho nó nhục nhã cái chữ quân tử đi. Chẳng thà cứ võ ngược nói: Tao là một cái thằng đều, ai ngu thì mắc mưu ta! Nghe còn sáng khoái hơn!

Dung ngỡ ngác như vừa bị mất cấp! Đúng là nàng đã bị mất cấp ngay cả cuộc đời. Kẻ đánh cắp ngay giữa thanh thiên bạch nhật còn cười vào mũi người bị mất cấp nữa!

3.

Loan thấy Dung sững sờ, nói tiếp:

- Em còn nhớ câu chuyện "áo người quân tử" của ba em kể ngày xưa: "có một chàng nọ có một cái áo rất đẹp. Một hôm anh túng tiền liền vào một tiệm cầm đồ hỏi cầm. Chủ tiệm bảo:

"- Cái áo này tôi cầm cho ông hai trăm. Ba tháng nữa ông chuộc phải trả thêm hai trăm tiền lời nữa thành bốn trăm đồng.

"Anh chàng kia bằng lòng, cởi áo giao cho chủ tiệm và cầm tiền xong ra về. Anh vừa ra đến cửa thì chủ tiệm gọi giật lại:

"- Này ông, tôi có ý kiến này hay lắm. Tôi thấy ông thật thà tôi thương tôi làm phúc làm đức nói hơn thiệt cho ông nghe. Ông bây giờ trong túi không có lấy một đồng đến nỗi phải đi cầm áo. Vậy ba tháng nữa ông lấy đâu ra bốn trăm để chuộc áo về. Nếu lúc ấy ông không trả đủ vốn lời cho tôi, để quá ba tháng nữa thì sẽ phải trả gấp đôi thành tám trăm đồng. Tôi hỏi ông, ông sẽ đào đâu ra số tiền ấy?

"Anh chàng kia gật đầu cho là phải:

"- Vâng, ông nói đúng lắm. Ba tháng nữa tôi cũng không làm sao xoay được bốn trăm đồng.

"Chủ tiệm cười híp cả mắt lại:

"- Tôi biết mà! Vì vậy tôi mới khuyên ông, nếu ông chịu nghe tôi thì đỡ khổ. Này nhé, bây giờ trong túi ông đã có hai trăm đồng rồi. Vậy ông trả trước cho tôi hai trăm đồng đi. Ba tháng sau ông chỉ phải trả có hai trăm đồng nữa thôi chứ không phải bốn trăm đồng. Như thế có phải lợi biết bao nhiêu! Nếu ông không trả được, trễ đến ba tháng nữa cũng chỉ thành có bốn trăm đồng chứ không phải tám trăm đồng. Lời đến một nửa, ông nghĩ thế nào?

"Anh chàng nghĩ đi nghĩ lại, thấy quả thực đúng lý vô cùng. Anh móc túi lấy hai trăm đồng ra trả cho chủ tiệm và ra về.

"Anh về nhà thấy lạnh, chợt nhớ ra mình không có áo khoác nữa. Anh ngẫm nghĩ:

"- Lạ quá! Khi mình chưa bước chân vào tiệm cầm đồ thì tuy túi mình rỗng nhưng vẫn còn có áo khoác ngoài mặc và không nợ. Bây giờ ở trong tiệm bước ra, túi vẫn trống không, áo không có nữa lại có một số nợ phải lo trả lạ quá!"

Dung thét lên:

- Thôi, tôi biết rồi! Chính tôi mới là người quân tử! Tôi là cái anh chàng đem áo đi cầm. Khi tôi chưa bước chân vào nhà hán, thì tôi không có chồng, tôi trẻ, tôi đẹp, tôi tự do, tôi có việc làm để nuôi con tôi. Bây giờ ở nhà hán bước ra thì tôi mất tự do, mất việc. Tôi phải hầu hạ hán, nấu cơm cho hán ăn, nuôi con cho hán. Tôi vẫn phải làm việc lấy đồng lương để sống mà phải đội

ơn hấn nữa. Tôi vẫn không chồng, hấn ở nhà hấn, tôi ở nhà tôi thế mà tôi vẫn phải thuộc quyền hấn xử dụng...

Loan gắt lòi:

- Chị hiểu thế là đủ! Em về nhé!

4.

Loan về rồi, Dung gục đầu lên gối khóc nức nở. Nàng muốn liều lĩnh không nghĩ tới bữa cơm chiều nhưng chợt nhớ tới những cái tát như trời giáng của hấn, Dung vội vàng mặc áo đi chợ.

Dung không có cách nào để kháng cự lại hấn được, nàng đâm ra giận Loan. Phải, tại Loan tát cả! Trước khi gặp Loan nàng thấy đời vẫn êm đẹp. Tuy nhà cửa nàng bần thủ thực, tuy con cái nàng rách rưới thực, tuy những lời hấn đều láo thực, tuy nàng phải làm việc quần quật suốt ngày cho hấn, tuy hấn hay gây gổ máng chửi nhưng nàng đã coi như một sự dĩ nhiên. Ngày trước hấn khuyên nàng lấy hấn để cho con nàng được sung sướng, ngày nay con nàng giống như con mồ cô cả cha lẫn mẹ, nàng không hề phàn nàn, bần khoăn, thắc mắc, nghĩ ngợi, tìm hiểu ai hơn ai thiệt. Tất cả mọi sự đều thành ra dĩ nhiên cả rồi. Nàng chỉ biết cố nấu cơm ngon cho hấn ăn. Lo đi đòi được tiền nhà và nợ về cho hấn vui. Mỗi ngày đến nhà hấn làm tròn phận sự và "phi phận sự" xong tối về ngủ với con. Dung không hề thấy khổ hay nghĩ đến khổ. Nhưng không ngờ hôm nay những câu nói của Loan làm đảo lộn cả tâm hồn nàng.

Không lẽ lại chửi người đàn ông đã từng âu yếm mình. Dung nghĩ được cách giải quyết là trút hết cả tội lỗi lên đầu Loan. Nàng nghiêng răng lắm bầm:

- Đồ ranh con! Mày thì đã hơn ai! Còn mày cũng phải tự nuôi lấy lại còn nhiếc tao! Chỉ được cái tài nói dóc, chửi người ta là giỏi, chính mình thì cũng ngu như bò!

Dung thấy thoả mãn như đã được trả thù, nàng nghĩ đến lúc hấn khen món ăn nàng làm ngon. Hấn cười tít lên rung rinh cả cái thân hình đồ sộ và cái bộ mặt "đồng tháp mười", bộ mặt bí hiểm, thâm trầm, dữ tợn và cũng "phi nhiêu" ấy! Bỗng nàng thấy buồn nôn. Không phải nôn vì nghĩ đến hấn nhưng chắc là tại có một người "quân tử bé con" nữa sắp ra đời.

[Trích Tàu Ngựa Cũ, tr. 43-52, Nxb Ngày Nay, Sài Gòn 1961]

Linh Bảo

diendanthekey.net

ÁO MỚI - Linh Bảo

<https://vietbao.com/a302714/linh-bao>

Chiếc áo đầu tiên quý giá nhất trong gia đình tôi là một chiếc “áo Vua ban.” Hồi ấy, ba tôi làm nghề cạo giấy và mẹ tôi buôn bán theo lối tài tử. Bà làm nghề mách mồi mua bán đồ cổ. Ngoài ra, bà còn vác máy ảnh đi chụp cho các bà Hoàng, bà Chúa, bà Phi, bà Tần trong cung cấm.

Nghề mách mồi đồ cổ là một nghề rất nhàn. Bà chỉ việc diện bảnh, rẽ đường ngói cho thẳng, bôi dầu dừa bóng loáng và thơm nức lên; chiếc quần cũng được là thẳng và xếp thành nếp, gọi là “xếp con”, năm con, bảy con gì đấy cho ra vẻ quý phái. Ăn mặc tề chỉnh như thế, bà chỉ việc đến nhà các mệnh phụ, công nương, ngồi lê đôi mách một vài buổi. Thế là “mẹ” nào muốn bán cái gì, cụ nào muốn mua cái gì, mẹ tôi biết rõ cả. Bà chỉ việc vát vèo ngói lên chiếc xe tay nhà, chạy đi chạy lại một vài lần, là kẻ mua người bán đều vui vẻ.

Nghề chụp ảnh mấy chục năm về trước còn là một nghề rất mới mẻ, nhất là đối với các mẹ, các bà Phi, Tần không thể ra ngoài phố tự do như người thường. Mẹ tôi: được các bà hoan nghênh vô cùng. Phải, còn gì sung sướng hơn một bà Phi, suốt mấy năm trời chàng hề được trông thấy “mặt Rồng” của ông chồng Vua, bỗng dưng có một tấm ảnh mình ngồi chễm chệ trên một chiếc ghế bành chạm trổ tinh vi, còn “Hoàng đế” thì đứng bên cạnh, quàng tay qua lưng ghế, như ôm một cách âu yếm. Mẹ tôi rất tài về khoa ghép ảnh và tính giá rất đắt. Nhưng, tiền có nghĩa gì đối với những cung phi suốt đời từ lúc tiến cung cho đến già, đến chết, vẫn còn là trinh nữ! Tấm ảnh an ủi họ và thỏa mãn một phần nào cái lòng tham hư vinh đã được nuôi dưỡng từ lúc bé thơ.

Trong số các khách hàng của mẹ tôi, có một bà mẹ Vua. Vua thì còn bé, đang đi học xa. Bà ở nhà, sống một cuộc đời vương giả. Suốt ngày, bà chỉ biết bài bạc với những người đến “bầm châu” (nhìn). Bà đã phá kỷ lục về nợ nần, và bà chỉ có vay mà không có trả. Bà cho là mọi người ai cũng có bổn phận phải cung phụng bà, đưa tiền cho bà tiêu xài. Nhưng bà không bao giờ quên an ủi họ, khéo léo nói úp mở cho họ biết, ngày “Hoàng đế hồi loạn,” bà sẽ đền ơn trả nghĩa. Không biết mẹ tôi có bị bà cho vào tròng không, và nếu có, thì chúng tôi, những ranh con, cũng không có quyền can thiệp.

Tôi còn nhớ, bốn chị em tôi có bốn cây kiềng vàng; và bốn cây kiềng ấy có một con đường đi bắt di bắt dịch; từ nhà tôi đến nhà bà Bộ, một bà nhà giàu chuyên cầm vàng bạc. Chúng nó đi “lữ hành” như thế, ít nhất mỗi tháng độ mươi lần. Mỗi khi mẹ tôi xoay được món tiền, chuộc về nằm trong tủ chưa được nóng chỗ, thì lại có lệnh “Ngài ban vay.” Và như thế, bốn chiếc kiềng bé bỏng của chúng tôi lại lên đường đến nhà bà Bộ tạm trú. Bốn chiếc kiềng vàng đi một con đường vòng độc nhất, còn số tiền cầm thì đi một con đường độc đạo, và là một con đường cụt. Nó từ túi bà Bộ sang túi mẹ tôi, rồi nhảy sang túi “Ngài” để rồi bị thủ tiêu mất tang mất tích không còn một chút dấu vết gì để lại với đời.

Đã thế, thỉnh thoảng “Ngài” lại “ngụ” đến “tệ xá” của chúng tôi ở ngoại ô, mặc dầu “tệ xá” quả thực là quá tệ. Nó chỉ là một gian nhà tranh bé nhỏ nằm lọt vào một bãi tha ma to lớn, cách xa thành phố đúng ba cây số.

Ba mẹ tôi sờ dĩ chọn nơi xa xôi như thế để xây “biệt thự”, vì theo lời bác sĩ khuyên, ba tôi yếu phổi nên cần phải thở không khí có gió thông trong lành. Ấy thế mà trong “tệ xá” có rất nhiều đồ cổ quý giá. Những món ấy toàn là của các công nương, mệnh phụ gửi, nhờ cầm bán hộ. Giấy rách phải giữ lấy lề: dù mai không còn gạo để nấu cháo loãng, họ cũng vẫn giữ bí mật, không bao giờ dám ra mặt tạt cầm bán lấy đồ vật. Nhưng họ vẫn còn làm điệu như thường:

- Đưa đây cho mẹ hai xu, mẹ “chém” một củ khoai chơi mà!

Tuy cảnh túng của họ đã trầm trọng đến thế, mà bệnh “khẩu khí” vẫn không hề thuyên giảm tí nào, và họ thấy cuộc sống vẫn không bớt phần hấp dẫn, thú vị.

Đường đến nhà tôi, hai bên trồng toàn thông xanh và phải trải qua hai cái dốc. Thịnh thoảng, người ta lại thấy từ dưới dốc đằng xa có một chiếc xe tay sơn son thếp vàng, một chú lính mặc áo đỏ, chân quần xà cạp vàng, đầu đội nón chóp, ịch kéo xe lên dốc. Sau xe có hai cô bé con độ mười bốn mười lăm tuổi, mặc áo màu hỏa hoàng, đầu chịt khăn đồng màu, tóc xõa ngang vai. Một cô tay cầm chiếc hộp trà và cái ống nhỏ bằng bạc; một cô tay cầm chiếc quạt lông, lẻo đẻo chạy theo sau xe. Thịnh thoảng, cô bé cầm quạt cố chạy lên ngang hàng với chiếc xe, giờ chiếc quạt lông lên, phẩy nhẹ một cái vào trong xe, rồi lại tụt dần xuống đằng sau. Ấy thế mà bọn họ từ cung cấm ra ngoài thành, ngót bốn năm cây số để đến “tệ xá” đấy.

Sau khi đến nơi, “Ngài” chễm chệ leo lên chiếc sập cần xà cừ đặt ngay chính giữa nhà, hai thể nữ đứng hầu hai bên, kẻ pha trà, người quạt hầu. Ngài lần lượt ngắm nghía, thường thức các đồ vật trong “tệ xá”, và cố nhiên khi “Ngài” rời gót ngọc, những món đồ cổ ấy cũng được mang theo “Ngài” ngự, lên chiếc xe nhà sơn son thếp vàng có hai thể nữ chạy theo hầu ầy.

Trước khi bước chân lên xe, thế nào “Ngài” cũng “ban truyền”:

- Chị Tham tính tất cả tiền những cái ché và độc bình này đi. Cả cái táo lung cây vàng lá ngọc kia nữa, rồi ta sẽ trả tiền lại cho. Còn cái sập cần này, chị cho ta mượn, mai ta cho thị vệ ra chở.

Mẹ tôi chỉ biết “Dạ” mà nuốt lệ. Bởi vì mẹ tôi biết, đồ vật cũng như người, khi đã được “tiền cung” thì chỉ còn đợi chết! Mặc dầu được sủng ái, số phận của đồ vật còn đen tối hơn các cung phi mỹ nữ bị lãnh đạm. Các cung nhân, khi đã về già thì được thả hồi nguyên quán, còn những món đồ cổ, càng già càng quý thêm, càng không mong gì được trả về với cố chủ.

Cứ mỗi khi như thế, ba tôi lại lẩm bẩm:

- “Thấy Vua” rõ thật là “thua vầy”!

Cuộc đời cứ thế trôi qua. Ba tôi ngày ngày đi cạo giấy. Mẹ tôi bán đồ cổ và ghép ảnh cho các bà. Tiền kiếm được, dùng để nuôi chúng tôi một số rất nhỏ, còn hầu hết để nuôi “Ngài”.

Một hôm, chắc lương tâm “Ngài” thức dậy - hay là “Ngài” sợ nợ mẹ tôi nhiều quá, không trả bớt, đến kiếp sau sẽ thành ra “nợ thiên khối” như trong kinh Phật dạy - “Ngài” bèn long trọng “tuyên dương công trạng” mẹ tôi một hồi, rồi “thân tặng” cho mẹ tôi một chiếc ao cũ của ông Vua con.

Đây là một chiếc áo the đen, bên trong lót một lớp hàng mỏng màu vàng. Chiếc áo còn thơm nức mùi xạ hương và long não ướp lâu ngày.

Mẹ tôi đem chiếc áo ấy về, vênh vang như một kẻ “áo gấm về làng.” Sự sung sướng của mẹ tôi, được cái áo vua ban ấy, cũng giống như tâm trạng người cung phi trình nữ, được tẩm ảnh ghép ngòai chung với Đức Vua. Cả hai cùng muốn mang một cái hảo huyền ra để thỏa mãn lòng tự ái, lừa mình, lừa người cho đỡ cơn ghiền!

Chiếc áo ấy về phần chị cả tôi. Mỗi năm vài lần, trong những ngày kỵ giỗ, lễ Tết, cái “áo Vua ban” ấy được “trân trọng” trình bày trên thân hình bé nhỏ của chị tôi một vài giờ, rồi lại được trân trọng xếp vào rương chờ dịp khác.

Năm tháng qua; chị tôi mới đầu mặc chiếc áo còn rộng thùng thình, rồi chật dần, ngấn dần cho đến khi không mặc vừa nữa, phải cho chị Hai tôi thay thế.

Từ chị Cả cho đến chị Hai, chị Ba, anh Tư, anh Năm, rồi đến chị Sáu, chiếc áo cứ được đem ra hóng gió mỗi năm một vài lần, cho đến lượt tôi được xỏ tay. Hôm Tết, mẹ tôi mang chiếc áo lịch sử quý giá ấy ra để mặc cho tôi và bảo: “Hoa ơi, cái áo này bây giờ về phần con” thì nó đã mục nát và chỉ động đến là rã tan ra từng mảnh.

Cũng năm ấy, ông Vua nhỏ ngự giá hồi loan. Và từ lúc ấy, “Ngài” ra lệnh không tiếp tất cả các chủ nợ của Ngài. Bây giờ, “Ngài” đã thành ra một bậc cao sang nhất, không thể có chủ nợ, và lại càng không muốn trông thấy người nào hiểu được hoàn cảnh của “Ngài” lúc còn hàn vi; thật là chí lý, chí tình vậy! Còn gì khó chịu hơn một kẻ ở địa vị cao sang, ngày ngày phải trông thấy đám chủ nợ mình ngày xưa, đám người mình từng năn nỉ khóc lóc kêu túng thiếu, người phải cầm bán vay mượn cho mình tiêu xài. Đó là một sự nhục nhã, một uy hiếp tinh thần, có thể làm mất bớt uy nghiêm nhiều lắm.

Tết năm ấy, tôi không có áo mặc, nên tôi khóc mùi khóc mẩn cả một buổi sáng. Tôi chỉ tưởng là mình khóc vì khi chiếc áo đẹp đến phần mình thì đã rách nát, nhưng thật ra, tôi đã khóc cho cái ảo ảnh “ân trả nghĩa đền” của mẹ tôi bị tan vỡ. Tôi khóc cho cái chết của chiếc áo, đổi bằng tất cả của cải mẹ tôi dành dụm được. Tôi khóc cho nền móng tương lai của một đám trẻ thơ, đáng lẽ được dùng của cải ấy để bồi đắp cho thể chất và tinh thần.

Nhưng sau đó, gia đình tôi ngày một khá. Lần đầu tiên, chúng tôi được ăn một thứ thịt, nghe nói gọi là thịt bò. Bữa cơm hôm ấy, ba tôi mất mười lăm phút để giảng giải cho chúng tôi nghe, bò là một con vật để cho loài người ăn thịt.

Một hôm, không hiểu tại sao, mẹ tôi bỗng nhiên “phát từ bi tâm” may cho chị Sáu, tôi, em Tám và em Chín, mỗi người một cái áo xa-tanh màu phấn hồng. Xấp hàng này, có người tặng cho mẹ tôi trong dịp ăn đầy tháng em thứ mười một. Chúng tôi mừng rỡ trông đợi một ngày trọng đại, ngày được mặc chiếc áo hồng lộng lẫy, sặc sỡ, bóng loáng, mát rười rượi và rộng thùng thình như áo tể ấy, thì bỗng dưng ông nội tôi chết.

Tôi thấy ba mẹ tôi khóc, anh chị tôi khóc, tôi cũng khóc. Nhưng thực ra, tôi không nhớ đã được thấy mặt ông nội tôi hồi nào. Tôi khóc là khóc cho bốn chiếc áo xa-tanh hồng tươi rực rỡ, chưa từng được diện qua một lần, vì phải để tang, đã bị mẹ tôi ngâm vào nước thuốc nhuộm răng. Chúng nó biến thành một màu kỳ lạ, không vàng, không lục, không xanh. Màu ấy, ba tôi gọi là “dưa cải úa mùa thu.” Nếu bây giờ bảo tôi đặt tên lại, thì tôi sẽ gọi là một bức tranh lập thể may thành áo. Từng vệt, từng đám, ngang dọc ngổn ngang, chồng chất lên nhau, níu kéo nhau, chằng chịt. Cái áo nhuộm như thế đấy, mà chúng tôi vẫn phải khen cho mẹ tôi bằng lòng. Bởi vì, đã có định luật rằng “thượng cấp” thì phải được “tỏ vẻ hài lòng”; còn “hạ cấp” thì chỉ được có một việc là “nhiệt liệt hoan hô,” dù có thích hay không!

Chúng tôi phải chịu đựng cái xấu xí của áo, và áo cũng phải cố chịu đựng sự tàn nhẫn vùi dập của chúng tôi. Chúng tôi mặc nó nằm lăn dưới đất, mặc suốt ngày đêm, vò nát nó, ném nó từ góc này sang góc khác. Đôi khi còn cắn nát chéo áo để xem cái mùi chua chua của nó, phải thật chỉ chua, hay còn lẫn mùi gì nữa không.

Thật ra, số phận của những chiếc áo ấy cũng đáng thương như chúng tôi, cũng giống như chúng tôi. Tâm hồn chúng tôi sớm đã bị nhuộm thành một màu “dưa cải úa mùa thu,” hay cũng chỉ là một bức tranh lập thể của những niềm đau khổ bé thơ, đã ai hơn gì ai đâu! Thế mà chúng tôi nở dần vạt chúng nó cho đến khi rách nát, và cùng lúc ấy, tang ông nội tôi cũng vừa mãn.

Một bà bạn gái của mẹ tôi ở Saigon gửi tặng mẹ tôi một xấp hàng xa-tanh hồng khác. Mẹ tôi chê sắc sỡ chướng mắt, nên may cho bốn chúng tôi. Bốn chiếc “áo tể” vừa dài vừa rộng, may xong được cất kỹ, đợi “ngày lành tháng tốt” mới được đem ra diện. Thỉnh thoảng, tôi lén mở rương vuốt ve cái áo một lúc. Tôi nâng nó lên, áp cái chất mịn màng mát rười rượi lên cằm, lên má. Tôi ướm nó vào người, hít cái mùi thơm long não và mùi xạ hương từ trong áo toát ra một cách say sưa. Cái “ngày lành tháng tốt” ấy không bao giờ đến, vì bỗng nhiên chú tôi mất. Kể ra, thì đó là một cái tang nhỏ thôi, nhưng mẹ tôi bắt chúng tôi để tang. Và một lần nữa, chúng tôi khóc cho chiếc áo đẹp lại phải nhuộm thành một cái màu lem luốc không tên!

Ba tôi lúc ấy đã bắt đầu rảo bước trên con đường rải toàn thẻ ngà, nôm na gọi là làm quan. Mẹ tôi không còn phải đi bán đồ cổ và cũng không cần chụp ảnh cho ai nữa.

Chúng tôi, mỗi người được sắm một con heo để dành tiền. Nhưng, những con heo ấy, hàng năm đều phải bị đập ra, vì mẹ tôi mở cuộc “lạc quyền” để may áo quần cho bọn con trai tựu trường.

Cảm thông những nỗi khó khăn của các anh khi túng thiếu, chúng tôi lúc nào cũng vui lòng “quyên”. Mẹ tôi bảo đấy cũng là làm việc nghĩa, chẳng mất đi đâu mà thiệt, vì rồi đây, khi các anh mặc ngắn, những chiếc áo ấy cũng sẽ đến phần chúng tôi.

Khi chiếc áo xa-tanh nhuộm mực lem luốc thứ hai “quá cổ” rồi, thì chúng tôi đã thành những cô gái dậy thì. Chúng tôi đã biết then, nhưng khi ra đường vẫn cứ phải mặc những chiếc áo vải dù, vải ba-ga con trai đã bạc màu và rộng mênh mông như cả một trời đau khổ. Chúng tôi cố năn nỉ xin may một cái áo mới cho ra hồn. Mẹ tôi bảo:

- Áo các anh mặc ngắn thiếu gì! Còn tốt và bền lắm; may một lần tốn kém lắm, chứ tưởng rẻ sao! Ngày xưa, suốt đời mẹ chỉ có một chiếc áo vải. Còn các con đã có bao nhiêu cái áo đẹp rồi, nhớ không? “Áo Vua ban” này, áo xa-tanh nhuộm màu dưa cải này...

Tôi nhắc:

- “Dưa cải úa mùa thu” chứ!

- Ừ thì thu, đông gì cũng được. Lại còn cái áo xa-tanh nhuộm màu mực này...

Tôi cải chính:

- Màu lem luốc chứ.

- Con Hoa thật nhiều chuyện! Mới may rồi, còn đòi gì nữa!

Em Tám nói:

- Dạ, mới may bốn năm về trước!

Mẹ tôi mắng:

- Chúng mày rắc rối lắm, không biết hà tiện hà tặn, sau hết phước đi! Phải nhớ, hồi xưa mẹ chỉ có một cái áo, nên mới có ngày nay!

Em Chín tiếp:

- Nhưng mà mẹ quên là mẹ con ông Huyện, và mồ côi; còn chúng con là con ông Tổng đốc đương thời!

- Ai dạy cho mày ăn nói giảm phước thế?

- Mẹ không thương chúng con. Mẹ chỉ thương chị Hồng. Mẹ nhớ chị Hồng mất ăn mất ngủ. Mỗi khi chị Hồng tới xin tiền là mẹ bỏ ống của chúng con...

Mẹ tôi vội vã:

- Thôi thôi, để tôi may, cô không cần phải kể con cà, con kê...

Mẹ sợ chúng tôi phân bì với chị Hồng lắm. Mỗi tháng chị đến thăm mẹ tôi một lần, và mỗi lần như thế là cả nhà náo loạn cả lên. Nội một việc hầu hạ phục dịch chị cũng đủ cả nhà mệt phờ ra. Chị ăn tiêu rất rộng rãi, thưởng tiền cho người nhà không hề tiếc. Đối với chúng tôi, chị cũng “thét đãi” linh đình. Nghĩa là gọi cả một gánh bánh bèo hay bún bò vào nhà, thét mỗi người một tô.

Chỉ có một cái “di hận” là chị chuyên môn bở ổng của chúng tôi. Ba mẹ cho chúng tôi một ổng tiền đặc biệt, nói là dành làm của hồi môn. Nhưng từ khi chị Hồng phát giác câu chuyện ấy, thì chị rủ mẹ cho chúng tôi hùn vào tiệm may của chị. Mỗi tháng, chị đến bở ổng của chúng tôi một lần. Mãi cho đến khi chị bán cửa tiệm đi lấy chồng, chúng tôi chẳng hề thấy chị thanh toán, làm tôi cứ tưởng là cửa tiệm của chị ở nhầm hướng “tán tài” nên suốt bao nhiêu năm trời chỉ chuyên môn lố. Và cái tính không bao giờ thanh toán ấy, chị vẫn giữ mãi không bao giờ thanh toán.

Mẹ tôi quả nhiên giữ lời hứa, lấy một xấp hàng “xá xí” màu vàng nhạt để tận đáy rương ra, may cho chúng tôi. Bà gọi người lính ở trong dinh biết may cắt và căn dặn:

- May cho thật dài rộng mát mẻ nghe không!

Vì chúng tôi đã lớn, rất sợ những chiếc áo rộng mênh mông, mặc vào như bơi dưng trong áo, nên nghe thế, phải dặn với:

- Ừ, may cho dài...

Và đứng sau lưng mẹ, lấy tay ra hiệu may chặt.

Đến lúc áo may xong, mặc thử, thật là dở cười dở khóc. Nó dài phết gót và chặt như bó chân. Chặt đến nỗi tay không co lại được. Người tôi cứ cứng ra như khúc gỗ không cử động gì được trong chiếc áo đó. Chỉ mấy tháng, chiếc áo mới đã phải vá cùi tay và tiếp thêm nách. Nhưng dù vá vúi xấu xí đến đâu, tôi cũng mặc đi nhiều nơi, nó vẫn còn hơn chiếc áo vải ba-ga đen cũ bạc màu của bọn con trai để lại.

Kể vị chiếc áo đấu tranh mà có này, là một cái áo vải “cạt”. Gặp lúc chiến tranh, mọi vật đều phải phối cấp, hàng vải cũng thế. Và chúng tôi được may một cái áo thứ vải “cạt” phối cấp xanh đỏ sặc sỡ lòe loẹt, nhà quê một cách không thể tả được. Mặc nó vào, người ta cứ tưởng là một tấm vải màn, hay cái ghế nằm sofa biết đi. Thế nhưng tôi vẫn phớt như không. Coi như trên đời này không còn ai nữa!

Từ đấy về sau, mẹ tôi chẳng cần phải may áo mới cho chúng tôi nữa, vì chị Hồng thỉnh thoảng lại gởi về một ít quần áo cũ cho chúng tôi tiếp thu. Trong số quần áo cũ ấy, có hai cái còn mới nhất. Chị Sáu chọn cái áo màu đỏ; tôi mặc vừa cái áo màu xanh. Hai chị em, mỗi khi đi phố, đi chợ, đều diện hai cái áo đẹp nhất của mình, kệ cho thiên hạ, bạn bè chỉ trích. Nào là màu sắc chửi nhau; nào là “người trong tranh”; nào là bất chấp thời tiết v.v... Chúng tôi giữ vững lập trường “mục trung vô nhân” và cũng không cần biết đến cả Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Kể từ ngày mẹ giao tiền chợ cho chị Sáu giữ, chị không còn khổ tâm về áo quần nữa. Chị tự sắm cho chị rất nhiều áo quần đẹp, nhưng lại cứ nói dối là của bạn bè, bà con ở xa gởi về cho, thành ra mẹ không rầy được, mà chúng tôi cũng không thể phân bì được. Tôi trông mong chị cao lớn thêm lên, hay béo ra một chút, để rơi rớt cho tôi vài cái. Nhưng rùi quá, người chị bé nhỏ, lùn thấp hơn tôi nhiều, và lòng dạ chị lại sắt đá nữa, nên tôi không hề gạ gẫm gì được cả.

Tôi biết rõ tính mẹ tôi, có tiền chỉ để cho người khác tiêu dùng một cách phí phạm, còn mình và con cái phải hết sức kham khổ. Có lẽ mẹ tôi cũng chẳng có cái áo nào ra hồn. Sau này, lúc tôi bị ném ra ngoài đời, tranh đấu cho cuộc sống của mình, tôi cố dành dụm ít tiền. Mỗi lần cuối năm, tôi mua gửi cho mẹ tôi mười cái áo gấm Thượng Hải. Tôi nghĩ rằng trong mười áo ấy, bà sẽ cho, tặng, bán hay gì đi nữa, nhiều lắm là chín cái thôi. Ít nhất cũng phải để lại một cái tự may cho mình. Và như thế là tôi thỏa mãn rồi. Ngày mẹ tôi bị bệnh trầm trọng, tôi ở xa về, cũng không quên mang theo mười áo gấm nữa cho mẹ tôi. Lúc mẹ tôi mất, tôi soát lại tủ áo để tìm đồ liệm theo, thì thấy chẳng có một chiếc áo nào may bằng thứ gấm Thượng Hải tôi đã gửi về biếu mẹ.

Một người bạn trẻ nói với tôi:

- Chị Hoa, cuộc đời chị thế là hết rồi! Không còn hy vọng gì nữa hết! Không còn tương lai gì nữa hết! Không còn mơ gì được nữa hết!

Hừ, láo đến thế thì thôi! Hấn biết tôi thất bại về hôn nhân; tôi về nước vì mẹ, mà đến nơi thì mẹ mất; đúng là một sự thất vọng lớn lao. Nhưng đâu đã đến nỗi không còn gì để mơ!

Sau khi chôn mẹ bên cạnh mộ cha xong, tôi trở lại Hương Cảng làm việc. Và từ bấy giờ, dù có thừa tiền để sắm nhiều quần áo đẹp, tôi cũng không còn thấy hứng thú gì nữa, không làm sao còn cái cảm giác say mê nồng nàn như khi len lén mở rương vuốt ve cái áo xa-tanh hồng đầu tiên, thuở mười hai.

Tôi còn nhớ, sau ngày ông nội tôi mất, ba tôi thường hay nhắc đi nhắc lại mãi với chúng tôi:

- Khi con cái còn nhớ dai, chúng nó chưa đủ hiểu nên hay oan trách cha mẹ cảm đoán điều này điều nọ. Lúc lớn lên, có gia đình, sinh con rồi mới hiểu lòng cha mẹ; lúc ấy muốn báo ân cho kẻ sinh dưỡng mình, thì cha mẹ đã không còn ở trên đời nữa!

Ba tôi mỗi lần nói thế, bao giờ cũng không dần được hai giọt nước mắt rưng rưng.

Còn tôi, sau này mỗi lúc đi phố, nhìn những hàng gấm màu sắc u nhã, dệt hoa Long, Phụng hay chữ Phúc, chữ Thọ rất đẹp, tôi lại như người lên cơn say, cố mua cho bằng được. Nhưng sau khi mua rồi, mới ngẩn người ra, chợt nhớ mẹ còn đâu, mua áo gấm để gửi cho ai!

Linh Bảo

Tác Giả: Linh Bảo

- [Áo Mới](#)
- [Áo Tường](#)
- [Biên Giới](#)
- [Cái Thâm](#)
- [Cái Thang](#)
- [Cây Chuối Buồn](#)
- [Chiếc Cột Đèn](#)
- [Chuyện Búp Bê](#)
- [Chuyện Tình Con Mèo Trắng](#)
- [Con Chồn Tinh Quái](#)

Quà Tết – Linh Bảo

[trích trong tuyển tập truyện ngắn mây tần]

Minh hỏi Quế:

- Chị đang nghĩ gì đấy?

Đôi mắt Quế vẫn nhìn lên trên trần nhà mơ mộng, không trả lời em.

- Chị nghĩ gì, phải nói ra chứ!

Quế gắt:

- Ở hay, ý nghĩ là tư sản của người ta, sao lại bắt buộc phải nói ra?

- Nhà này không có phép như thế! Cấm mơ mộng, cấm buồn, cấm khóc. Muốn gì phải xin phép em. Tư tưởng không nói ra, không công khai, là tư tưởng...lậu thuế! Chị định giữ lấy một mình để làm chợ đen phải không?

Hai chị em cùng bật cười.

- Thôi để ta nói cho mà nghe. Đồ độc tài. Thật rõ là càng trẻ con càng ưa bắt nạt người lớn! Ta đang nghĩ đến những cái Tết tha hương đã trải qua trong đời.

- Tưởng gì lạ, chứ Tết tha hương thì em cũng có. Những mùi cái cơ đấy. Chị được bao nhiêu?

- Có lẽ mùi ba.

- Con số rui. Tết năm nay, chắc chúng mình sẽ....no!

-Em đoán lỗi gì kỳ quái vậy?

-Em đoán theo kiểu “ phép giải mộng” “ sanh dữ tử lành” mà!

Hai chị em cùng yên lặng một lúc, Minh nói:

- Lạ quá chị ạ, sao những cái Tết no vui thì mình quên cả, còn Tết nào đói hay là khổ là mình nhớ đời. Em nhớ nhất hồi chúng em “được” ăn mứt gừng suốt cả ba ngày Tết. Năm ấy, chúng em nghèo quá chừng: tiền học chưa có, tiền nhà chưa trả, tiền ăn không biết còn đang lưu lạc nơi đâu... Đợi mãi vẫn không thấy thư nhà. Mãi đến chiều ba mươi Tết mới nhận được quà của cô bạn thân nhất gọi cho: một gói mứt gừng thật lớn chị ạ. Mứt gừng là một món ăn rất sang trọng và xa xỉ ở ngoại quốc, nhưng mình không có gì ăn cả ngoài nó ra nên phải ăn suốt ba ngày. Trời, nóng ruột gần muốn điên luôn!

- Còn chị, chị nhớ hồi ở Nam Kinh cũng bị hoàn cảnh như thế. Các sinh viên Việt Nam không ai còn đồng nào cả. Tình cảnh có vẻ nhiều hy vọng được ăn Tết với nước lã lấm. Đêm ba mươi, bỗng có anh Thanh đến chơi. Anh ấy làm trong quân đội Tàu, đánh giặc mướn hộ ông Tướng mấy chục năm vẫn không chết. Anh trịnh trọng đưa cho chị một

gói nhỏ và bảo đây là quà Tết cho tất cả. Trước khi mở, anh bắt đoán. Mọi người cầm gói, nào lắc, nào nghe, nào sờ, nào nắn, làm đủ, nhưng cũng chỉ đoán được đây là một thứ đồ hộp, mà không biết món gì. Mãi sau, mở ra mới biết, đây là một hộp sữa đặc. Anh Thanh cho biết anh không còn đồng nào, chỉ định đến thăm anh em, chuyện trò suốt đêm giao thừa thôi, không ngờ lúc đi đường, thấy cái hộp sắt có vẻ còn mới bên bờ cỏ, anh đá nó một cái và định nhặt để đem cho bọn này làm gáo múc nước. Anh thấy nặng. Thì ra, một hộp sữa còn nguyên. Thế là cả bọn được uống sữa như trẻ con suốt ba ngày Tết. Kể ra, không ấm lòng bằng mút gừng, cũng không no giống như mút gừng, nhưng ngọt ngào thì đủ lắm.

Minh đứng dậy đến bàn chải đầu, bảo:

- Đến giờ rồi, em sửa soạn đi hát. Hôm nay, em muốn chị đi với em. Em mới ốm dậy, hát buổi đầu, run lắm. Chị đi để em vui và thêm tin tưởng.

Trang điểm xong, Quế xách đàn, Minh cắp tay nàng, hai chị em đi co ro trong trời đêm giá rét. Đêm đã khuya, các tiệm bán hàng đều đóng cửa, chỉ còn vài tiệm cà

phê đèn còn sáng. Minh nhìn vào cửa kính một tiệm bán hàng phụ nữ, hỏi chị:

- Tết năm nay, em muốn tặng chị một món quà để kỷ niệm chúng mình gặp lại sau mười bốn năm xa cách. Chị thích gì?

Quế gạt đi:

- Thôi đừng bày đặt ra nữa! Em tặng chị, rồi chị biết mua gì tặng em? Tiền chị để bên nhà, chưa có cách gì gửi sang; có lẽ thứ hai đi học vẫn còn phải cuốc bộ! Túi sạch sẽ lắm, không quà cáp gì cho ai hết!

Minh phụng phịu:

- Không, em khác. Em còn hơn một trăm quan. Tối nay em hát, mai có tiền đi chợ, mua được cả củi đốt sưởi nữa là khác! Giàu đến thế còn gì nữa! Chị không nhận là khinh em, ghét em, em giận chị đấy!

- Ừ, nếu thế em cho chị một cuốn vở hay một tập giấy trắng cũng được.

Hai chị em cùng xiết chặt tay nhau.

Đến nơi, Minh và Quế vào cổng sau, lối đi riêng của nghệ sĩ để lên sân khấu. Quế giúp em thay áo và nàng thềm cầu nguyện cho Minh tối nay hát hay. Minh ốm đã hơn mười lăm ngày. Hôm nay nàng khởi, và đi hát lại, nhưng vẫn còn yếu lắm. Quế sợ nhất là cái giọng. Nếu Minh bị mệt, tắt giọng nửa chừng thì tai hại vô cùng.

Trên sân khấu, người ta để hai gói bông, trên phủ gấm đen, sau lưng là tấm màn nhung màu rượu chát. Minh mặc áo kim tuyến trắng. Minh sẽ đứng ghéch một chân lên nệm gấm, ôm đàn lục huyền cầm và hát luôn ba bài.

Ngày thường, nếu Minh khoẻ mạnh, nàng có thể hát đến mười bài không mệt, nhưng hôm nay Minh còn yếu, nên Quế thấy lo lắng vô cùng. Quế đứng trong sân khấu sau tấm màn, đợi nghe Minh hát. Bỗng thấy người giữ phòng đến bảo:

-May quá, có cô ở đây. Ông giám đốc bảo hôm nay phải che thêm nhưng cả hai bên cô Minh, để khỏi thấy lối vào trong sân khấu. Tôi tìm mãi, nhưng người phụ của tôi đi đâu mất, cô giúp tôi một tay nhé, để che liền hai tấm màn lại cho kín.

Quế gạt đầu và đến cạnh kéo sát hai tấm màn lại. Quế đứng ngay cạnh em, nhưng không trông thấy mặt, chỉ thấy bóng Minh in trên tấm màn nhưng, mái tóc Minh xoả dài xuống lưng. Quế thấy mình tự nhiên cũng nín thở mỗi khi Minh nín thở để hát một câu dài. Trong lúc Minh nhìn nghiêng; Quế trông thấy được bóng môi em mấp máy rung. Không trông được mặt Minh, nàng cũng biết Minh đang nhìn vào khoảng không, tưởng tượng đang hát với một người nào đó, hát riêng cho một người nào đó nghe, để diễn xuất tất cả tình cảm của bài hát giữa đám người xa lạ.

Minh hát xong bài thứ nhất, đến bài thứ hai là một bài Pháp. Tâm trí Quế đi theo từng chữ trên môi em. Trong khi Minh hát ngoài sân khấu, Quế cũng hát trong lòng.

“Anh làm một cái hình nhân để tưởng nhớ tới em.

Miệng em là một trái mơ

Vỏ ốc làm tai, củ cải làm mũi

Tim em, anh để một viên đá

Hai nắm cỏ kết thành mái tóc

Đóa hoa xanh là đôi mắt em

đang rung rung lê

Những giọt lê mắt anh đã chảy ra

Dù anh không muốn...”

Minh hát xong, Quế mừng thầm, nhưng lại lo hơn, vì không biết em còn đủ sức hát nốt bài thứ ba không.

Bên ngoài, Minh đã bắt đầu giới thiệu:

- Đây là bài dân ca Mông Cổ. Bài hát người nông dân ca ngợi vẻ đẹp hùng tráng mỹ lệ của quê hương. Chàng ngồi bên bờ suối, nàng khoác tay chàng ca hát, và một con chim đậu trên cành líu lo hoà theo...

Minh lấy giọng vui để diễn tả tình cảm của bài hát rộn rã từng bừng. Quế thấy bóng Minh trên màn rung rung, từ cánh tay vỗ đàn, mái tóc cho đến bàn chân ghéch lên chiếc gối phủ gấm, tất cả đều rung động, làm Quế cũng thấy rung theo.

Mỗi một phút bây giờ sao dài quá! Bài hát Mông Cổ hôm nay cũng thấy dễ ghét lạ! Nó lên cao xuống thấp một cách bất tử và tốn hơi vô cùng. Quế thấy trán mình lấm lấm mồ hôi. Những hạt mồ hôi cứ to dần và chảy dài xuống mặt.

Nhưng rồi cũng xong. Minh đã giữ được giọng cho đến câu cuối cùng. Nàng cúi chào khác giả trong tiếng vỗ tay hoan hô. Hai dòng nước mắt Quế đã cố gắng hết sức nén giữ mãi, bây giờ cũng chảy dài xuống má, hoà lẫn với những giọt mồ hôi. Quế khóc sung sướng vì thấy Minh đã đứng vững được suốt ba bài hát.

Trên đường về, gió cuồn cuộn thổi ngược, hai chị em dắt díu nhau, những bước chân chập choạng như bước chân đứa bé mới học đi.

Con đường chợ bây giờ đã được quét dọn sạch tất cả rác bẩn, chỉ còn lại những cái thùng gỗ đựng hoa quả, người ta vứt bên vệ đường, đợi xe chở rác đến nhặt. Mắt Quế sáng lên.

Thấy một người say rượu, bước chân ngã nghiêng, từ đằng xa đi đến, Quế dặn em:

-Kìa, thằng say. Em nhìn thẳng, chớ đừng nhìn vào mặt nó. Nhưng cũng phải để ý xem chừng, nhớ nó đến gần còn liệu.

- Liệu thế nào? Vác đàn đánh vào đầu nó, hay chạy? Hay kêu àm lên?

- Tất cả!

Anh chàng say vừa đi vừa hát. Hắn nhìn hai chị em một cách như ngác, rồi lảng đi nơi khác.

-Đố chị, tại sao hắn sợ chúng mình?

- Tại hắn trông hai hoá làm bốn, nên “biết mình biết người”, chuồn trước thế là phải.

Đến nhà, Quế đưa em vào phòng xong, về phòng mình thay giày thấp và lặng lẽ xuống chợ.

Bên vệ đường, mấy cái thùng gỗ vẫn còn nằm yên. Quế nhắc một chiếc, hai chiếc, ba rồi bốn. Bốn chiếc thùng không, tuy không nặng nhưng rất cồng kềnh, khó mang. Quế đi rất chậm, nhưng chỉ một lúc đã thấy mệt. Vừa trông thấy cửa, Quế vội vàng vào ngay, không hề nghĩ ngợi gì cả. Muốn cẩn thận, Quế không bật đèn cầu thang, để lúc vào, đi ngang qua phòng, người gác khởi trông thấy. Cầu thang hẹp, bốn cái thùng lại vác nghênh ngang nên rất khó đi, Quế phải lách mình đi từng bước một, mãi mới đến được từng thứ ba. Quế ngừng lại thở một lúc và hơi ngạc nhiên vì trong bóng sáng mờ mờ của cửa kính chiếu đèn ngoài đường vào, cầu thang có vẻ là lạ. Quế kinh hoàng tìm chỗ bật đèn, cũng không tìm thấy cái khuy bấm vẫn ở chỗ mọi ngày thường bấm.

Lúc bật được đèn, Quế mới biết đã vào nhầm cầu thang nhà khác. Cũng may, chỉ mới đến gác ba!

Bốn cái thùng gỗ lại nghênh ngang được tha xuống. Bây giờ, Quế bỗng thấy khổ sở vô cùng. Mấy cái thùng không đựng gì, nhưng sao mà nặng thế! Cả cái thân mình cũng gàn lê không nổi, hơi thở thì ngắn ngủi, nghẹn ngào, tức tưởi.

Bao nhiêu tính gan lì bướng bỉnh của Quế đều được gọi đến làm viện binh. Quế nhất định không chịu bỏ dở công việc. Quế nhất định chống cự lại với tất cả sự sụp đổ của tâm hồn và thể xác. Quế nhất định vác bốn cái thùng gỗ về đến nhà cho kỳ được.

Lần này, trông thấy lối vào, Quế cũng còn cẩn thận nhìn số nhà, thấy đúng rồi mới vào. Bây giờ, Quế không thấy ngỡ ngàng gì nữa. Nàng bật đèn ngay từ lúc mới bước vào cửa, mặc cho ai trông thấy thì thấy, muốn cười cứ việc tha hồ cười. Nàng nhặt gỗ về đốt lò sưởi, chứ có gì là lạ!

Quế nhón chân cố bước lên cầu thang rất nhẹ, sợ làm thức giấc mọi người ở các phòng khác, nhưng bốn cái thùng như muốn phá đám, vẫn cứ vướng víu, hết đụng cửa bên phải lại va vách tường bên trái. Lách bề ngang không được, xoay bề dọc cũng không xong, Quế mệt mỏi, chán nản quá chừng. Nàng cố gắng hết sức mới lên được đến gác cầu thang tầng thứ sáu. Một cơn suyễn bỗng từ đâu kéo đến ùng ùng chớp nhoáng, làm Quế ngạt thở và tim như muốn đứng dừng lại. Quế cố sức kêu to:

-Minh ơi, ra đón...quà Tết...nặng quá...

Quế cố lê mấy bước cuối cùng đến trước cửa phòng em và chân nàng mềm đi. Quế không còn biết gì nữa.

Lúc Minh nghe tiếng động, mở cửa chạy ra, nàng thấy chị nằm ngất đi giữa đám thùng đồ gỗ ngổn ngang.

Món quà Tết của Quế cho em, đúng là nặng thật.

Minh không làm sao “vác” nổi chị vào phòng.

Linh Bảo

<http://vietnamthuquan.eu/truyen/tacpham.aspx?tacgiaid=327>

Những Tết Tha Hương - Linh Bảo

Tết năm nào tôi cũng nghĩ đây là một tết tha hương cuối cùng và tự an ủi: “ Thôi, chịu khó năm nay, sang năm về nhà ăn Tết. Tết ở quê hương có Thủy Tiên, hoa Đào, hoa Mai và nhất là có mẹ già..”

Nhưng hết năm này đến năm khác, mấy chục năm qua, không những vẫn Tết tha hương mà lại còn biến thành tết lưu vong, và mẹ thì cố nhiên là không còn nữa!

Năm nào cũng như năm nào, Tết ở đâu cũng cô đơn, dù tôi có xê dịch hay ở yên một chỗ, ăn Tết ở nhà mình, ở nhà người, một mình, hai mình, nơi đông đảo hay vắng vẻ. Và lắm khi càng đông người càng cảm thấy cô đơn hơn.

TẾT HONGKONG - 1946

Cuộc chiến đã bắt tất cả thanh niên nam nữ ra ngoài ngưỡng cửa gia đình, bắn tung ra cả đến ngoài biên giới, xô dòn tất cả lứa tuổi từ 16 trở lên vào con đường tranh đấu. Bằng cách này hay cách khác, sớm hay muộn, ai cũng khăn gói lên đường.

Sau khi thoát khỏi nanh vuốt và những vụ bắt bớ của phe này, phe khác, tôi kinh sợ cái hằng say khát máu của các cấp chỉ huy. Cuộc sống bấp bênh đến mức độ có thể, sau một giấc ngủ vô tư, sáng dậy, người ta bỗng trở thành lãnh tụ. Chỉ huy, hay là bị cùm xích cả chân tay. Không muốn lãng phí cái chết của mình, một sớm tinh sương, tôi phiêu phiêu đổ bộ đất HongKong với một bộ quần áo Tàu mong manh. Cái công ty Tàu tổ chức đấm nạn dân đổ bộ, chờ đến sau khi “ các chú”, “ các thím “ qua thoát lưới Hải Quan Anh là họ trút gánh nặng, quay tàu ra khơi để còn đi làm chuyến khác.

Trời Hong Kong mùa Tết gió rét như cắt, nhất là ở những con đường ngay cạnh bãi biển. Hai bên đường phố, các hàng bán hoa quả và hàng Tết bày lan tràn ra đến lề đường, như giục giã người ta sắm Tết, nhắc nhở Tết đây rồi, làm tôi thấy nhớ nhà, nhớ mẹ lạ lùng.

Tôi được giới thiệu vào ở trọ trong một gia đình Tàu. Nhà không rộng, nên họ dọn cho tôi một cái giường vải trong một góc phòng, giăng một tấm màn ngang qua giường, và trong chóp mắt, góc phòng bé nhỏ biến thành cái thế giới riêng biệt của tôi.

Bên kia tấm màn biên giới là giường của hai thằng bé độ sáu bảy tuổi, con nuôi của bà chủ nhà. Hai thằng béo ù thực khỏe mạnh và khá khỉnh, nhưng bị mù. Chúng nó sinh ra toàn vẹn cho đến khi quân Nhật đánh chiếm Hương Cảng. Không biết lửa đạn vung vãi thế nào mà chúng biến thành ra mờ cô và tàn tật.

Trong nhà còn đôi ba cặp nữa, mỗi đôi ở một căn phòng nhỏ, ngăn lại bằng ván ép. Biên giới là tấm ván mỏng, không ngăn được tiếng nói thì ào ào yếm lúc đêm khuya, và cũng không ngăn được giọng cãi vã, dù người ta có xuống giọng thấp đến mấy đi nữa. Nhưng nhờ có cái biên giới tượng trưng nên ai cũng thấy yên tâm như được che chở, và khi bóng tối bao trùm thì bên kia biên giới là hư vô...

Thì ra biên giới thật co dãn. Biên giới có thể là Vạn Lý Trường Thành, là biệt thự này cách biệt thự kia hàng trăm thước, là cái hàng rào thưa, mảnh ván ép, và cũng có thể chỉ là một tấm màn mỏng manh.

Sau biên giới vải, tôi nằm im lìm vờ ngủ, lắng nghe những sống động ưu tư trong lòng, và đồng thời cũng lắng nghe cái Tết đang lan tràn.

Người ta có cả tháng để chuẩn bị, thế mà cho đến phút cuối cùng vẫn còn có kẻ mua bán rối rít. Người nào cũng lo áo quần mới cho gia đình, quà bánh cho khách đến chúc Tết, phong bao cho trẻ con. Đồ ăn thì cố nhiên là phải đặc biệt, những món ăn riêng cho ngày Tết. Đêm đã khuya mà ngoài đường vẫn còn cả một rừng người tấp nập đi mua sắm hay đi nhìn thiên hạ mua sắm! Họ đi vào ánh đèn ngũ sắc như trăm nghìn con thiêu thân, vì chính họ cũng là một loại thiêu thân.

Giờ này ở quê hương, gia đình của tôi đang ở lao tù nào? Các bạn của tôi, chắc hẳn từng đoàn, từng nhóm, đang “xếp bút nghiên”..., đang “một ra đi là không trở về..” Còn tôi mơ màng nghĩ đến ngày mai vào Quảng Châu để gặp các anh em sinh viên cách mệnh đang học ở đấy. Mấy hôm trước, anh Hùng sau khi đọc bản tự thuật “Hoa Sen trên biển” của tôi, đã bảo anh Vĩ, người liên lạc: “Anh đưa cô ấy đi Quảng Châu ngay. Càng sớm càng tốt. Đừng để mất!” Anh Vĩ tin là thế nào tôi cũng sẽ được ở lại học với các anh ấy.

TẾT NAM KINH

Căn nhà chúng tôi thuê được ở ngoại ô Nam Kinh nhỏ bằng một cái phòng. Và thực sự nó cũng chỉ có thế. Nó vốn vẹn là một cái phòng vuông vắn, một cửa ra vào và một cửa sổ. Không có gì nữa, ngoài mấy cái giường vải, ngày xếp lại, tối mới giờ ra. Nhà không có lò sưởi, đã thế, vách ván lại hở, cửa gài thô sơ, gió lọt vào lạnh thấu xương.

Bên cạnh nhà là hồ Huyền Vũ, cái tên thực đẹp. Người Tàu có tài đặt tên đẹp cho tất cả những gì cần đến tên. Hồ này là để cho tất cả xóm giải quyết vấn đề nước non. Họ dùng nước hồ để nấu nướng, giặt quần áo, rửa rau, vo gạo, ban ngày cho tất cả mọi người, và thêm tắm ban đêm cho chúng tôi.

Những nhà Tàu, nếu không phải là thứ tối tân thì không bao giờ có phòng tắm. Nhưng họ có cách tắm ngay trong phòng ngủ, nếu cần. Mỗi gia đình đều có một cái thùng gỗ. Họ ngồi trong thùng, pha một chậu nước ấm để bên cạnh, rồi từ từ dội từng gáo nước lên người. Tôi học được cách tắm này trong thời kỳ ở trọ với gia đình Tàu.

Bọn chúng tôi, cũng như tất cả các anh em đã nhất quyết “ra đi không vương thê nhi..” chả nhẽ lại đi vương cái thùng tắm kè kè bên hông, thành ra khi muốn tắm, phải cấn răng chạy ra hồ, tắm xong, cấn răng chạy một mạch về nhà. Hàng xóm trông thấy phục lẫn, cứ tưởng bọn này võ nghệ siêu quần, nội công thần sầu quỷ khóc, chả biết rét là gì.

Mỗi ngày, ăn điểm tâm xong, chúng tôi cuốc bộ ra thư viện học, Anh Hùng thì châu chực ở Bộ Giáo Dục về việc giấy tờ cho chúng tôi chính thức vào Đại Học.

Hồi ở nhà, tôi chỉ biết ăn mà không biết nấu, tiểu thư mà lại! Bây giờ là người nữ độc nhất và đầu tiên của cả bọn, nên phải học nấu cơm với các anh. Đồ ăn thì thực giản dị. Ai cũng học thuộc lòng câu thánh kinh:” Muốn cao lương mỹ vị thì về nhà mà ăn”, nên không ai chê tôi nấu ngon nấu dở bao giờ cả. Vì tiền Tàu thật giá theo với tình hình quân sự, nên khi có tiền, chúng tôi phải tích trữ rau ăn. Chả có rau gì để dành được lâu bằng hành, nên trong bữa cơm bao giờ cũng có hành. Tôi cũng gắng tập đổi món: hành xào, hành luộc, hành nấu canh, nấu xúp, dưa hành...

Được phép nghỉ học một buổi, chúng tôi ăn Tết bằng cách đi xem thiên hạ sắm sửa. Chúng tôi cũng hòa mình vào với các làn sóng người đang đi mua bán như điên, để hưởng thụ cái cảm giác say sưa của Tết. Xem thiên hạ tiêu tiền xong, chúng tôi về nhà ăn Tết với nhau. Bữa cơm Tết có thêm một món mới hành trộn dầu dấm.

Chiều đến, ông Lũ, một giáo sư đại học, bạn của anh Hùng và cũng là một Mạnh Thường Quân của anh em sinh viên cách mệnh, đến thăm. Ông bà ở thực xa nhưng cũng chịu khó đi xe ba bánh đến, tặng cho chúng tôi một bao gạo và một số lương khô. Chúng tôi nhất định làm cơm thết ông bà. Các anh chịu khó tía rau muống ngâm nước cho nó cuộn cong, trông thực đẹp, để trộn dầu dấm làm món xà lách. Chỉ tiếc, ông bà cũng như tất cả những người Tàu cẩn thận khác, không dám ăn rau sống. Với người Tàu, rau gì cũng có một tính chất: hàn, nhiệt, độc, lạnh v.v.. Rau sống thuộc hàn, lạnh, rau muống cũng thuộc hàn, đã hai lần hàn, lại ăn vào mùa đông thì eo ôi, hậu quả không biết thế nào mà lường được!

Sau này tôi mới biết là đàn bà Tàu phần nhiều rất thạo tính chất của các món ăn hàn nhiệt, để chỉ huy sự “hàn, nhiệt” của các đảng trượng phu. Khi nào thấy các ông “ hàn” với mình quá, các bà chẳng cần phải điểm phấn tô son gì cả, chỉ cần nấu mấy món “nhiệt” là các ông thay đổi thái độ ngay. Và trái lại, nếu các ông “nhiệt” quá, thì trong bữa cơm lại thấy có những món canh, món hầm đặc biệt. Trên nguyên tắc thì các ông vẫn

là chủ động, nhưng chính các bà là người chỉ huy, giật giây lúc nào thì các ông được phép “chủ động” lúc ấy. Thực là tế nhị và hòa bình biết bao! Nếu nghiên cứu kỹ lại thì chắc Hồ Ly Tinh ngày xưa trong truyện Liêu Trai, có lẽ cũng chỉ là những cô nương biết xử dụng các món ăn hàn nhiệt.

Cơm xong, anh Thành, một sĩ quan Việt Nam trong quân đội Trung Hoa mang đến cho chúng tôi một gói mứt gừng, mứt sen, trà Tàu, hạt dưa. Chúng tôi vớt vát lại, mời khách tráng miệng mứt gừng, món nhiệt để cứu vãn cái hàn của bữa cơm rau đậm bạc. Anh Thành bảo chúng tôi liệu cuốn gói ngay đi. Chánh phủ cụ Tưởng sắp rời Nam Kinh đến nơi. Anh được lệnh chỉ huy một đoàn xe về Nam, sáng mai sẽ lên đường. Anh cho chúng tôi tháp tùng miễn phí.

Khỏi cần bàn cãi gì cả, chúng tôi sửa soạn xếp hành lý ngay. Cả bọn đã chuẩn bị bán đồ đạc từ lâu, nên khi quyết định đi là có thể đi liền. Tiền bán bớt hành lý đủ cho các anh, người thì đi xe lửa suốt, trực tiếp về Quảng Châu, người thì nghỉ xa xôi hơn, chạy thẳng qua Đài Loan trước khi chính phủ chạy, như thế, chạy một mạch, đỡ vất vả tốn kém đến hai lần. Đây là anh Toàn, người giàu nhất, có bà con tiếp tế từ Pháp sang đều đều.

Tôi và anh Hùng nhẹ túi nhất, nên theo anh Thành leo lên chiếc xe nhà binh. Ngoài tài xế, chỉ vợ con họ là được ngồi trong xe, còn tất cả những kẻ tháp tùng đều phải ngồi trên đồng thùng xăng, phụ tùng để sau xe không mui, tha hồ mà làm quen với nắng mưa sương tuyết trên con đường Nam tiến – nói cho đúng hơn, là Nam lùi.

TẾT THƯỢNG HẢI

Đoàn xe lên đường lúc còn sớm tinh mơ. Đã là nhà binh, lại chạy loạn, nên hình như ai cũng vui lòng tập hợp đúng giờ, không hề nghe một lời phàn nàn, thở than. Trong không khí hốt hoảng vội vàng, các bà vợ tháp tùng theo xe chồng vẫn ăn diện như Tết. Điểm đặc biệt, là tay bà nào cũng ôm kè kè một cái bọc mà họ gọi là “xám pao” (bọc quần áo). Cái bọc này, tôi chắc là dù có chết đến nơi họ cũng không thả ra.

Có tin Cộng-quân đã lấn quất đâu đây, nên dân chúng mạnh ai nấy chạy. Họ ôm quần áo, heo gà, gồng con gánh cái, chạy ngược chạy xuôi. Họ nội chạy sang họ ngoại, họ nhà trai chạy sang họ nhà gái, nhưng chạy đi đâu cũng thấy có người chạy ngược lại về phía mình vừa mới bỏ đi, gây thành cái hiện tượng kiến trong miệng chén, và cái chén đang ở trên một lò lửa đỏ hồng.

Đoàn xe vượt qua Tô Châu nhanh như chớp. Không ai nghĩ đến hoài tiếc, không thể đi chậm lại để thưởng thức một danh thắng, mà chỉ nghĩ đến vùng an toàn trước mặt.

Hùng và tôi ngồi trên đồng thùng xăng cao ngất ngưỡng lộ thiên, nên phải lấy chăn khoác thêm lên người để chống lại khí lạnh của sương mù. Nếu là thời bình, có thì giờ đi gaio du sơn thủy, thì thú vị biết bao.

Trước khi anh Thành đến “bốc” chúng tôi đi, cả bọn đã biết là sẽ phải về Nam, anh Hùng đã phác họa chương trình đi bộ nếu cần. Chúng tôi đã sửa soạn hành lý chỉ vừa đủ trong ba lô, các vật dụng khác, chỉ giữ lại cái gì sức mình có thể mang nổi trên lưng. Anh đã chuẩn bị tinh thần cho tôi khá đầy đủ về cái chương trình “Nam lụi” bằng chân, để tôi đỡ kinh sợ và chán ngán.

Anh tưởng tượng ra nhiều cảnh lý thú mà chúng tôi sẽ gặp. Ví dụ như một cái quán trọ bên đường trong lúc chúng tôi đã gần kiệt sức... những cây cam dại trong rừng...

Tuy không có nệm êm, có cửa kính đóng lại ấm áp, mà phải ngồi trên mui xe phơi nắng gió, nhưng khỏi mang xách, khỏi phải lết chân lên đèo, lê ba lô xuống đèo, tôi vẫn cho là một sự may mắn tuyệt trần.

Suốt quãng đường dài, tôi tưởng như mình đang đi vào một bức tranh vẽ. Những bức tranh thủy mặc thần kỳ với những núi non trùng trùng điệp điệp. Mây trắng như tơ bao quanh chân núi, hoa vàng nở đầy trong rừng... Tôi nghĩ đến những truyện kiếm hiệp, tả cảnh “tầm sư học đạo”. Nếu người đồ đệ chí thành phải leo lên những ngọn núi ấy để tầm sư, thì... eo ơi! Sư có tầm tôi thì tầm, chứ bố bảo tôi cũng không có sức mà tầm sư.

Cảnh thực đẹp, mà tôi không có lòng nào để thưởng thức khi thấy đám quân nhân xô gạt những bàn tay gầy guộc của dân chúng chạy theo hai bên bờ xe, kêu khóc, năn nỉ, níu kéo, xin lên xe quá giang một đoạn đường, nếu họ không lòi ra một đồng bạc trắng.

Đến Thượng Hải, anh Thành được lệnh đóng trong một tòa nhà lâu vĩ đại đang xây cất dở dang. Chủ nhà chắc biết thân biết phận nên đã bỏ chạy, lánh nạn đi đâu không biết. Mỗi đám vài ba người, chiếm một căn phòng nhỏ vôi gạch ngổn ngang, ở tạm. Đoàn xe tất cả 70 chiếc, phải sửa chữa, lính đồ phụ tùng, xăng nhớt, nhận huấn lệnh v.v.. nên chắc còn phải chờ nhiều ngày mới xong, chúng tôi bắt đầu học vài câu tiếng Thượng Hải thông dụng để mua bán, hỏi đường nhờ bị lạc.

Không khí Tết ở Thượng Hải như có chất điên. Mọi người cuồng say vì Tết lẫn với loạn. Cái không khí loạn cũng như cái Tết bao trùm khắp nơi, không phải chỉ trước mặt hay sau lưng, không còn biết chạy đi đâu để mà tránh nó. Tết qua rồi, mà ai cũng còn hăng say ăn Tết, vì họ ăn Tết với cái ý niệm có thể là ngày mai ăn Tết với ông bà Tổ Tiên.

Chúng tôi góp tiền ăn với quân đội, nên đến bữa chỉ đi lính, khỏi phải tự nấu. Cơm Tết có thêm một miếng thịt mỡ, ngoài món rau xào cổ hũu. Tôi nhường cho anh Hùng vì tôi không thích ăn thịt mỡ.

Từ lúc bắt đầu cuộc “ Nam lùn”, tôi ngạc nhiên thấy Hùng không buồn rầu thất vọng, trái lại, hình như anh vui vẻ khác thường, săn sóc tôi một cách rất chu đáo.

Suốt một năm trời nhìn anh đóng vai thầy, vai anh, vai cha, giờ đây anh mới để lộ con người tình cảm. Cái tình cảm anh cố vùng vẫy chống cự, che giấu. Lúc nào cũng làm cái mặt ta đây đảng trưởng nghiêm nghị, cứng rắn, không bỏ qua một cơ hội nào là không huấn luyện đàn em, nhất là tôi, anh còn bắt khoan bắt nhật, thử thách nhiều hơn tất cả các anh em khác.

Tối đến, anh trèo lên nóc nhà, lấy giầy câu điện ở cột đèn, ngoài đường vào phòng. Thế là trong khi cả tòa nhà thấp đèn dầu leo lét, chúng tôi có đèn điện, lại có cả cái lò điện nhỏ dùng để sưởi và nấu nước trà nóng, còn phong lưu hơn tất cả các bạn đồng hành.

Trong ánh sáng, lò sưởi ấm, cạnh chén trà nóng, anh tạm gác bỏ vai trò đảng trưởng, hiền hòa ngồi chép cho tôi bài thơ Trường Hận Ca của Bạch Cù Di:

Hán Hoàng trọng sắc tư khuynh quốc
Ngự tự đa niên cầu bất đắc...

trong khi chờ đợi đoàn xe tiếp tục lên đường, chúng tôi ngày ngày đi xem phố và các Tô giới. Người trong thành phố đông như kiến, thực đúng như kiến, không ngoa tí nào. Tôi có cảm tưởng nếu có ai ngã xuống đất, thì chỉ trong chớp mắt sẽ bị dẫm nát ngay, mà không ai biết là mình đã dẫm lên cái gì. Họ đi ngược đi xuôi, mua đồ, ngắm phố, ăn cắp vặt, móc túi, giật ví... đủ các mục đích.

Chỉ lơ đãng một tí là có thể bị cái làn sóng người ấy đánh giạt đi mất tăm mất tích trong chớp mắt. Hùng sợ tôi bị lạc, nắm chặt tay tôi để kéo đi cùng một hướng. Và bắt đầu từ đây cho đến khi về đến nhà, suốt cuộc nhàn du, đi bộ cả một ngày trời, anh không hề thả tay tôi ra nữa.

Tối hôm ấy, Hùng bảo tôi:

- Em có biết là em sẽ phải hy sinh rất lớn không? Người cách mạng không bao giờ lập gia đình. Gánh nặng vợ con làm hại sự nghiệp. Anh đã nói nhiều lần cho em biết là hại như thế nào, hại về gì. Anh không cần nhắc lại nữa, vì em nghe đã chán tai, đã thuộc nằm lòng rồi. Anh muốn em tự quyết định lấy: em có chấp nhận hay không. Em sẽ đi

bên cạnh anh suốt đời, tranh đấu bên anh mãi mãi, mà em sẽ không bao giờ mang tên anh, và tay em cũng sẽ không bao giờ đeo nhẫn cưới...

Trong trí tôi rửa thắm:

- Tiên sư thằng cha nào nhồi sọ, đầu độc thanh niên Việt Nam với cái bài hát “ Ra đi không vương thê nhi...”

Nhưng mà thôi, đần đờ, chi li làm gì! Đời anh, đời em, biết có ngày mai không...

Thế là Tết Thượng Hải, dù chúng tôi đã mua rượu Cao Lương hâm nóng và làm một bữa tiệc đặc biệt nhất trong đời mình, nhưng một bữa tiệc như thế, trong một Tết phiêu lưu loạn ly như thế, thực không phải là một điểm ưu cho cuộc đời. Và giá có gởi thiệp mời ông Tư bà Nguyệt, chắc họ cũng không đến dự, vì lễ quá đạm bạc.

TẾT QUẢNG CHÂU

Quảng Châu thất thủ.

Tất cả đám sinh viên ngoại quốc được hứa học bổng của chính phủ Quốc Gia đều rời trường để đi tìm đất lành: Đài Loan, Anh, Pháp, Nhật... Họ là những người được chánh phủ của họ chính thức gửi đến, nên có tiền đi nơi khác. Còn sinh viên Việt Nam, đang lúc loạn lạc, không có chính phủ, tất cả đều đến lẻ loi, tự túc, nên chỉ có một số chạy được. Còn sót lại tôi và anh Minh.

Nữ sinh tức xá đêm 30 Tết vắng lặng lạ lùng. Phần đông sinh viên đều về nhà ăn Tết, chỉ còn những kẻ ở lại vì không biết về đâu. May mà tôi còn có được một việc làm ở trường đề sống cầm hơi, chứ không thì cũng đến phải tình nguyện vào đội “ lạc hương công tác “ (về nhà quê làm việc).

Việc làm này là một đặc ân cho những sinh viên nào cần nhất. Điều kiện được chọn trong số hàng trăm sinh viên xin việc, là phải tứ cố vô thân, không có một bà con họ hàng nào cả trong khắp nước Tàu. Số tiền nhận được hàng tháng đủ trả tiền cơm và tiền túc xá, vào quỹ 25 đồng Hương cảng, độ 5 mỹ kim.

Mỗi sáng tôi dậy từ 5 giờ, đi bộ 25 phút đến nhà bếp để trông nom các “đồng chí bếp” xay đậu nành, lọc rồi đun sôi thành sữa đậu nành cho sinh viên điểm tâm trước khi vào lớp. Sáu giờ sáng, sinh viên lục tục đến bếp, đưa thẻ ra, tôi gạch một nét, đánh dấu để ghi sinh viên ấy đã lãnh phần mình rồi.

Bên ngoài trời sáng mờ mờ, sương mù dày đặc, nhưng tôi đứng trong bếp, không lạnh lắm. Không khí không có vẻ gì là Tết. Dân chúng đã kiệt lực vì các cuộc lạc quyền gần như hàng tuần của chính phủ mới, của đảng, của hội, của đoàn.... Sinh viên cũng kiệt lực, xác xơ vì cũng các cuộc lạc quyền ấy. Họ quyền đến cả áo quần và đồ đạc, bất cứ cái gì còn có thể dùng được. Sinh viên mở một phòng bán đồ cũ. Sinh viên cho, sinh viên bán, sinh viên mua. Đảng, Đoàn và Chính Phủ nhận. Sinh viên nào thi đua cho nhiều nhất sẽ được đề cao, tuyên dương cho những người khác bắt chước. Nếu sinh viên nghèo, không có gì để cho, thì có thể “cho chịu”, nghĩa là cứ hứa trước rồi tìm cách nộp sau!

Xa xa, pháo nổ lẻ loi. Còn ai có tiền đâu mà mua pháo. Với lại, để lộ ra mình có tiền, thì đó là cách chết nhanh nhất.

Sáng mừng một Tết, tôi đang điếm tâm cốc sữa đậu nành phần của tôi thì anh Minh tìm đến bảo nhỏ:

- Có lẽ chị cũng nên đi thôi. Công tác chúng ta được làm này là của tổ chức sinh viên đạo Cơ Đốc. Nhóm này thuộc thành phần tôn giáo, bị coi là phản động nên đã bị giải tán rồi. Họ đã được lệnh ngưng tất cả các hoạt động cứu tế xã hội. Tháng sau, sẽ không còn sữa đậu nành. Và hai lát thịt lợn mỗi tuần để tặng gia doanh dưỡng cũng sẽ không còn nữa. Việc làm của chị, của tôi, cũng như của 38 sinh viên khác sẽ mất. Tôi tin là tôi, nếu cần, cũng còn làm được cái việc ăn no vác nặng, nhưng chị thì đừng nên đợi nước đến chân mới nhảy.

Tôi ngần ngại:

- Đi đâu bây giờ? Làm sao mà đi?

- Tôi bán cây guitare rồi. Đủ tiền chị đi tàu thủy đến Macao. Rồi từ đấy, tùy cơ ứng biến. Nếu cần thì đi Hương Cảng. Tìm cách liên lạc với Hùng ở Thái Lan.

- Sao không đi thẳng Hương Cảng, có phải đỡ tốn hơn không?

- Đường Hương Cảng bây giờ kiểm soát chặt hơn nhiều. Cứ đi Macao. “ Cùng tắc biển, biển tắc thông” mà, còn nhớ không?

Đó là câu nói của Hùng, anh nhắc đi nhắc lại mãi câu nói ấy, mỗi khi chúng tôi gặp sự khó khăn. Hùng lại còn hay nhắc đến ví dụ “ con tàu chật” nữa. Anh bảo:

-Bất cứ tàu chật đến đâu, cứ gắng leo lên. Đặt được một chân rồi sẽ đặt được cả hai chân, tàu lắc lư một lúc, là ta sẽ có chỗ ngồi, có khi cả chỗ nằm nữa.

Hùng cho là muốn đến một nơi nào, miễn là hãy đặt được chân đến, rồi đâu sẽ có đó, thế nào cũng có cách sống và phát triển công việc. Đúng hay sai, tôi không biết, nhưng những chỉ dạy của Hùng đã làm cho chúng tôi thành gan lì, không hề biết sợ nguy hiểm trước mặt. Cái kiểu “điếc không sợ súng”, đôi khi cũng được việc, vì không có cách gì khác hơn.

Tôi vẫn còn ngán ngại:

- Thế còn anh? Tôi chạy, để anh ở lại ăn đòn một mình à?

- Đừng lo! Tôi sẽ có cách. Tụi sinh viên trong lớp tôi là lớp Ngữ Ngôn Hệ, chúng nó không có tinh thần sát phạt đấu tranh như lớp Chính Trị Hệ của chị.

- Nhưng anh bán mất cây đàn. Sao anh nỡ...

Anh Minh cười ngạo nghễ:

- Ôi chào, khi nào có tiền, tậu cây khác. Rồi mai đây, khối thằng chết đói đến nơi, chúng nó sẽ bán đồ bán tháo, thiếu gì!

Tôi tiếc cây Hạ Uy Cầm mà anh rất yêu quý, với cây đàn ấy, tôi đã có công dạy anh hai bài đầu tiên. Mỗi bài, anh tặng cho tôi một thang thuốc suyền, cái thuốc mà anh còn được gia đình ở Hà Nội thỉnh thoảng nhờ “các chú” chuyển sang Hong Kong hộ một ít tiền.

Thực ra, chúng tôi cũng nhận thấy là mỗi tuần Ban Công An đều bắt chúng tôi khai đi khai lại các giấy tờ nhiều hơn trước. Tôi lại cũng được tin là chúng tôi sắp “được” đem ra cho các bạn đồng học “mổ xẻ xây dựng”. Đi là vừa.

- Nếu đi thì nên đi ngay. Đợi vài hôm nữa, ba con đồng chí chẳng tinh ở cùng phòng trở về, chúng nó kiểm soát tôi ngày đêm thì khó thoát.

Ngay hôm mừng một Tết, tôi ra bến tàu đi Macao. Đi với muôn nghìn bấp bênh trước mặt, nhưng cũng không bằng những nguy hiểm tôi để lại sau lưng cho anh Minh gánh lấy một mình. Anh sẽ phải giải thích sự mất tích của tôi với các đồng chí cán bộ Công An.

TẾT BA LÊ

Đây là một trong những cái Tết dễ thương. Ba chị em ở ba phòng liền nhau trên gác sáu của khu phố 14. Thăng em trai sắp ra trường thuốc nên được nhiều cô bạn chiều

thương, được nhiều bà mẹ cơm gà cá gỏi đãi đằng. Lắm khi, các bà chị của nó cũng được tháp tùng những bữa tiệc làm quen.

Thằng em vốn nhát gan. Mỗi lần muốn chạy một đám nào, thì nó làm bộ còn sống trong gia đình phong kiến, sợ chị nó một phép, đổ tội cho chị nó, nói là “chị không cho”, “chị không bằng lòng”, “chị bảo đừng gặp”. Tôi không ngờ mình có oai quyền đến thế. Một mình gánh hết tất cả mọi lỗi của thằng em, để bị các cô chửi toại bời, có nhiều cô, tôi thực chưa từng trông thấy mặt ngang mũi dọc bao giờ cả.

Cô em gái nghệ sĩ cũng khá nổi tiếng, không giàu nhưng muốn gì cũng có thể có được, cũng đủ tiền mua được một số gạo củi để cách đêm. Cái câu “gạo củi cách đêm” này, tôi học được trong một bài thơ. Thi sĩ tự xưng mình sang trọng hơn Đế Vương, không thèm dùng đồ ăn hay cái gì cách đêm, kể cả gạo củi.

Dạo ấy, tôi viết “Lá Thư Ba Lê” cho tạp chí “Tân Phong”, thỉnh thoảng cũng nhận được một số tiền nho nhỏ. Mỗi tối, tôi lại đi làm cái việc “Phong Vương Gia Miện” cho một hiệu ăn Việt Nam sang trọng, nên ngoài gạo củi, còn có thể mua nhiều thứ khác để cách đêm.

Cái trò Phong Vương, chỉ hiệu này có. Mỗi tối, sau khi cơm no rượu say rồi, thực khách ngồi xem biểu diễn các màn giải trí, nghe đàn hát. Đúng 12 giờ, tôi đem ra một đĩa bài tứ sắc lật sấp. Đến mỗi bàn, tôi mời khách lấy một con bài. Trước đó, ông chủ đã định sẵn đại nhân vật nào sẽ được “phong vương”, và tôi đã nấp sau màn nhìn thực kỹ, chỉ sợ ông ấy đổi chỗ ngồi, hay ai ngồi nhầm chỗ của ông ấy thì nguy to. “Đại nhân vật” này có thể là một người nổi tiếng, người giàu sang, hay là người ăn nhiều tiền nhất tối hôm ấy. Phát bài xong, ông chủ giả vờ đi xem bài từng bàn, đến bàn đã định sẵn, ông hô hoán lên, làm như thật. Ông bà “đại nhân vật” được mời lên khán đài, tôi làm lễ “Gia Miện”, đội mũ Vua và Hoàng Hậu và tặng một cặp khay áo sơ mi cho Hoàng Đế. Thọ nhiếp ảnh chụp hình, đàn sáo nhã nhạc. Vua và Hoàng Hậu, dù nóng gần chín người, cũng cố giữ bộ áo Long Phụng cho đến khi mãn tiệc. Hôm sau, họ nhận được ảnh “Gia Miện”, họ sẽ đem khoe với tất cả các bạn bè, và như thế là đã quảng cáo không công cho hiệu ăn.

Làm được ít lâu, tôi thật quá mệt não với cái trò làm thế nào cho người được chỉ định phải bốc nhằm ông Tướng Vàng. Có nhiều người ngây thơ, tưởng là cái trò may rủi thực, cứ từ chối con bài thiếu điều tôi đã dúi vào tay, làm tôi lo cuống lên. Tôi đề nghị với ông chủ là khi xét đến bài của “đại nhân vật” ấy, thì cứ hô lên là xong, bất cứ trước đó ông ấy bắt con bài gì cũng được. Ông chủ bằng lòng vì thấy tôi thực thiếu não. Từ đấy, ông thủ sẵn con Tướng Vàng trong tay, may mà ông cũng có tài làm trò quỷ thuật, nên tráo bài chưa bao giờ bị lộ tẩy. Công việc thành dễ dàng hơn, thần kinh khỏi bị căng thẳng lúc bốc thăm, tôi cũng không còn cho là một cực hình nữa.

Đêm 30, sau khi “phong vương” xong, về đến nhà thì đã gần 3 giờ sáng. Trước khi leo lên 6 tầng lầu, tôi nhặt một vài thùng hoa quả bằng gỗ của các cửa hiệu vớt đầy hai bên đường, đem lên nhà. Những thùng gỗ này, tháo ra làm củi đốt lò sưởi rất tốt. Phải là người đã từng sống cuộc đời sinh viên bên Tàu mới biết quý từng mảnh gỗ vụn.

Ba chị em ngồi bên cạnh lò sưởi, tháo thùng gỗ ra đốt, nhìn lửa reo vui, nói chuyện mãi đến sáng. Tết này có bánh chưng, mứt gừng, mứt sen, có quà từ nhà gửi sang, lại có cả một vài lá thư chúc Tết của các bạn, làm cho tôi cảm thấy mối tình quê hương thật là huyền diệu. Và mối tình ấy, càng xa cách chỉ càng tăng thêm thương nhớ.

Tính lại số đời, sau ngày từ giã Việt Nam lần đầu tiên, đã mười mấy cái Tết. Mười mấy năm, bao nhiêu là nước chảy dưới cầu. Cuộc cờ đời, xóa đi đánh lại mấy lần, cho đến bây giờ vẫn còn một bao hành lý trên vai “khăn gói gió đưa”...

Tôi gặp lại một trong những người bạn cũ từng đi bên cạnh Hùng ngày xưa. Bây giờ người bạn ấy là một nhân viên cao cấp của Sứ Quán Việt Nam. Anh cũng tay bồng tay mang như ai và hình như muốn tránh tôi, có lẽ để khỏi nhớ tới cái thuở hạt muối cắn làm năm làm bảy trong những ngày loạn lạc bấp bênh ở Quảng Châu.

Tết Ba Lê, các nhóm Tả, Hữu, Tiền, Hậu, nhóm nào cũng tổ chức hát hò, nhảy nhót ăn Tết. Ai có sức thì cứ đi ăn Tết với hết nhóm này đến nhóm khác. Tiệc xanh cũng thấy những nhân vật ấy, tiệc đỏ lại cũng những nhân vật ấy. Kết luận là cần gì xanh đỏ. Có Tết thì cứ đi. Đi cho vui, đi cho biết.

TẾT LUÂN ĐỒN

Chỉ sống trong những nước Á Đông mới thấy nhiều màu sắc Tết. Ở các nước Âu Châu, nhất là những nơi người Á còn thưa thớt và sống rải rác, người ta phải tự nhắc nhở để nhớ ngày Tết, vì mồng một Tết ai cũng phải đi làm. Nhưng dù có quên Tết, dù có ăn Tết không long trọng, ai cũng cố làm một cái gì khác thường, và nếu không làm được cái gì cụ thể thì cái buồn vương vẫn nhớ nhưng nó làm cho thành khác thường.

Đêm giao thừa cũng như những đêm khác. Khi không sống chung với những người quê hương, thấy mình lạc lõng, bơ vơ kinh khủng. Tôi thêm thường được nói chuyện với một tri kỷ quê hương để chia sẻ cái cảm giác Tết quê người. Những tri kỷ ngoại quốc, chỉ “tri kỷ” đến một cái mức độ phổ thông tầm thường nào đấy thôi. Khi tiếng ngân của cây đàn tam hồn lên cao đến tuyệt đỉnh thì thấy các ông bạn tri kỷ ngoại quốc chơi với ở đằng xa tí mù thâm. Tôi nhớ đến chuyện ông bạn lão tiền bối cách mạng kể lại hồi ở Hương Cảng: “Minh cao hứng, rung đùi ngâm mấy câu Kiều, tự cho là hay vô cùng, thì bà vợ Thượng Hải rít lên: Ông rên rỉ gì thế? Ôm đấy à? Thế là cụt cả hứng!”.

Bên cạnh người bạn đường đã “đồng sàng dị mộng” từ lâu, cuộc sống là một chuỗi ngày dài như bị hình phạt. Cái hình phạt ấy để trừng trị những kẻ coi rẻ cuộc đời, coi rẻ mình. Những kẻ lập gia đình trong cơn khùng hoảng tinh thần, trong khi cơn cô đơn tủi thân lên đến cực độ, trong khi muốn trả thù ai không biết, muốn tự hủy mình để làm đau lòng người khác, trong khi không đủ khả năng phán đoán sáng suốt. Những người coi lập gia đình như một canh bạc, cứ đánh bừa, không cần dùng đến trí thông minh, mà chỉ chờ may rủi, duyên Trời đưa đẩy...

Tết này, dù có hai mình, mà tôi cũng vẫn ngồi nhìn lò sưởi có một mình. Trong trí tôi phác họa một viễn ảnh khác. Mai đây, lại khăn gói lên đường, lại ra đi với một tương lai mù mịt. Lần này, tôi phải nghiêng răng, cắn môi, cố thu lấy hết tất cả can đảm để đi đến cái tương lai mù mịt ấy, vì không phải tôi chỉ đi có một mình mà còn đèo thêm hai đứa con thơ.

TẾT MỸ

Tôi ăn Tết đầu tiên ở Mỹ với “bà cô các cháu”. Bà chị sang Mỹ từ lâu. Chồng chết, bà sống một mình trong tòa nhà hai tầng. Tầng trên đẹp đẽ sang trọng, tầng dưới - hay đúng hơn là nhà hầm - có một phòng tắm, chỗ để máy giặt máy sấy, một cái tủ lạnh thứ hai để đồ ăn tích trữ và một cái giường cũ.

Tôi phải tha hai con đến nhà bà trong bước đầu tiên để chờ thẻ di trú, và cũng để cho phải phép. Mình đến cũng chả ai hoan nghênh, nhưng nếu không đến trước thì sẽ bị giận suốt đời.

Sau bữa cơm Tết đúng nghi thức, bà lừa ba mẹ con xuống phòng dưới ngủ. Phòng sát mặt đất, sàn xi măng, lại không có sưởi, nên lạnh buốt. Tôi không ngủ được, lên cầu thang định tìm nước nóng uống thì cửa cầu thang đã khóa trái lại bên trên. Định mở tủ lạnh xem có gì uống được không, thì vừa nhìn đến, tôi bỗng ngăn người ra. Cái tủ lạnh, lúc chiều hai con bé tò mò mở ra xem, tôi nhìn thoáng thấy bên trong đầy một tủ đào. Có lẽ bà chị mua sỉ nguyên cả thùng nên để dưới này cho khỏi chật tủ trên. Bây giờ, tôi thấy một sợi giây xích to bằng ngón chân cái buộc quanh, có khóa xích lại ở cửa tủ cẩn thận. Tôi không thể nhìn được cười, nghĩ thầm đến cuốn sách tên là “ Một Nghìn Lẻ Một Cách Làm Nhục Kẻ Khác”. Nếu sách này tái bản, tôi xin ghi thêm cái mục xích khóa tủ lạnh khi có bà con đến thăm và ở lại.

Hai con bé ôm nhau nằm co quắp ngủ say. Tôi không biết làm gì cho bớt lạnh, dậy sắp hành lý để ngày mai tha con về miền Cali, ngày mai, tôi sẽ từ giã bà chị cô đơn, từ giã mưa rét Seattle, từ giã cái tủ lạnh có sợi xích sắt to tổ bố. Tôi tự dặn mình sẽ tìm nơi có nắng ấm, ít nhất là dù có đói cũng không đến nỗi rét.

LẠI TẾT MỸ

17 cái Tết ở đất Mỹ, 17 năm làm thân con kiến để có kết quả ngày nay: tám ngàn phiếu dưỡng lão. Cái phần thưởng suốt mấy chục năm làm ngày làm đêm, lao tâm khổ lực để sửa soạn cho tuổi già.

Người con gái bướng bỉnh, gan lì bạt mạng đi theo cách mệnh ngày xưa, bây giờ ngồi chờ lãnh lương hưu! Tôi chỉ thành công ở một điểm: không phải là một gánh nặng cho gia đình hay xã hội.

Những “đồng chí” ngày xưa “ra đi không vương thê nhi...” còn ai? Hùng đã quá sớm được các bạn tể bài “Chiêu Hồn Tử Sĩ” do chính mình đặt ra trong một chiến khu ở miền Nam Việt Nam. Một số bạn khác biệt tích. Còn lại một số sống sót và đã gặp lại được thì người nào cũng ề lửng ra gánh đầy mấy gánh thê nhi...

Tôi không làm được gì hết, nhưng có ai làm được gì không? Có ai viết được trang lịch sử hào hùng nào cho đất nước không?

Tôi đã lặn vào canh bạc đời một thân một mình, giờ đây, canh bạc gần tàn, bước ra, cũng một thân một mình, với nhiều vết thương thặng trầm chí mạng và không ít bê bàng.

Bây giờ có ai hỏi tôi, nếu còn cơ hội làm lại cuộc đời, tôi sẽ thay đổi như thế nào, tôi đã có sẵn câu trả lời:

- Nếu được làm lại thưở còn cha mẹ, tôi sẽ không làm cho người đau lòng như tôi đã làm.

- Nếu được làm lại thời xuân còn xanh thì tôi sẽ liêu hơn, sẽ sống cho trái tim nhiều hơn một chút, không để cho phần lý trí quá mạnh xía vào làm hỏng cả việc lớn.

- Nếu được làm lại khi con còn thơ bé, tôi sẽ làm việc ít hơn, để có nhiều thì giờ chia sẻ với con lúc chúng nó cần tôi nhất. Tôi sẽ không từ chối đánh cờ, bát phở với chúng nó, vì chỉ một thời gian rất ngắn, những đứa bé ấy sẽ lớn lên với vết hận được cha mẹ áp yêu chưa đủ.

Chỉ có một điểm, giá được sống lại thời gian ấy, thì tôi cũng sẽ làm lại y như thế chứ không thay đổi gì cả, đó là quãng đời cách mệnh phiêu lưu, chạy vắt giò lên cổ, bữa đói bữa no mà thực có ý nghĩa và thú vị vô cùng. Và hơn nữa, cả đến bây giờ, nếu Hùng còn sống, thì tôi cũng sẵn sàng vứt bỏ hết theo anh tranh đấu, dù ở chân trời góc biển nào...

Tết San Diego năm nay lại chỉ là một Tết tha hương cô đơn như tất cả những Tết tha hương cô đơn khác. Cô đơn một mình và càng cô đơn hơn trong những lúc ở chỗ đông người.

Có khác chăng, là tôi không cần phải có, dù chỉ tấm màn mỏng để làm biên giới. Tôi chỉ ngược mắt nhìn ra xa, trong một thoáng giây, là tôi có thể lẩn vào vùng ảo ảnh tâm linh khác, cách biệt hẳn với tất cả mọi người, hồn tôi đã tách riêng ra ở bên kia thế giới vô hình.

Có khác chăng, là cái Tết tha hương đã thành ra cái Tết lưu vong.

Có khác chăng, là cái hẹn ngày về, cái hy vọng hồi hương, không phải chỉ cần một tấm vé máy bay hay con dấu chiếu khán xuất nhập cảnh là đủ. Rất có thể là phải có cả một sự hy sinh hàng vạn “vạn cốt khô” để cho những đứa con lang thang được trở về ăn Tết ở đất mẹ.

Buồn ơi là buồn!

Linh Bảo - 1979

"Trích trong tuyển tập truyện Mây Tàn"

<http://vietnamthuquan.eu/truyen/tacpham.aspx?tacgiaid=327>

Văn Nghệ Trốn Đầu Rồi - Linh Bảo

(trích trong tuyển tập truyện ngắn mây tần)

Chiều 27 Tết, nhà Lan trống không. Ai cũng mút bánh hoa quả ăn Tết. Lan trốn Tết. Đồ đạc, nạng đã bán, cho và gói hết. Áo quần, nạng thu gọn trong mấy chiếc va-li, đợi mai lên đường.

Lan trải chiếu nằm dưới sàn nhà, hai con nằm hai bên. Gian phòng trống rỗng có vẻ dễ thương lạ. Lan thấy tâm hồn nhẹ nhàng thư thái. À, bây giờ nạng mới hiểu rõ cái bực mình của nạng. Thì ra một phần vì đồ đạc nhiều quá. Những món đồ gỗ nặng nề ám ảnh, đè nặng tâm hồn nạng. Lan thấy bút rút bắn khoăn: trong gian phòng nhỏ, đầy những món đồ gỗ bao vây nạng một cách chặt chẽ và càng ngày càng nhiều thêm lên.

Mỹ ôm đầu nạng quay sang trái, hỏi:

- Me ơi, tại sao mình không ăn Tết?

Lan chưa kịp trả lời thì Ly đã ôm đầu nạng quay sang phải, hỏi dồn:

- Sao me không cho con ăn Tết? Tụi nó ăn Tết hết cả rồi me ơi!

- Me bắt con nằm dưới đất.

- Mình ăn Tết ở đâu hả me?

Hai con nằm hai bên, mỗi đứa một câu, làm nạng trả lời không kịp. Khi một đứa hỏi, nó vặn đầu nạng quay về phía nó.

- Về Hongkong ăn Tết.

- Sao lại phải về Hongkong? Ở đây không được sao?

- Ở đây cũng được, nhưng buồn lắm.

- Hongkong vui lắm hả me?

- Không, buồn hơn.

- Thế sao me lại đi? Thôi, con đi nhảy hu-la-húp đây. Me không cho con ăn Tết!

Hai con bé rủ nhau xuống sân nhảy vòng. Lan được yên tĩnh nghĩ ngợi.

Có những đêm Lan thao thức. Nàng trăn trở mãi trên giường, cố tìm một

dáng nằm êm ái, thích hợp, để dễ tìm giấc ngủ. Nhưng trăn trở mãi vẫn không tìm được. Trong cuộc sống, nàng cũng đã có cái cảm giác như thế: sống ở quê nhà, ở hải ngoại, sống chung, sống riêng, chả có một cuộc sống nào làm cho nàng dễ chịu.

Lan thay đổi, xê dịch, cố tìm một lối sống, như một lối nằm thích hợp trong đêm không ngủ, nhưng tìm mãi vẫn không thấy.

Lúc xa quê hương, nàng tưởng như nắng quê hương ấm áp, đủ sưởi ấm lòng, và những người bạn của quê hương làm cho nàng hết cô độc. Nhưng sự thực trái lại: nắng làm cho nàng đổ mồ hôi một cách mệt nhọc, và những người bạn, lúc họ quan tâm đến nàng, chỉ làm cho nàng khổ, và lúc họ không quan tâm đến, càng làm cho nàng khổ hơn.

Những người bạn trong làng văn, thỉnh thoảng đến bảo nàng viết, nhưng

họ chỉ đăng khi nàng ký cái tên văn nghệ của nàng. Và một cô bạn gái độc nhất của Lan cũng quan tâm đến nàng, nhắc nhở:

- Này, đừng có viết nhiều ở ngoài mà hóa ra nhảm nhí đấy. Gắng viết những bài thực là “văn nghệ”, kéo hồng mắt cả tên tuổi.

“Văn nghệ”, “tên tuổi”! Toàn là những cái áo kim tuyến lấp lánh, rực rỡ

dưới ánh đèn. Ai chả muốn mặc thứ ấy, nhưng còn phải có điều kiện mới mặc được chứ. Nghĩa là, ít nhất phải đủ năng lực sắm nổi cái áo rực rỡ.

Lan nghĩ đến cái nòi “văn nghệ” của mình, bên trong chỉ toàn nước lã chứ không phải cơm. Một tháng viết một truyện ngắn, đăng xong, vài ba tháng sau mới lãnh được mấy trăm bạc. Ô, thì ra văn nghệ là một thằng chồng nghèo mà ghen tuông vào hạng nặng. Hấn ta không nuôi nổi vợ, nhưng cũng nhất định không cho vợ đi làm để nuôi thân. Và nếu lỡ hăng có chết ngும், chết dịch làm sao, thì vợ hấn phải “thủ tiết” với hấn cho trọn đạo văn chương.

Tên tuổi! Hai mươi năm sau nữa, những cái tên và cái mà người đời nay gọi là “tác phẩm” sẽ thành lạc hậu, không hợp thời, thế mà người ta vẫn tưởng chừng như một nghìn năm sau, đời vẫn còn ca tụng mình. Hừ, thực ra có ai biết thị mệ nào là cái thị mệ nào!

Mỗi ngày, u già vẫn dậy từ sáu giờ sáng, nhắc nhở:

- Cô cho tiền chợ, tiền gạo, tiền than.

- Đây là giấy đòi tiền nhà, tiền điện nước, tiền học em, tiền thuốc...

Văn nghệ ơi là văn nghệ mi chạy đi đâu mất rồi! Lan bán khoản thắc mắc, sắp

viết cái đề tài nàng suy nghĩ, xếp đặt từ mấy hôm, chỉ một câu nó của u già quét sạch ráo cả nguồn văn.

Để thanh toán những con số, Lan phải dạy học, đi làm và viết những bài không văn nghệ tí nào. Các bạn làng báo thấy nàng gần hơn một chút. Các bạn làng văn xa nàng hơn một chút, vì nàng đã bỏ làng văn, đi lang thang kiếm ăn ngoài làng báo.

Tết sắp đến, các bạn bảo:

- Viết một bài nhé! Văn nghệ cơ đấy!

Ô kia, văn nghệ là cái quái gì? Văn nghệ có ở cái căn phòng bé nhỏ này đâu!

Trong lúc tâm hồn nàng trống rỗng, không có một chút hơi văn nghệ nào, mà chỉ đầy rẫy những băn khoăn, thắc mắc, thì họ lại muốn nàng viết những bài văn nghệ. Sao họ yêu cầu cao quá vậy?

Ai bảo người văn nghệ ở bất cứ nơi nào, hoàn cảnh nào, cũng có thể “thai nghén” những đứa con tinh thần lành mạnh? Sự thực, văn nghệ chỉ cao khi nào không cần tiền, không cần cơm gạo. Văn nghệ đã cần đến tiền nó sẽ thấy ngay những con số. Số chữ, số trang, số cột. Nó sẽ thấy chệch bại, dìm, và cả nản nỉ hạ giá vì báo ế, báo nghèo v.v... Rồi lúc người văn nghệ giơ tay ra lấy tiền thì thực là cả một trời văn nghệ đổ sụp xuống chân. Có khi con người văn nghệ còn phải đi lại rã cả mấy bận, mà vẫn không thấy được cảnh “văn nghệ đổ sụp xuống chân” mới sàâu chứ!

Trong một lúc “thủy triều” xuống rất thấp, Lan đã tìm thấy “chân lý” ấy. Nàng bán đồ đạc, từ giả các bạn để lên đường. Các bạn nàng ngạc nhiên hỏi:

- Đi đâu làm gì, ở lại đây làm văn nghệ với anh em có vui hơn không?

Lan lắc đầu cười:

- Ấy, chính là muốn làm văn nghệ, nên mới phải đi! Đi để trở lại làm văn

nghệ. Cái duyên hay cái nợ văn nghệ? Ai muốn hiểu sao thì hiểu.

Bạn hoài nghi, nhưng Lan cố tin tưởng: Khi trong đầu nàng hết cái chuyện gạo củi mắm muối, nàng sẽ có thể viết được.

Lan chợt thấy lòng êm dịu hẳn lại, lúc nhớ đến Hương, một người bạn thân.. Vô lý đến thế là cùng. Thì ra chính Hương cũng có dự một phần trong tất cả mọi hành động của nàng. Hương tử tế thân mật, nàng làm việc với một tâm tình khác. Hương lạnh nhạt, nàng làm việc một cách khác. Trong lúc “ thủy triều” trong lòng nàng xuống thấp nhất, nàng lại chợt tìm ra cái “ chân lý” văn nghệ tai hại kia. Giá có Hương bên cạnh, chắc Hương sẽ bảo nàng đi nghỉ mát một nơi nào đó vài ngày, đợi lúc “ thủy triều” lên, Lan lại làm việc say sưa. Nhưng chẳng may Hương đi xa suốt mấy tháng trời và tính Lan khi quyết định việc gì là làm ngay, vì nàng biết nếu để chậm lại, nàng sẽ không làm nữa.

28 Tết, mọi người náo nức rộn ràng, lo đón Xuân, ăn Tết. Lan cô đơn dắt hai con lên phi trường. Các bạn thân của Lan đã có lòng tốt tìm nhiều cách cố giúp để Lan ở lại, đều không được. Tất cả đã tốt với Lan nhưng, - như một nhà đại văn hào ngoại quốc đã nói:” Địa ngục lát toàn bằng hảo ý” – Lan gặp nhiều “ hảo ý”, và phải chặng chính những “ hảo ý” ấy đã làm cho Lan run sợ.

Lan bước lên phi cơ với ý nghĩ có lẽ mình đang từ giã một cái “ thành hảo ý” này để đến một cái “ thành hảo ý” khác, và biết đâu lại chẳng phải trở lại cái “ thành hảo ý” này!

Và Lan vẫn còn phải băn khoăn tìm một cách sống thích hợp, như tìm một dáng nằm êm ái, để được ngủ yên trong một đêm trần trọc.

Mệt mỏi với cuộc sống cũng như cảnh đêm dài thao thức, Lan thấy trò chơi hú tim văn nghệ cũng vui vui!

Linh Bảo, 1958

<http://vietnamthuquan.eu/truyen/tacpham.aspx?tacgiaid=327>

Biên Giới - Linh Bảo

(trích trong tuyển tập mây tần)

Tùng xuống tàu từ Yokohama. Cùng rời bến với anh, có một ông Linh mục và các nữ sinh Nhật sang Pháp học vẽ. Các cô Nhật này tuy cũng thuộc hạng “giai nhân”, nhưng anh không có cảm tình mấy, nên không muốn làm thân.

Tàu đến Hong Kông, lại thêm một lớp hành khách hạng ba mới lên. Các cô thiếu nữ Trung Hoa kên kiệu một cách khó thương. Khách đàn ông, thì một số sang Anh tìm việc làm và hể mở đầu câu chuyện là không thể thiếu được ba tiếng chữ thề, được gọi là “tân tam tự kinh”, làm cho anh không hiểu tiếng Tàu cũng phải hiểu. Vì thế, Sheroo nổi bật hẳn lên.

Sheroo là một cô gái miền Tây Bắc Ấn Độ, nên da nàng không pha màu cà phê đậm như các cô Ấn Độ miền khác. Hôm đầu mới lên tàu, Sheroo mặc quốc phục: áo trắng tay ngắn và chiếc Shari màu gạch non có hoa vàng viền dưới gấu. Tóc nàng đen và mắt cũng đen một cách êm dịu lạ lùng.

Tùng chỉ nhớ lúc đầu mới gặp nàng, anh có một cảm giác rất bằng lòng. rất thoải mái dễ chịu. Tùng không hiểu mình bằng lòng cái gì, bằng lòng sự gặp gỡ, hay là cảm mến người con gái lạ kia.

Một hành khách nói đùa rằng nếu ai đi trên tàu thủy một tháng mà không thể làm quen một người bạn mới nào, thì đời không còn làm ăn gì được nữa, chỉ còn cách vào nhà tu kín mà thôi. Tùng không đến nỗi thế. Hầu hết mọi người đều có thiện cảm với anh. Tùng quen tất cả, nhưng Sheroo là người anh nói chuyện nhiều nhất. Một lý do nữa, là nàng nói thạo tiếng Anh hơn những cô gái khác.

Khi tàu đến Singapore, anh và Sheroo cùng đăng tên vào đoàn du lịch của hãng tàu tổ chức. Có hai đoàn: một đi xem thành phố Singapore, ăn quà, mua sắm lặt vặt trong thành phố, và một đoàn đi xa hơn, đến tận Johore, thủ đô của xứ Mã Lai. Tùng và Sheroo cùng ở đoàn thứ hai, làm cho Tùng thấy gần và mến Sheroo hơn, vì trong khi các cô gái khác chỉ thích xem phố và ăn quà, mua sắm, thì Sheroo chịu khó đi xa, chịu tốn tiền để xem những cảnh khô khan nhưng tăng gia kiến thức..

Đoàn du lịch bắt đầu đi xem cung điện của vua Sudan Mã Lai trước, kể đến vườn bách thú và Đài Chiến Sĩ trận vong. Đài này, theo lời người hướng dẫn nói, là đài kỷ niệm hai mươi bốn nghìn binh sĩ của tất cả các thuộc địa Anh, đã chết trong các trận đánh với

Nhật để bảo vệ Tân Gia Ba. Cuối cùng, xem Mohamed Ali Mosque, một trong những đền thờ của đạo Hồi Hồi.

Lúc sắp bước chân lên đền, Tùng lưỡng lự không biết có nên cởi giày ra như những người khác hay không. Lúc đi, anh không ngờ có cái vụ cởi giày, nên không thay tất mới. Tùng tưởng là phải đi bộ nhiều lắm, nên vẫn mang đôi tất cũ đã thủng mấy lỗ, bây giờ làm anh ngượng với Sheroo. Thấy mọi người đã vào cả, Tùng đành tặc lưỡi một cái, rồi cởi giày theo đúng luật lệ của dân bản xứ. Sheroo còn đứng lại ở cửa lớn chờ anh. Tùng chỉ đôi tất, mỉm cười bảo:

- Cô xem, khổ thế đấy. Thiếu người sửa túi...

Sheroo nói:

- Để về tàu, tôi...

- Cô vá hộ nhé?

Sheroo lắc đầu cười:

- Còn lâu! Tôi cho anh mượn kim chỉ. Phải tập làm cho quen!

- Quen để làm gì?

- Để sau này vá cho vợ chứ! Còn ai làm việc ấy hộ cho anh nữa! Vợ mình chứ vợ ai mà ngại.

Thấy Sheroo tinh nghịch, Tùng cũng trêu lại:

- Thế mà tôi định để dành cho cô vá đấy! Nếu cô không biết, tôi xin dạy miễn phí, bảo đảm hai giờ thành công, giỏi hơn thầy nữa là khác!

Sheroo bĩu môi:

- Còn lâu!

Hai người cùng cười. Bây giờ, Tùng không còn ngượng ngừng gì về đôi tất rách nữa. Anh nói rất nghiêm trang:

- Tôi nhất định không vá đôi tất rách này, vì trong cái thời buổi rất “đắt đỏ” khan hiếm thứ đàn ông thông minh, đây là một cái quảng cáo rất tốt, tỏ ra rằng kẻ mang nó cần

một người “hiền nội trợ”, và biết đâu chả có người thấy đôi mắt rách của tôi mà “mủi lòng”, rồi thương lây đến “kẻ sĩ” này chẳng!

Sheroo có vẻ chế nhạo:

- Tôi chưa thấy ai “khiêm nhượng” hơn anh. Trong một câu, vừa tự xưng mình là người thông minh, vừa ra điều kiện cưới vợ phải là người “hiền nội trợ”. Nếu lỡ gặp phải cái thứ chần tinh đội lốt mỹ nhân thì sao?

- Tôi không tin cô thuộc loại ấy. Và ví dụ như phải chẳng nữa, tôi cũng không sợ!

Sheroo lại bĩu môi:

- Còn lâu!

Tùng nhìn Sheroo với cái nhìn hăm dọa, như con hổ đã nhìn thấy mồi ngon, trước khi vồ lấy nhai ngấu nghiến, còn vờn quanh để tăng thêm khao khát.

Sheroo cũng nhìn lại một cách khiêu khích, như con mồi được nằm yên trong một cái cũi sắt chắc chắn an toàn. dù thấy kẻ địch đến múa men trước mặt cũng không hề run sợ, vì đã biết trước nếu hắn ta vồ mình, là giờ phút hắn ta bước vào “tử địa”.

Cô hướng dẫn mời mọi người đứng quanh gần cô và bắt đầu làm phận sự. Cô cất cao giọng, giảng giải bài học thuộc lòng cô phải giảng hàng trăm nghìn lần trước mặt du khách:

- Những tín đồ Hồi Hồi, mỗi ngày thứ năm phải đến làm lễ tại đền thờ này. Trước khi bước chân lên đền, phải rửa mặt và chân tay. Vì thế, trước mặt đền, phải xây hàng chục cái máy nước mới đủ dùng.

- Cái đài cao, chạm trổ và giắc vàng này, là để cho nhà sư lên giảng kinh Koran mỗi tuần lễ.

- Mời quý vị xem. Tất cả đá Cẩm thạch lót dưới sàn, trên tường, và trên trần đền thờ, đều được chở từ Ý Đại Lợi đến. Tám thảm quý dưới chân quý vị, là thảm Ba Tư.

- Đây là toàn bộ Kinh Koran chụp hình lại.

- Bản đồ những chiếc đồng hồ treo trên vách kia là để chỉ những giờ phải cầu nguyện. Mỗi ngày năm lần ở nhà, và mỗi tuần phải đến điện một lần.

- Đây là... Đây là...

Cô hướng dẫn vừa đi vừa kể. Mọi người theo sau lưng cô, mắt cứ nhìn lên, nhìn xuống, quay phải, quay trái theo ngón tay cô chỉ. Sheroo lùi lại sau cùng, hỏi một ông sư đứng cạnh:

- Cô ấy bảo chỉ cầu nguyện 5 lần một ngày thôi, tại sao lại có những chín cái đồng hồ?

Nhà sư mỉm cười, vui vẻ trả lời:

- Năm lần theo lệ thường, còn bốn lần kia là phụ trội trong những ngày lễ đặc biệt.

Thấy ông sư có vẻ muốn giảng cả bộ kinh Koran, Sheroon cảm ơn rồi vội vàng chạy theo các bạn, lên xe về bến.

Hành khách ở Singapore lên tàu, phần đông là người Ấn Độ. Bọn họ xoa lên người một thứ dầu rất nặng mùi. Dần dần, sân tàu gần như bị chia làm đôi. Nhóm Người Ấn Độ đi đầu là những người khác tránh dạt cả ra. Và mãi đến lúc ấy, Tùng mới nhớ tóc Sheroo cũng có mùi dầu tương tự. Anh không dám thử mạnh để nhận xét xem nó giống mùi gì mà chỉ thoáng qua một chút trong không khí, cũng đủ làm cho người ta thấy nôn nao khó thở. Có người nói cho Tùng biết rằng dầu ấy làm cho da và tóc họ được bóng lóng và thêm đen, thêm đẹp. Tùng nghĩ thầm, may mà Sheroo chỉ xoa một ít lên tóc, nếu nhiều quá chắc anh hết dám đứng gần.

Thấy Tùng không rời Sheroo, các bạn anh chế nhạo:

- Có người phải coi chừng, trái tim sắp rụng đến nơi! Không hiểu nghe Sheroo nói chuyện bằng cái tiếng Anh giọng Ấn Độ ấy thì có thú vị gì. Nghe mười hiểu một.

Tùng trả lời:

- Phải, các “ngươi” là giống “thông minh vật”, nghe một hiểu mười, còn “ta” thích nghe mười hiểu một, như thế mới đủ “huyền bí lý kỳ”.

Tàu càng đi các bến xa, hành khách lên càng đông và màu da càng đen thêm. Qua khỏi Bombay, sóng bắt đầu to và gió dữ dội. Phần đông hành khách đều bỏ cơm, nằm yên trong phòng. Phòng ăn cũng như sân tàu vắng vẻ yên tĩnh hẳn lại. Thấy Sheroo vẫn lên sân, Tùng kêu ngay:

- Nếu tất cả hành khách đều như cô, thì hãng tàu phải đóng cửa sớm.

- Tôi có làm gì thiệt hại cho hãng đâu?

- Từ hôm cô lên tàu, tôi chưa thấy cô vắng mặt trong phòng ăn một bữa nào.
- Đầu óc bóc lột giỏi như anh mà không đi buôn, thật là mai một cả thiên tài.
- Thôi, xin đủ ạ. Nói thực chứ Sheroo không mệt sao?
- Mệt lắm chứ, nhưng phải gắng chịu để làm gương cho kẻ khác bắt chước. Thế nào, hôm nay có phải thân tặng cho anh hai viên thuốc say sóng “Sealeg” nữa không?

Tùng nói lảng:

- Thôi, chúng ta nói chuyện khác đi, đừng để lạc đề nữa!

Sheroo mỉa mai:

- Thế anh cứ nói chuyện nghiên cứu hóa học của anh đi. Ai bắt anh phải đổi chuyện, mà kêu lạc đề ầm cả lên.
- Không, tôi muốn nói chuyện gì khác hơn nghề của tôi. Chẳng hạn như, tôi rất sung sướng vì Sheroo không ăn “bằng tay” như những người Ấn Độ khác.
- Ở nhà, tôi cũng ăn như mọi người, nhưng khi có khách lạ, hay là trước mặt anh chẳng hạn, tôi mới dùng đến các thứ “khí giới” dao thìa ấy.
- Thế tại sao nhiều người Ấn Độ không ăn thịt bò?
- Những người theo đạo Phật như chúng tôi, tin rằng tất cả mọi sinh vật đều biết đau đớn cũng như người, nên chúng tôi chỉ ăn rau và hoa quả. Chúng tôi uống sữa của bò, nên yêu bò như mẹ, con có bao giờ ăn thịt mẹ không?
- Thế cô không sợ một ngày kia bò sinh sản nhiều quá, sẽ cai trị loài người?

Sheroo cười:

- Thì đã làm sao chưa? Cùng lắm là “hầu hạ” bò, dẫn bò đi tắm, quét dọn chuồng bò, trồng cỏ cho bò ăn chứ gì! Đối với bò thì chúng ta đã thành nô lệ từ lâu rồi nhưng không nhận thấy thôi.

Một sĩ quan trên tàu đi ngang qua chỗ hai người đứng dừng lại nói:

- Tối hôm nay, tám giờ có chớp bóng. Phim hay lắm, cô nhớ lên xem.

Người sĩ quan đi rồi, Tùng nhìn theo mỉm cười. Sheroo nói:

- Trông nụ cười của anh có vẻ “bất lương” lắm.

Tùng vẫn cười:

- Tôi kể chuyện cô tích cô nghe nhé: Có một tiểu thư nọ đi tàu biển, người ta xem thấy nhật ký của cô ta viết như thế này:

“Ngày thứ nhất: Thuyền trưởng là một thanh niên rất đẹp trai”.

“Ngày thứ hai: Anh ta nói, nếu tôi không đáp lại tình yêu, thì anh ta sẽ đánh đắm tàu, tất cả hành khách sẽ chết đuối, không còn một ai sống sót”.

“Ngày thứ ba: Tôi đã cứu tất cả hành khách và thủy thủ hơn ba nghìn người”.

Sheroo cười ngất:

- Đối với tôi thì... còn lâu! Tôi là người không biết “hy sinh”, dù là hy sinh cho chính tôi cũng vậy!

- Thế cô sống để làm gì?

- Sống để làm gì à? Sống để... trêu tức thiên hạ! Ngán chưa?

Tùng chỉ ngoài biển xa hỏi:

- Cô có thấy gì không?

- Quái vật của Đại Dương, lạ lùng gì?

- Cố nhiên là cô phải quen lắm. Cùng họ Quái mà, Cô có tin là nếu tôi có người vợ như cô, thì đàn Quái Ngư kia chắc chắn sẽ được một bữa điểm tâm rất ngon lành.

Sheroo bĩu môi:

- Còn lâu!

Sau buổi nói chuyện với Sheroo, Tùng thấy hoàn toàn thất vọng. Đứng là giữa anh và cô gái Ấn Độ này có một biên giới vô hình ngăn cách. Tùng không thể yêu bà như mẹ, không chịu được mùi “dầu thơm” hôi nồng nực, không thể ăn bốc, ăn cay như các đồng hương của nàng được. Anh là một người tận tụy với khoa học, suốt ngày vui đầu trong phòng thí nghiệm để tìm những phương thuốc mới, tân tiến nhất. Anh đi sang Đức mục đích để nghiên cứu

thêm những dược chất lạ, còn Sheroo chỉ “đi chơi”. Sheroo “đi chơi” trong giấc mơ cũng như trong cuộc đời, trên đường đời, nàng không thấy một việc gì đáng gọi là quan trọng cả. Anh xây dựng, trong khi Sheroo phá hoại. Anh làm cho đời bớt đau thương, còn Sheroo “sống để trêu tức thiên hạ”. Hai người như đi trên hai con đường song song, trông thấy nhưng không bao giờ gặp được nhau.

Như một người quân tử, xử sự một cách rất “quân tử”, Tùng tự lý luận: thôi để cho Sheroo yên. Vả lại, chính mình cũng không thực yêu Sheroo cơ mà! Vì nếu yêu thì mình đã làm hết cách, dù là “vương đạo” hay “bá đạo” cũng được, để có nàng. Dù cho Sheroo có trốn chạy đến tận chân trời góc biển nào, dù “còn lâu” cho đến ngày tận thế, dù Sheroo có tài trêu tức đến đâu mình cũng không tức, không bị nàng gạt đi một cách nhẹ nhàng như thế. Mình không yêu, mình không yêu”.

Lòng tự ái được thỏa mãn, Tùng yên lòng và vui vẻ như một người “không yêu” thực sự.

Những ngày cuối cùng trước khi cập bến Marseilles, trời rất đẹp. Tất cả hành khách đều lên sân chơi, nhưng nét mặt mọi người đã bắt đầu hiện ra những xúc cảm khác nhau. Thôi thế là hết những ngày ăn rồi ngồi ngắm biển và tán dóc. Người đi học, kẻ đi làm, Từ đây họ sẽ đi tung ra các nơi khác. Mai đây phải lo bài vở, thi cử, lo tranh đấu, lo phát triển, lo làm lợi cho mình, làm không hại kẻ khác, bao nhiêu là “kiểu mẫu lo” đều tập trung cả vào một chuyện tàu.

Tàu đến bến Marseilles, bến cuối cùng, Tùng từ giả Sheroo một cách vui vẻ, bình thản.

Anh trở về với công việc quen thuộc: phòng thí nghiệm, với những chai lọ ngổn ngang và lại vui đầu vào sách vở. Tùng tưởng làm như thế anh có thể quên những kỷ niệm vui nhẹ êm đềm và nhất là tưởng mình quên được Sheroo. Tùng kiêu hãnh như người vừa chiến thắng một trận rất vinh quang, dù không có kẻ địch. Anh bằng lòng mình, như một phú ông vừa nhin tiêu tiền một trăm đồng để bỏ thêm vào ngân hàng cho đủ số hai mươi triệu! Bằng lòng một việc làm khá vô ích.

Sự thực, hình ảnh Sheroo vẫn theo Tùng đến phòng thí nghiệm. Anh càng cố quên, Sheroo hình như càng cố trêu tức anh thêm. Đôi mắt tinh nghịch của nàng hiện ra giữa

các con số, chữ tắt, làm anh thỉnh thoảng lại đắn trí và để mình chìm đắm trong nhớ nhung. Từng nhớ đến từng cử chỉ, lời nói, từng cái chớp mắt, từng mẩu chuyện của anh với Sheroo. Một hôm anh hỏi nàng:

- Nếu có người nói yêu cô, cô sẽ trả lời thế nào?
- Láo hết, không tin.
- Nhớ thật?
- Thật thì cho họ chết.
- Chết như thế nào?
- Chết trẻ, chết già, chết tự nhiên, chết miễn cưỡng, thiếu gì cách chết.
- Thế còn cô?
- Cũng chết chứ sợ gì ai! Chết tầm thường, chết đặc biệt, chết vui, chết buồn, chết khô, chết héo, chết sung sướng trong tay người yêu, hay là chết vì ghét nhau, chưa biết, còn phải đợi xem “ hồi sau phân giải”.
- Nhưng tôi không ghét Sheroo đâu!

Sheroo trề môi, hát hàm cười bảo:

- Còn lâu!

Lúc ấy, anh cho là Sherro rất dễ ghét và điên. Nhưng bây giờ, thấy hình như trong cái điên của nàng cũng có ít nhiều chân lý thực: đấng nào cũng chết, mà ai cũng chết! Nếu đã như thế, tại sao anh không chọn cách chết vui vẻ, chết dễ thương, chết trong tay người yêu một cách sung sướng?

Tùng ngạc nhiên, không hiểu tại sao mình đã có thể gần được đến thế. Một mùi dầu lạ thoáng trong mái tóc Sheroo thì có nghĩa lý gì, mà cũng đủ làm thành một biên giới chia rẽ hai tâm hồn. Với Tùng, bây giờ giá Sheroo xoa dầu cả người cũng không sao. Một bể tắm đầy xà phòng có thể rửa sạch tất cả mùi dầu lạ kia, cũng như một tình yêu chân thành, tuyết đối, có thể thay đổi hẳn tính coi rẻ đời của nàng.

Khi Tùng tìm ra chân lý, thấy mình đã nghiện Sheroo, nghiện cả những mẩu chuyện trái tai của nàng, khi Tùng thấy thời gian và không gian, cũng như tất cả những sự trái ngược của anh với Sheroo đều không thể làm thành biên giới, thì Sheroo đã ở tận một chân trời nào! Sheroo vẫn còn đang “đi chơi” với hai chữ “ còn lâu” luôn luôn ở trên môi nàng. Còn Tùng vẫn ở nguyên một chỗ trong phòng thí nghiệm của anh, và thỉnh thoảng, các thứ thuốc anh chế lẫn lộn lại làm anh say sưa tưởng như mùi thuốc mê vương vương trong mái tóc người mình thầm yêu.

Linh Bảo

<http://vietnamthuquan.eu/truyen/tacpham.aspx?tacgiaid=327>

Một Truyện Ngắn Hay Nhất - Linh Bảo

(trích trong tuyển tập mây tần)

Sau bữa cơm tối, Quế dọn dẹp phòng mình thực nhanh. Từ hôm trời trở rét, nàng phải mang bao tay cao su để rửa bát, chùi nhà cũng như giặt dũ hay làm những công việc khác. Đó không phải là tính dè dặt các rởm, nhưng trong mùa rét ai cũng làm thế để cho công việc nhanh chóng hơn. Nước lạnh buốt như nước đá mà phải thò tay không vào thì chắc áo quần suốt mùa đông không bao giờ được giặt. Nguyên tắc của Quế là làm thật nhanh để chóng được nghỉ, nên chỉ trong nửa giờ là mọi việc đâu vào đấy cả.

Thấy gian phòng đã sạch sẽ thứ tự lại như cũ, Quế rất bằng lòng. Quế nghĩ đến lời cô em luôn luôn nhắc: Ngày chị, không phải là “Ở bản sống lâu” đâu nhé. “Đói cho sạch, rách cho thơm” mới là văn hóa Việt Nam.

Ở cái thành phố Paris này mà ba chị em được mỗi người một phòng thì thực thần tiên, mặc dầu lầu sáu, nhưng lên 6 lần cầu thang thì có nghĩa lý gì đối với sinh viên. Quế thay quần áo ngủ xong, cho hai chân vào chần, kéo chần lên đến ngực, rồi ngồi dựa lưng vào tường. Ngoài chần, Quế để cái khung nhôm, bên trên gác một tấm ván mỏng. Đó là bàn viết trên giường của cô em gái thương Quế, tính sợ lạnh, nên nhường cho nàng dùng. Bên cạnh, Quế để sẵn một cốc nước thật đầy, đủ uống suốt đêm, trên đầu là ngọn đèn nhỏ có cái chao màu lá mạ, của một người bạn thân tặng. Ngọn đèn này đã theo nàng đi khắp nơi, và mỗi đêm, lúc Quế thao thức, thế nào cũng bật nó lên xem sách, hay có lúc chỉ nhìn sững ngọn đèn nghĩ ngợi chứ không làm gì cả. Bên cạnh giường là chiếc bàn con, từng trên để máy thu thanh, từng dưới đầy sách vở, giấy viết, máy chữ, Quế nằm trên giường, chỉ việc với tay là cái gì cũng có. Thì ra con người càng lười, cuộc sống tổ chức càng gọn gàng chu đáo.

Không còn thiếu thức gì nữa, Quế để tập giấy lên bàn và ngã đầu vào vách mơ mộng. Đã lâu, Quế có ý định viết truyện ngắn, nhưng có ý định là một việc, thực hành được lại là một việc khác, nhất là muốn viết cho ra hồn, truyện phải thật, phải sống, phải có những cảm xúc chân thành. Quế không biết kiếm đâu ra truyện hay như thế, mà nhất là cái “cảm xúc chân thành”, nàng lại càng không biết làm sao có! Quế tự bảo:

- Hay là mình thử bịa xem, tưởng tượng một truyện “có thể được” và đặt tên là “Một truyện ngắn hay nhất”. Chỉ hay nhất với mình thôi thì đã làm sao chưa? Mình chỉ viết cho mình đọc. Đâu có ai biết mà sợ người ta cười. Nhưng dù sao, đã gọi là truyện ngắn hay nhất, thì phải tả cái gì đẹp nhất. Mà ở đời, còn gì đẹp hơn tình yêu nữa! Tất cả muôn loài, muôn vật, muốn sống, muốn sinh tồn, đều phải có tình yêu. Người ta đã yêu

trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cũng còn phải yêu mãi mãi. Chỉ có tình yêu là bất diệt, bất hủ, không bao giờ lỗi thời. Như thế, truyện ngắn hay nhất của Quế phải dành cho tình yêu mới được.

Định nguyên tắc rồi, Quế thấy như trút được một gánh nặng. Bây giờ chỉ còn tìm nhân vật, cố nhiên là một nam một nữ, vì có thể mới yêu nhau được chứ! Quế thấy hình như công việc đã xong một phần mười, nàng tự thưởng cho mình một cốc nước lã.

Cốc nước trong máy mới vặn ra, nên rét buốt cả răng. Quế mới uống lúc đầu rất khó chịu, mãi sau dần dần cũng quen với cái cảm giác tê tái lúc nước đi đến đâu biết đến đâu, không còn khó chịu nữa. Vừa uống nước Quế vừa nghĩ đến nhân vật trong truyện của mình. Nàng không muốn cho vào hạng cao sang quá, vì hạng này trong đầu óc chỉ có phú quý, công danh, và đàn bà đối với họ chỉ là một thứ xa xỉ phẩm họ đủ sức mua sắm, trao đổi một cách dễ dàng; vì thế, rất hiếm có, hay hầu như không thể có chân tình. Quế nghĩ đến hạng bình dân, lao động, nhưng mặc dầu truyện về giới này rất hợp thời, Quế không dám viết bừa về họ. Những người dân lao động phải tranh đấu, vật lộn với cuộc sống vất vả, nên đời tình ái của họ cũng rất giản dị, bình thản. Ài tình với tất cả những biến chuyển, thẫuùc mắc của tâm hồn, đối với họ, là một thứ xa xỉ phẩm vô dụng. Quế không thể gán cho họ những ý tưởng họ không có.

Vậy “chàng” phải là một thanh niên trung lưu có học thức, có tâm hồn, có tư tưởng. Chàng cũng phải hơi đứng tuổi mới yêu được, nếu còn trẻ quá, thì sẽ chưa từng hiểu đời, chưa từng sống, chưa từng đắng cay, làm sao có thể đóng vai “chàng” trong truyện của Quế được. Còn “nàng” nữa, nàng phải có giáo dục, thông minh và rất nhiều tình cảm, nhưng không được trẻ lắm. Có bao giờ một cô bé độ mười lăm, mười sáu tuổi, có thể làm cho người ta yêu đến nỗi sóng nổi gió trong tâm hồn được đâu! Tuổi dậy thì chỉ là tuổi của những mối tình ngây thơ, tình vớ vẩn, tình vụn buổi ban đầu, tình “bản thảo” của cuộc đời tình ái trọng đại về sau. Chỉ những thiếu nữ đã từng đau khổ, đã hiểu rõ những đức tính dễ thương và dễ ghét của đàn ông, mới biết quý, biết chiều, biết trân trọng tình yêu, biết nắm giữ tâm hồn ai đó.

Nhưng, anh chàng ấy có đủ điều kiện như thế không thể để cho cô đơn đến ngàn ấy tuổi? Hơn nữa, câu chuyện đã được đem ra kể, ít nhất cũng phải có cái gì đặc biệt, chứ nếu yêu nhau, cưới nhau, rồi sinh con đàn cháu đống, lên chức bà nội, ông cố, thì có gì đáng nói nữa. Tình yêu của hai người phải trắc trở mới được. Nhưng, thời buổi bây giờ, cha mẹ cũng như tôn giáo, pháp luật, đều không thể cấm được người ta yêu nhau, cưới nhau, rồi “bách niên giai lão” với nhau. Vậy chỉ còn cách là Quế cho anh ta đã có đệ nhất phu nhân ngồi chễm chệ giữ sổ chi tiêu rồi là hợp lý nhất.

Quế nhìn lên trần nhà, thấy một con thạch sùng đang rình mấy con mối. Trong lúc mãi nhìn theo cuộc săn đuổi, Quế hồi hộp từng hồi khi thấy con mối thoát được, bay đi nơi

khác, nhưng nó không ngờ góc nào trên trần nhà cũng có những con thạch sùng đang kiếm mồi chờ sẵn. Quế nhìn theo cho đến khi tất cả đàn mối đều dần dần vào bụng đám thạch sùng hết, nàng mới trở lại với câu chuyện tình “lâm ly” của nàng.

Quế tưởng tượng “chàng” và “nàng” sẽ rất yêu nhau. Yêu một cách say mê đắm đuối, tưởng chừng như hai linh hồn đã chờ đợi nhau từ kiếp nào kiếp nào, mãi đến bây giờ mới được chạm trán. Quế sẽ cho họ nhìn nhau mà đôi mắt sẽ thay họ nói tất cả nhớ mong, chờ đợi. Quế sẽ cho họ cầm tay nhau và nghe hơi thở hòa lẫn như thông cảm đến tận tâm linh, và họ có cảm tưởng như một tư tưởng bé nhỏ nào, hay một cảm xúc rung động gì, cũng là của chung cả. Tóm lại, là họ phải yêu nhau đến cái nhiệt độ cao nhất của tình yêu có thể có được ở trên đời.

Nhưng, phần đông đàn ông, dù là Lưu, Nguyễn hay ai ai đi nữa, dù có lạc vào Thiên Thai, dù có sống với Tiên Nữ, dù có ở cảnh Tiên, bao giờ họ cũng vẫn nhớ đến cõi trần, dù cõi trần phàm tục, đầy những phiền não. Và kết quả, bao giờ cũng chọn con đường trở về trần gian để ngày đêm mơ tưởng cảnh tiên. Vì dù sao, như thế cũng vẫn hợp lý hơn là ở non Tiên mà đêm ngày canh cánh nghĩ đến cảnh trần gian đầy mùi tục lụy thì kỳ quá, coi không được, mà kể lại nghe cũng chẳng thuận tai.

Để cho hai người phải xa nhau ngay, Quế cũng thấy hơi tiếc và cho là mình tàn ác quá. Tại sao trên đời có hai người yêu nhau đến thế, và quyền sanh sát ở trong tay Quế, mà Quế không “gia ân” cho họ được gần nhau, yêu nhau thêm một thời gian nữa? Tại sao trên đời có những đôi ghét nhau như quân thù, thì lại cứ phải ăn với nhau, ngủ với nhau, nhìn nhau hàng tháng, hàng năm, cùng chung một gối màø chỉ mơ những vì sao Cô Thần Quả Tú? Nhưng dù sao Quế cũng phải cho họ xa nhau, nếu không, câu chuyện của nàng sẽ đi đến chỗ bế tắc.

Một khi chàng Lưu hay chàng Nguyễn đã động lòng nhớ phàm gian, thì “Tiên Nữ” dù có yêu đến đâu cũng không giữ làm gì. Nàng nhất định sẽ phải xa chàng, nhưng hai người sẽ xa nhau trong lúc còn yêu nhau, và yêu nồng nàn hơn lúc nào hết. Quế định thăm vì như thế để cho hai người cùng giữ mãi trong lòng cái kỷ niệm đẹp tuyệt vời của nhau, cùng được an ủi khi nghĩ rằng, trong đời, ít ra họ cũng đã gặp được một người xứng đáng cho họ yêu, họ đã từng yêu và được yêu đúng mức, họ sẽ không còn ân hận gì lúc buông xuôi hai tay.

Quế sẽ cho hai người từ giã nhau trong một đêm trời rất đẹp. Họ sẽ không ở nhà, vì nhà nhiều người lắm, làm sao nói chuyện được trong khi đôi mắt nàng lúc nào cũng chỉ rưng rưng rơi lệ. Hoĩ cũng không đi lang thang ngoài đường, vì đèn đường sáng một cách trơ trẽn và cũng không hợp với câu chuyện tâm tình. Quế sẽ cho hai người ngồi bên bờ sông nhìn trăng, nhìn sao một lúc lâu, cho họ nói tất cả những lời đáng nói, cần nói, cho đến lúc sương xuống lạnh, họ sẽ vào một tiệm khiêu vũ gần đấy. Họ không

nhảy, nhưng chỉ ngồi trong ánh sáng êm dịu, nghe tiếng nhạc du dương. Họ không nói gì với nhau nữa, chỉ cầm tay nhau và mắt nhìn mắt, cùng thông cảm niềm đau khổ của chia ly đang ray rứt tâm hồn.

Quế bỗng thở dài vì thương nhân vật của mình quá. Nhưng nàng đã trót để họ ở vào cái thế cưỡi hổ mất rồi! Muốn vớt vát bớt sự tàn ác của mình, Quế chỉ có thể cho hai người được ngồi cạnh nhau lâu thêm một chút, hay là để cho đầu nàng gục vào ngực chàng, để cho những giọt nước mắt nóng thấm ướt vai áo chàng. Nhưng như thế cũng không được: Quế còn phải tả tâm tình chàng lúc ấy, bản tính nghịch ngợm, nhớ Quế lại hạ bút viết rằng: “Chàng thấy nàng gục đầu vào ngực mình, sợ nàng vô ý để son dính vào áo, về nhà sẽ không biết nói sao với vợ, nên hoảng hốt vội xô nàng ra...” Nếu Quế tả như thế thì chao ơi! Cái “Truyện ngắn hay nhất” của nàng chỉ còn có việc đem cho gà ăn mà thôi!

Quế định sẽ giữ cho đầu người nữ thực thẳng, không nghiêng một chút nào hết, để chàng được bình tĩnh, yên tâm, khỏi sợ son dính vào áo... nhưng như thế lại sợ nhạt nhẽo quá. Hai người yêu nhau điên luôn, mà lúc từ giả nhau một lần cuối để rồi xa nhau mãi mãi, kẻ góc bể người chân trời, lại lạnh lẽo như hai “đồng chí” lúc bàn giao công việc thế không được. Phải cho đậm đà hơn một chút, nếu không, người ngoại cuộc cũng thấy chướng mà phản đối và mất thiện cảm với chàng còn gì. Làm thế nào nhỉ? Quế không cho họ hôn nhau và cũng không muốn thấy họ lãnh đạm với nhau. Nàng không muốn họ có vẻ phàm tục thông thường quá. Tình yêu của hai người rất cao quý, nhất là trong giờ từ giả, niềm đau của chia ly phải dâng lên tràn ngập trong lòng, họ không có cái ý muốn rất người ấy nữa. Những cái hôn nồng cháy biểu lộ ao ước thân cận của thể xác, mà không thể làm giảm bớt chua xót của tâm hồn.

Trong lúc tưởng tượng, Quế như đặt mình vào chính cảnh thật và nàng thấy lòng mình cũng tràn ngập thương cảm. Trong một lúc mềm lòng, nàng định tìm cách vớt vát cho nhân vật của mình bớt khổ, để cho họ thấy cuộc đời có nghĩa lý hơn, đáng sống hơn.

Quế đang đắm mình vào câu chuyện một cách say sưa cảm động, thì bỗng có tiếng cãi nhau ở dãy nhà đối diện. Quế nhìn sang, thấy vợ chồng ông Giáo đang đứng ngoài hiên cãi nhau. Thường thường, hai vợ chồng này bao giờ cãi nhau cũng vào nhà trong và không bao giờ to tiếng như hôm nay. Quế không cần lắng tai cũng nghe rõ, vì giọng bà Giáo the thé quát rất to, át cả những lời khuyên can của ông Giáo. Bà Giáo đang cầm một tấm nệm chà chân, rũ cả bụi xuống hiên từng dưới.

Ông Giáo bảo:

- Sao em không để lúc khác hãy rũ bụi. Giờ này là giờ người ta ngồi ở nhà, em đập bụi như thế không phải.

Bà Giáo cười nhạt:

- À, bây giờ anh phản rồi phải không? Từng dưới là nhà cô ấy, thảo nào mà anh bênh nó. Nay, tôi nói cho mà biết, đứa nào cướp chồng bà, bà xé xác nó ra.

Quế thờ dài, nguồn văn của nàng thế là đành chết đứng. Theo nguyên tắc của Quế, hàng xóm cãi nhau, bao giờ nàng cũng đứng trung lập, nhưng vẫn phải làm “quan sát viên” xem tình hình và chú ý nghiên cứu thứ văn chương ứng khẩu này, để “tăng gia kiến thức”. Quế đành phải dẹp bỏ câu chuyện nàng đang xây dựng để theo dõi tình hình “mặt trận” hình như đã đến lúc căng thẳng.

Cô ở từng dưới là Sâm, ngày thường vẫn hiền lành nhã nhặn, nhưng hôm nay bỗng phát dữ như con chó dại. Cô cũng lên tiếng:

- Bà nói ai đấy? Muốn dạy chồng bà, thì đóng cửa lại mà dạy!

- Bà chửi con nào ngày ngày nhìn chồng bà, ra cũng nhìn, vào cũng nhìn!

- Đi giữa đường, cấm người ta nhìn à? Muốn giầu, sao không góí cho kỹ?

Ông Giáo can:

- Thôi em, lảng giềng với nhau cần phải giữ hòa khí. Em đừng ghen bóng ghen gió như thế, mang tiếng cả. Cô ấy cùng dạy một trường với anh, ra vào gặp nhau phải chào hỏi là sự thường và lễ phép bắt buộc. Em đừng nghi bậy.

Bà Giáo quát lên:

- À, bây giờ anh về hòa với nó để máng tôi đấy à? Bà không phải là đứa dễ bắt nạt đâu! Đứa nào dám động đến chồng bà, bà xé xác ra. Đồ đĩ thối!

Cô Sâm cũng to tiếng chẳng kém:

- Thế còn bà, đứng đần lảm đấy hẳn? Chồng vừa ra khỏi cửa đã dắt trai vào nhà. Chồng đi bộ, để xe cho bà chở trai đi dạo, cả con đường này, cả thành phố này, làng trên xóm dưới còn có ai là người không biết! Bà quên thì tôi nhắc cho bà nhớ: nhân tình của bà cũng nhiều không kém gì rác bụi bà mới rũ xuống đâu! Có muốn nghe tên, tôi kể ra cho mà nghe?

Bài ca vọng cổ đang sắp đến đoạn lâm ly nhất, thì bà Giáo đã kéo ông Giáo vào nhà trong, đóng cửa đánh sầm một tiếng. Cô Sâm cũng vào nốt. Thế là hạ màn.

Quế chợt ìnhớ đến lúc thằng em trai sắp cưới vợ thì đạo luật gia đình ra đời. Trong một lúc “ cảm khái”, hẳn đã “ cảm đề” luật ấy bằng một bài hát, theo điệu bài “ Nếu một mai em sẽ qua đời” của Phạm Duy. Quế chỉ nhớ được một câu:” Nếu một mai anh có mọc sừng... thì vượt mà chơi”. Không thể nhịn cười được, Quế gục đầu xuống bàn, ôm ngực cười sảng sặc. Nàng cười đến đau quặn cả bụng khi nhớ đến cái giọng đau thương một cách khôi hài của thằng em.

Xong cơn cười, Quế lại thù người ra vì buồn. Quế nghe như có cái gì đâm nhói từng cơn trong tim nàng. Câu chuyện của Quế đã bị xuyên tạc một cách mỉa mai. Trong khi xây dựng nhân vật, Quế đã nghĩ đến ông bà Giáo, nàng đã mượn hình ảnh của hai người ấy. Nhưng bây giờ, sự thực trắng trợn đến như thế, còn biện hộ làm sao được nữa! Quế định cho chàng dứt tình vì quý người vợ hiền đức. Sự thực trái lại, vợ chàng cái gì cũng thừa, chỉ thiếu có một điểm hiền đức. Còn chàng, con người như thế mà hơi kém hiền ngang! Chàng “ nể vợ” đến nỗi không dám liếc nhìn cô Sâm một cái, nói gì đến chuyện dám yêu “ nàng” một cách say đắm! Quế đã mượn hình ảnh Sâm để tạo ra “ nàng”, nhưng Sâm cũng làm cho Quế thất vọng. Sâm không cao thượng, không hy sinh như Quế định gán cho nàng những đức tính ấy. Lúc Sâm thấy mình bị xúc phạm, nàng trả miếng bằng cách nói toạc ra những hành động ám muội của bà Giáo mà ai cũng biết, chỉ trừ ông Giáo.

Làm thế nào bây giờ? Không, Quế không thể ép buộc nhân vật của mình phải “ lý tưởng hóa” một cách giả tạo. Phải để cho họ sống thực và gần với sự thực mới được, dù sự thực có éo le hay “ kém mỹ thuật” đến thế nào đi nữa.

Quế lại bắt đầu nghĩ tiếp câu chuyện bỏ dở. À, phải rồi, hai người đang ngồi cạnh nhau rất âu yếm dưới ánh sáng êm dịu, nghe tiếng nhạc du dương. Thế rồi, bên ngoài một cặp nam nữ đi vào. Chàng tinh mắt nhận ra ngay đấy là vợ mình. Vợ đang đi với một thằng bạn. Hai người cặp tay nhau, cũng âu yếm không kém gì chàng và nàng. Họ tìm một chỗ ngồi trong bóng tối, họ nắm tay nhau, họ tựa đầu vào vai nhau. Âm nhạc nổi lên, họ bèn ra sàn nhảy, đôi chân quăn quít, đôi tay ghì chặt, má áp má một cách say sưa...Họ nhảy rất đẹp, rất điệu nghệ, rất xứng đôi. Họ lướt qua bàn chàng và nàng đang ngồi...Trời ơi! Thật tuyệt vời!... Rồi tám mắt nhìn nhau, chẳng còn ai phải nghi ngờ ai điều gì nữa!

Quế nhắm mắt ngả đầu vào tường, không dám nghĩ thêm. Nàng thấy thần kinh căng thẳng, cả người mệt mỏi vô cùng. Mà nào nàng có làm việc gì nặng nề cho cam! Sau bữa cơm tối cho đến bây giờ, nàng chỉ nằm dài trên giường nghĩ vãn vợ, xem thạch sùng bắt mồi trên tường, nghe hàng xóm cãi nhau, lại còn thưởng thức từng câu một cách thú vị. Nhưng Quế đã mệt mỏi thực. Nàng đã chọn một việc làm quá sức mình. Đáng lẽ Quế nên đọc một vài trang sách rồi ngủ một giấc đến sáng cho khỏe thân, khỏe trí, nàng lại chọn cái việc làm khó khăn nhất.

Quế không dám nghĩ thêm nữa. Câu chuyện của nàng định viết và cho mang cái tên “ Một truyện ngắn hay nhất” sẽ không bao giờ viết thành. Quế làm sao tả nổi tâm tình chàng lúc “ tám mắt nhìn nhau!” Người vợ mà chàng tin tưởng là hiền đức, người vợ chàng chiều quý như bà hoàng và để cho tự do như một người độc thân, người vợ chàng vẫn còn yêu vì nghĩa, vì tình, người vợ chàng không lúc nào kém yêu, ngay cả những lúc ngồi bên cạnh nàng, và một phần mười những lời chàng nói với nàng là lời ca tụng đức tính hiền đức của vợ. Những lời đồn đãi, chàng cũng có nghe nhưng không tin, cho là thiên hạ ganh ghét hạnh phúc của chàng nên bịa đặt để phá hoại. Có một lúc chàng đã tưởng mình là người sung sướng nhất đời, vì có hai người đàn bà nói với chàng:” Em yêu tất cả cái gì anh yêu” và “ Em yêu cả vợ anh nữa, bởi vì anh yêu vợ anh!”. Chao ơi! Thật là mỉa mai làm sao! Bây giờ, cả hai người ấy, một người ngồi bên cạnh, một người đứng trước mặt, đều như “ nước chảy mây trôi” cả!

Quế làm sao diễn tả được cái cảm giác của một người đàn ông lúc thấy rõ ràng mình đã được ở cái cảnh “ Nếu một mai... “.

Quế làm sao diễn tả nổi tâm tình của nàng lúc nhìn thấy vợ của người yêu. Trong khi nàng tự nghĩ không biết mình còn phải tu đến bao nhiêu kiếp nữa mới “ được “ chàng, thì kẻ có cái hạnh phúc ấy đã xem thường, xem khinh, đến nỗi chàng “ Nếu một mai...”.

Quế làm sao diễn tả được tâm tình anh chàng ăn cắp vợ bạn bị bắt gặp: sượng sùng, bối rối, trơ trẽn, lưu manh...

Quế làm sao diễn tả nổi tâm lý người đàn bà, yêu danh giá, địa vị, tiền bạc, giàu sang của chồng, và cũng yêu cả những anh chàng trai khỏe mạnh khác ngoài chồng ra! Quế làm sao diễn tả nổi cái dáng điệu bẽn lẽn ngượng ngùng của người vợ lúc cắp tay tình nhân, vội vàng ra cửa. Cái bộ mặt vừa tức vừa lo. Tức vì thấy chồng đi với ai khác, và lo vỡ mất nồi gạo, lo nghĩ cách cắt nghĩa cho trôi để lừa người chồng vẫn dễ lừa xưa nay, lo nghĩ mưu “ phản công”. Chao ơi, thật là ngổn ngang trăm mối!...

Không, nhất định là Quế không thể nào tả nổi đến mức ấy. Quế không tả được tất cả cái màu nhiệm, bao la, hy sinh, cao quý của tình yêu đẹp đẽ tưởng tượng, mà nàng cũng không tả được cái tình yêu ích kỷ, giả dối, nhỏ mọn, bần tiện của sự thực. Quế đành phải nhìn nhận là ngồi bút non nớt chưa chiều được ý muốn của mình. Quế tự bảo:

- Hay là mình viết một truyện ngắn hay nhì vậy?

Quế mỉm cười vì thấy cái tên ngộ nghĩnh. Nhưng đã thế thì đề tài cũng phải thay đổi hẳn mới được. Ừ, thiếu gì chuyện đáng viết, mà phải viết những cái chuyện tình nhằm nhí ấy.

Quế nghĩ đến những cảnh thiên nhiên nàng đã trải qua, nghĩ đến đèo núi chập chùng, trời bể bao la, Đèo Hải Vân hùng tráng, Vạn Lý Trường Thành vĩ đại, Kim Tự Tháp uy nghi... Nhưng một lần nữa, Quế lại thất vọng. Quế thấy mình không thể diễn tả được

cái màu nhiệm của vũ trụ, uy nghi của núi sông, hùng tráng bao la của trời bể. Quế không tả được những cảm xúc đang dào dạt ngay chính trong lòng nàng.

Quế tự cười thầm mình:” ngay chính cảm giác của mình cũng không tả được, còn đòi tả cảm giác của người khác, thật là điên cuồng!” Nhưng có lẽ nào lại hạ xuống một lần nữa, thành “ Một truyện ngắn hay ba”? Tên nghe không thuận tai, mà ba cũng có nghĩa là hạng bét nữa. Nếu Quế phải đem hết tâm trí ra, chỉ để viết một truyện ngắn hay hạng bét, thì cũng nên quăng bút về vườn trồng rau, nuôi gà xin hai chữ bình an!

Quế hết nhìn giấy lại nhìn bút. Nàng phải viết, vì theo Quế, đã định viết mà trốn chạy là có lỗi với giấy với bút. Nhưng, chỉ mới viết được mấy dòng, Quế đã mệt mỏi quá gục đầu xuống bàn ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Lúc Quế tỉnh dậy, trời đã gần sáng. Ngọn đèn đêm vẫn còn soi màu lục non êm dịu trên đầu giường. Cái bàn nhôm nhẹ vẫn còn kê ngang trên mình. Quế nhìn trang giấy trắng tinh trên bàn, ngoài đầu đề “Một truyện ngắn hay nhất”, chỉ có mấy dòng: “ Nếu em chết trước, em sẽ phù hộ anh”. Thì ra, Quế đã viết câu Quế định cho “ nàng” nói với “chàng” lúc hai người từ giã nhau.

Linh Bảo 1959

<http://vietnamthuquan.eu/truyen/tacpham.aspx?tacgiaid=327>

Con Chồn Tinh Quái - Linh Bảo

tại sao loài chồn ra đời

E và bị rắn dụ dỗ hái quả cấm, đã thế còn đem cho A Đam ăn. Nhưng đó chỉ là một hành động thường tình của đàn bà yêu chồng, bao giờ có miếng ngọt miếng bùi gì cũng muốn cho chồng con cùng được hưởng. A Đam ăn vì nể vợ một phần mà cũng vì thêm một phần, chàng biết lỗi mình nên khi bị Thượng đế đuổi ra khỏi Lạc viên không hề than van một lời.

Ban đầu A Đam và E Và thấy mình được tự do không còn bị giữ gìn cấm đoán nữa thì rất sung sướng vui mừng. Nhưng chỉ mấy hôm sau chàng mới biết tự do ấy phải trả bằng một giá rất đắt. Những sự cung cấp sẵn sàng và đầy đủ ở Lạc viên không còn nữa. Hai người phải tự lo liệu tất cả, nào là lo ăn, lo mặc, lo đói, lo rét, lo bệnh, lo chết đủ thứ.

Đã thế E Và lại còn đổi tính, vì sau khi ăn Trái Cấm nàng khôn ranh hơn nhiều. Lại thêm sinh ra cái tính vui, buồn, mừng, giận, thương, ghét, nũng nịu, hờn dỗi, gắt gỏng mà trước kia không hề có làm cho A Đam bực mình vô cùng. Chàng lại còn khổ tâm hơn nữa vì chưa quen làm việc khó nhọc, nên không thể cung cấp đủ mọi thứ cần dùng cho E Và làm nàng khóc lên khóc xuống hoài. Thượng đế vốn rất từ bi ngài thương hại đứa con tội lỗi bèn tìm cách giúp chàng.

Một hôm hai người đang ngồi bên cạnh bờ bể rầu rĩ vì suốt ngày chưa có gì ăn, bụng đói gằn muốn đi không nổi. Thượng đế bỗng hiện ra trước mặt A Đam mà ngài cho là tội nhẹ hơn E Và. Ngài phán bảo:

- “A Đam, ta sợ con chưa đủ trí khôn để đối phó với mọi sự bất ngờ trên đời và nhất là kiếm ăn vất vả nên ta cho con gậy phép này. Lúc con cầm gậy đánh xuống nước sẽ có một giống động vật có ích cho con nổi lên mặt nước. Nhưng con phải cẩn thận cấm không cho E Và cầm gậy, nếu không sẽ sinh ra tai họa đời đời.”

Nói xong Thượng đế trao Gậy phép cho A Đam rồi biến mất.

E Và nghe câu nói cuối cùng rất khó chịu, nhưng vốn tính tò mò, nàng tạm gác cục giận lại không làm tình làm tội A Đam vội, để bào chàng đập gậy xuống nước xem có giống gì ăn được hiện ra không.

Nàng dục rồi rít:

- A Đam mau đập gậy xuống nước đi, em đói gần chết đến nơi rồi đây!

A Đam nghe lời vợ lấy gậy phép đập xuống nước. Một con dê mẹ dắt theo đàn dê con nổi lên mặt nước, từ từ bơi vào bờ. Nhờ thế vấn đề y phục và lương thực đồng thời giải quyết. Da dê có thể làm áo, sữa dê làm bơ và phó mát hay uống tươi, lại còn có thịt dê non thơm ngon béo bổ nữa.

E Và vui mừng quá quên cả lời Thượng đế dặn, cũng muốn đập gậy phép, vì nàng tin là mình đập khéo hơn chồng nhiều. Ban đầu A Đam không cho, nhưng vốn tính sợ vợ quen thân mất nét rồi, chàng nghĩ thầm:” Thôi thà có lỗi với Thượng đế còn hơn là để vợ giận”. Chàng bèn đưa gậy cho E Và nhưng giao hẹn chỉ cho đập thử một cái thôi.

E Và cầm lấy gậy vừa đánh nhẹ xuống nước thì một con chó sói hiện ra ngay. Nó vừa trông thấy đàn dê liền xông đến cắn đầu con dê mẹ tha vào rừng.

A Đam trách vợ:

- Em xem, tại em bướng bỉnh làm chúng ta bị mất con dê mẹ rồi, bây giờ biết làm thế nào?

A Đam vừa nói vừa giật lấy gậy, bực tức đánh xuống đất. Chàng đứng cạnh bờ nên đầu gậy bị chạm vào mặt nước và dưới nước bỗng nổi lên một con vật cũng giống như con chó sói vừa rồi. E Và trông thấy vỗ tay cười chế nhạo:

- Còn gắt nữa thôi! Anh đánh cũng chả hơn gì, cho nó ăn nốt cả đàn dê con đi!

Nhưng E Và đã làm. Đây là một con chó. Chó đến cạnh A Đam vẫy đuôi chào mừng xong chạy vào rừng cắn nhau với chó sói cướp lại con dê mẹ đem về. Đã có sự thực chứng minh E Và không thể dùng gậy phép được nên nàng không còn chối cãi vào đâu, đành phải để cho A Đam dùng gậy một mình.

A Đam cất dấu gậy rất cẩn thận và lúc dùng cũng không để cho E Và trông thấy vì chàng biết tính vợ hay tủi thân và cũng là người không biết phục thiện. Lần lần A Đam dùng gậy phép đem tất cả các giống động vật có ích cho loài người như trâu,

bò, heo, gà, vịt v. v.. lên bờ làm cho cuộc sống của hai người càng ngày càng phong phú hơn lên.

E Và xưa nay vẫn có tính tò mò, ương ngạnh và lại còn rất tinh ranh nữa là khác. Nàng chỉ làm bộ ngoan ngoãn cho A Đam tin, sự thực nàng vẫn để ý rình và biết chỗ A Đam dấu gậy phép.

Một hôm, nàng chờ lúc A Đam bận vào rừng hái quả bèn đánh cắp gậy phép đi ra bờ biển một mình. Nàng chỉ nghịch nước một lát đã đem lên bờ tất cả các giống vật khác như sài lang, hổ, báo, sư tử v. v..Cố nhiên là nàng giấu không cho chồng biết công trình “ vĩ đại “ của mình.

Một hôm E Và lại lén lấy gậy phép định đi nghịch nước nữa thì bị A Đam bắt gặp. Chàng dành lại gậy, nhưng cả hai bên cùng dùng sức mạnh bằng nhau, không ai thua ai nên hóa ra cả hai cùng cầm gậy đánh xuống nước một lúc.

Mèo bèn hiện ra. Đó là “ tác phẩm” chung của hai người nên mèo vừa rất dễ thương hiền lành và đồng thời cũng có thể rất dễ ghét, tai ác tùy theo thái độ của người ta đối với nó mà thay đổi.

A Đam nhắc lại lời Thượng đế dặn, khuyên E Và không nên cầm gậy phép. E Và tức giận và xấu hổ nên bẻ gãy gậy ném xuống bể. Mặt bể bỗng sôi lên và từ đằng xa trôi vào một con vật có bộ lông rất mượt và tuyệt đẹp. E Và trông thấy bèn chạy đến định bắt nó để lột da làm áo khoác, nhưng lúc nàng vừa đến gần thì chồn cười nhạt một cách rất nghịch ngợm, khiêu khích rồi chạy biến vào rừng.

Gậy phép đã gãy chìm xuống bể mất rồi nhưng con chồn thủy tổ ra đời. Ngay lúc vừa đặt chân lên bờ nó bắt đầu trêu ghẹo E Và làm cho nàng thèm thuồng bộ áo lông rất đẹp mà không thể bắt được nó.

Sau khi vào rừng chồn sinh con đẻ cái đầy đàn, và con cháu nó bao giờ cũng giữ được đức tính đặc biệt của loài chồn là tinh quái vô cùng.

Sau đây là lịch sử của một con chồn tinh quái, con chồn này bên ngoài có một dáng điệu rất thanh nhã, quý phái, có học thức, đạo đức, nhưng sự thực trái hẳn, nó xảo quyệt và độc ác vô cùng. Nghệ thuật lừa dối của nó rất cao siêu lại thêm miệng lưỡi hoạt bát nên đã đánh lừa tất cả các giống động vật trong rừng, đồng thời trốn tránh được sự trừng phạt. Hơn nữa, lại còn lừa được cả vua Sư Tử, Vương Phi và tất cả “ quý tộc “ trong Triều đình mãnh thú.

Cuốn truyện này chép lại những mưu kế xảo quyệt nghịch ngợm, gian trá của con chồn tinh quái. Tuy cũng có lúc thất bại nhưng sau đó nó có cách làm cho kẻ thù thiệt hại gấp bội. Những tài liệu này rút trong bộ truyện “ Lịch sử rừng xanh” đời vua Sư Tử đệ nhất, thời mà người và vật còn trò chuyện được với nhau.

Linh Bảo

<http://vietnamthuquan.eu/truyen/tacpham.aspx?tacgiaid=327>

Nhà văn Linh Bảo

Người dịch: **Đoàn Thanh Liêm**

Trích từ “Các nhà văn nữ tại miền Nam Việt Nam (1954-1975)”
Nguyên tác Anh ngữ: “Women Writers of South Vietnam (1954-1975)”

Tác giả: Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang



... Một tên tuổi [khác] hay được nhắc chung với Nguyễn Thị Vinh, đó là Linh Bảo. Hai người xuất hiện trên diễn đàn văn học gần như cùng một lúc, và cả hai cũng đều được Nhất Linh giới thiệu. Tên thật là Võ Thị Diệu Viên, sinh năm 1926 tại tỉnh Thừa Thiên, Linh Bảo đi học ở lục địa Trung Hoa năm 1947 và chuyển qua Hongkong vào năm 1950, sau khi cộng sản chiếm được lục địa.

Tại Hongkong, bà gặp Nguyễn Thị Vinh và đưa ra cuốn nhật ký viết khi còn là sinh viên trong các năm xáo trộn ở Trung Hoa cho bà Vinh coi. Nguyễn Thị Vinh bèn đem cho Nhất Linh đọc cuốn hồi ký này. Nhất Linh gợi ý cho Linh Bảo viết lại cuốn hồi ký này, bằng cách sử dụng ngôi thứ ba thay vì ngôi thứ nhất trong khi kể chuyện, vì lý do độc giả người Việt không quen, mà cũng ít thiện cảm với loại “tiểu thuyết do tác giả xưng danh chính bản thân mình”. Linh Bảo đã sửa lại theo gợi ý của Nhất Linh, và cuốn tiểu thuyết *Gió Bắc* được nhà xuất bản Phượng Giang của Nhất Linh cho phát hành vào cuối năm 1953. (21) Linh Bảo trở về Việt Nam năm 1957 và ở lại đến năm 1959, trong thời gian này và sau đó lúc ở ngoại quốc, bà tiếp tục cộng tác thường xuyên với tạp chí Văn Hóa Ngày Nay của Nhất Linh và cả các tờ báo khác như *Mới*, *Người Việt*

Tự Do, Tân Phong, Vui Sống, và Bách Khoa. Tác phẩm đã xuất bản của bà gồm: *Gió Bắc* (tiểu thuyết, 1953), *Tàu Ngựa Cũ* (truyện ngắn, 1961); và *Những Đêm Mưa* (tiểu thuyết, 1961). Hai tác phẩm nổi tiếng nhất là *Tàu Ngựa Cũ* và *Những Đêm Mưa*. (22)



Nhà văn Linh Bảo, hình chụp năm 2004

Tàu Ngựa Cũ gồm chín truyện ngắn đã từng đăng ở Văn Hóa Ngày Nay và Tân Phong từ năm 1958 đến đầu năm 1960. Tập truyện này đã đem lại cho Linh Bảo Giải thưởng Văn chương Toàn quốc năm 1961. Hai chuyện ngắn trong đó là *Áo Mới* và *Người Quân Tử* đã được dịch ra Anh ngữ và đem dự thi tại cuộc Thi Truyện Ngắn do P.E.N. Club Quốc tế tại Luân Đôn bảo trợ năm 1962. Tác phẩm của Linh Bảo là một trong 26 tác phẩm được lọt vào vòng chung kết tuyển lựa. Truyện “Áo Mới” kể sự tích nhiều tà áo dài, mà vì lý do này hay lý do bất ngờ khác, cô gái nhỏ đã không có cơ hội được khoác những áo đó, rồi tác giả còn kể thêm nỗi chán chường của cô gái khi bà mẹ đã không còn sống để mà vui thích với những chiếc áo mới mà nhờ đi làm cô đã có thể mua sắm thêm được. Truyện “Người Quân Tử” mô tả những hoàn cảnh đáng thương của một cô gái trẻ, ngây thơ bị dẫn dụ vào việc đóng nhiều vai trò của người thư ký không được trả lương, người tình, người vợ, người tớ gái, do sự sắp đặt của một người đàn ông đóng vai làm người che chở bảo bọc và cung cấp nơi ăn chỗ ở cho cô bé. Truyện “Tàu Ngựa Cũ” (là nhan đề của tập truyện) mô tả cuộc gặp gỡ tình cờ và cảm động trên một con tàu của hai người yêu cũ đã lâu không gặp nhau, rồi đến sự xuất hiện của người vợ, khiến làm cho người đàn ông trở về với thực tế, mà ông ta coi mình như con ngựa quay trở về lại đúng với căn chuồng quen thuộc của mình. Truyện “Biên Giới” trình bày những rào cản giả tạo do một người đàn ông Việt Nam tưởng tượng ra ngăn cách giữa ông ta với cô con gái Ấn Độ mà ông ta gặp trên con

tàu và ông để ý đến cô gái. Truyện “Quà Tết” mô tả món quà Tết từ một người chị có lòng nhưng lại không có tiền, món quà gồm bốn hộp gỗ đựng trái cây đã bị người ta liệng bỏ đi, mà người chị phải vất vả nặng nhọc khuân vác về nhà cốt ý để dùng làm củi đốt làm sưởi ấm cho cô em gái đang bị đau bệnh. Truyện “Một Chuyến Lên Bờ” tập trung vào chuyến đi ngắn lên bờ của một chàng trai Việt Nam với cô gái Nhật Bản, mà vì chàng trai thiếu tháo vát, nên đã khiến cho cô gái mất hết đi sự quyến luyến lúc ban đầu đối với chàng. Trong truyện “Một Truyện Ngắn Hay Nhất”, tác giả cho người đọc coi lối suy nghĩ và tưởng tượng của một phụ nữ dự tính viết về mối tình lãng mạn tay ba bao gồm những tình cảm cao thượng của các nhân vật liên hệ, nhưng bà ta lại thấy cái tình tiết diễn ra lại vượt khỏi tầm tay của mình khi các nhân vật tưởng tượng ra lại biến thành cái chuyện tình tay ba cụ thể ngay tại nhà hàng xóm bên cạnh nhà mình. Truyện “Đông Sơn Ký” mô tả lối sống của bốn phụ nữ độc thân đã quá lứa, mỗi người phải đối diện với nỗi cô đơn của mình vào ngày cuối năm. Và sau cùng, trong truyện “Ngày Giỗ Mẹ”, ta thấy một người đàn ông người Đức sinh sống ở Paris thay đổi thái độ trái ngược với mẹ, khi anh ta chứng kiến nỗi đau buồn và tình yêu thương của ba anh chị em người Việt đối với bà mẹ của họ nhân ngày giỗ mẹ.

Truyện Những Đêm Mưa có thể coi như hoàn tất cái vòng tròn mà cuốn *Gió Bắc* đã mở ra tám năm trước. *Gió Bắc* là truyện về một người phụ nữ trẻ lớn lên ở Huế và mơ ước được đi du học ở hải ngoại, và rồi nàng được toại nguyện khi được đi qua Hongkong và [Thượng Hải] Nam Kinh. Nàng cố gắng làm lụng cật lực tại Hoa lục để có thể tự lập, cho đến khi gặp được một nam nhi muốn chia sẻ cuộc sống với mình. Truyện *Những Đêm Mưa* tiếp nối câu chuyện bỏ dở của “*Gió Bắc*”, với hai bạn trẻ cưới nhau. Cuộc sống lứa đôi chẳng bao lâu đã trở thành quá ít thơ mộng, chẳng an lành như người con gái từng hy vọng; nhiều mâu thuẫn trái nghịch xảy ra đem tới sự bế tắc. Người đàn bà đành phải thu xếp hành trang và đem đưa con gái trở về xứ Huế để thăm viếng cha mẹ trong thời gian không hạn định. Đã vỡ mộng với cuộc hôn nhân của mình khi về lại quê nhà, chị ta lại còn phải chứng kiến nỗi đau đớn thầm lặng của mẹ mình bởi lý do người cha quá mê say, chỉ một mực chăm lo cho người vợ lẽ. Sau khi người cha chết, bà mẹ trao cả căn nhà cho bà vợ lẽ và tìm chốn nương tựa tại một ngôi chùa. Rốt cuộc, người phụ nữ đã đi đến quyết định là chỉ còn biết trông cậy vào chính bản thân mình, chứ không phải nương tựa vào một ai khác, và nàng đi kiếm một việc làm và không còn dự tính trở lại với người chồng ở bên Hongkong nữa.

Hầu hết các tác phẩm của Linh Bảo đều được viết ra từ hải ngoại, và cốt chuyện thường xảy ra ở bên ngoài Việt Nam, mặc dầu hầu hết các nhân vật trong truyện đều là người Việt. Họ có nguồn gốc khác nhau và tình cảm, xúc động trong tâm tư họ không phải lúc nào cũng cao thượng, hạnh phúc. Thực ra, ta gặp đủ loại nhân vật, nhiều người cô đơn, mà Linh Bảo cũng chẳng ngần ngại mô tả cái mặt đen tối của họ với một sự thẳng thắn đến mức tàn bạo. Khác với Nguyễn Thị Vinh và các nhà văn nữ khác lớp trước hay cùng thời với mình vốn thường chú tâm để giữ một khoảng cách giữa nhà văn với các nhân vật của mình, Linh Bảo có thể coi như

là một nhà văn nữ chủ quan đầu tiên. Điều này có thể được phán đoán qua sự thể là cuốn tiểu thuyết đầu tay của bà bắt nguồn từ cuốn nhật ký của bà, đó là cuốn tự truyện được che giấu đi bằng cách sử dụng ngôi thứ ba. Cũng vậy, cuốn tiểu thuyết thứ nhì bao gồm kinh nghiệm của bà về nạn lụt ở Huế vào thời gian bà từ hải ngoại trở về thăm quê nhà. Nhân vật nữ trong các tác phẩm của Linh Bảo thường cũng biểu lộ một khía cạnh trong nhân cách của tác giả. Tuy nhiên, đó chỉ là một mặt của vấn đề, cái phần liên hệ tới chủ đề. Ngay trong nghệ thuật viết, tính chủ quan của bà cũng được biểu lộ một cách độc đáo. Thường xuyên trong các tác phẩm của mình, Linh Bảo xác định cá tính của mình qua sự phê phán với giọng văn khô hài chua cay về những tình huống liên hệ đến phụ nữ. Cái thái độ hoài nghi yếm thế đó khác hẳn với giọng điệu của các nhà văn nữ cùng thời với bà. Trong ý hướng đó, nếu tác phẩm tiểu thuyết của Nguyễn Thị Vinh củng cố niềm tin rằng sự bao dung và hy sinh tận tụy hết mình của nữ giới sẽ giúp phục hồi lại cuộc sống bình thường, thì tác phẩm của Linh Bảo đưa ra sự cần thiết phải đánh giá lại tính cách vững bền lâu đời của cái lối chịu đựng như vậy, có tác dụng kéo dài sự thất bại của nữ giới để mong đạt được hạnh phúc chân thực. Đọc xong chuyện của bà, độc giả có cảm giác bất an, lại hơi buồn rầu ngổ ngợ với cách tác giả đặt sát cạnh nhau những yếu tố đối chọi nhau. Cái nội dung nghịch lý ăn khớp với lối viết khôn khéo, nghịch ngợm, đặc biệt trong các đoạn đối thoại. Bà sử dụng loại ngôn ngữ thường do phụ nữ khôn ngoan, tinh tế phát biểu. Những câu văn của bà trôi chảy như lối nói thường ngày, khác hẳn với bút pháp trau chuốt của những nhà văn theo trường phái của tự Lực Văn Đoàn, và rõ ràng biểu lộ ưu điểm của sự chính xác về văn phạm.

nguồn: [Diễn Đàn Thế Kỷ](#)



Women Writers of South Vietnam --1954-1975

CONG HUYEN TON NU NHA TRANG

(This is a revised version of the article of same title published in Yale University's Vietnam Forum 9, 1987. It was drawn from a 1984-85 research project supported by a grant from the Joint Committee on Southeast Asia of the Social Science Research Council and the American Council of Learned Societies, with funds provided by the Ford Foundation, the National Endowment for the Humanities, and the Henry Luce Foundation.)

The Geneva Agreements of 1954 which spelled the division of the country into two opposing political spheres, North Vietnam and South Vietnam, simultaneously marked separate departures of each camp's respective writers from a shared literary tradition. In the South, the rich and variegated corpus of creative literature, produced during the period from 1954 to 1975, boasted thousands of published works of various genres by well over 200 authors.(1) These works bear witness to a notion of freedom the writers enjoyed in conforming to, rejecting, modifying, or departing from long-held tradition -- each according to her or his own personal aesthetic inclinations. In fact, during these 21 years of tremendous political and social upheaval, freedom with the pen was at times checked and curbed, but never altogether obliterated. Many voices were heard that had not often been heard before; among these was that of women, spoken by women. The following is an attempt to outline the pre-54 literary tradition established by women from which women writers in the South derived inspiration, followed by a description of their works that contributed to the evolution of South Vietnam literature.(2)

...Linh Bảo is the pen name of Võ Thị Diệu Viên who was born in 1926 in Thừa Thiên province. She studied in mainland China from 1947 then moved to Hong Kong in 1950 after the Communist takeover. There she met Nguyễn Thị Vinh and showed her the diary she had kept as a student during those turbulent years in China. Nguyễn Thị Vinh, in turn, had Nhất Linh read it. This leading male author suggested that Linh Bảo rewrite it using the third-person narrator, as Vietnamese readers were not yet familiar and comfortable with the "I-novel". This she did, and her first book *Gió Bắc*, a semi-autobiographical novel, was published by Nhất Linh toward the end of 1953.⁽¹¹⁾ This work tells the story of a young woman growing up in Huế who dreams of studying abroad, and the subsequent fulfillment of her dream when she is presented with a chance to go to Hong Kong for studies. She struggles to support herself during hard times in mainland China, until she meets a man who wants to share his life with her.

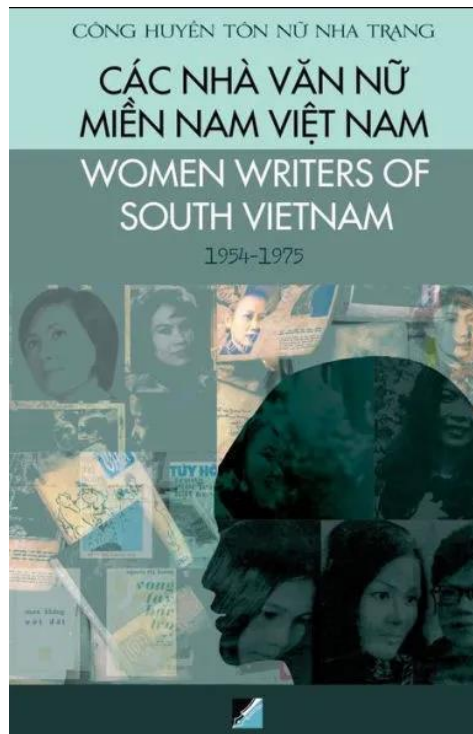
.... Linh Bảo returned to Viet Nam from Hong Kong in 1957 and stayed until 1959, during which time, and subsequently from abroad, she regularly contributed to Nhất Linh's *Văn Hóa Ngày Nay* and also to *Mới*, *Người Việt Tự Do*, *Tân Phong*, *Vui Sống*, and *Bách Khoa*. Her publications after 1954 included: *Tàu Ngựa Cũ* (short stories, 1961) and *Những Đêm Mưa* (novel, 1961). [\(23\)](#)

Tàu Ngựa Cũ consists of nine short stories previously published in *Văn Hóa Ngày Nay* and *Tân Phong* from 1958 to early 1960s. This collection earned Linh Bảo a National Literary Award in 1961. Two of the stories, "Áo Mới" and "Người Quân Tử" were translated and submitted to the Short Story Contest sponsored in 1962 by the International P.E.N Club in London. The two works were among the twenty-six short-listed for final evaluation. "Áo Mới" recounts the history of several robes which, for one unexpected reason or another, a little girl has no chance to wear, and describes her desolation when her mother is no longer alive to enjoy all the new robes that the girl, now a working adult, can afford to buy for them both. "Người Quân Tử" exposes the pathetic circumstances of a naïve young woman who is misled into playing the multiple roles of underpaid secretary, mistress, housewife and maid by a man who parades himself as a noble protector providing her with a shelter. Meanwhile "Tàu Ngựa Cũ", the title story, describes a touching chance meeting on a train of two ex-lovers who have lost touch for a long time, the meeting being interrupted by the wife's appearance which brings the man back to reality where he sees himself as a horse heading straight back to his stable.

The novel *Những Đêm Mưa* can be seen as completing the story which *Gió Bắc* related eight years earlier in 1953: a young woman growing up in Huế lives through some hard times in mainland China, until she meets a man who wants to share his life with her. *Những Đêm Mưa* picks up where *Gió Bắc* leaves off, seeing the young couple getting married. Married life soon proves to be far less blissful and secure than the woman has hoped. Conflicts abound, the woman packs up and takes their daughter back to Huế for an indefinite visit with her parents. Coming back thoroughly disenchanted with her own marriage, she witnesses her mother's mute suffering from her father's exclusive preoccupation with a new concubine. After her father's death, her mother hands over the house to the concubine and seeks refuge in a pagoda. Having decided to rely on herself, the young woman finds a job and has no plans to go back to her husband in Hong Kong.

Most of Linh Bảo's works were written abroad, the stories often set outside Vietnam even as most of her characters are Vietnamese. They come from a variety of backgrounds, and the emotions and feelings that stir them are not always happy or noble. In fact, we encounter an assortment of personalities, lonely people for the most part, whose dark sides Linh Bảo does not hesitate to expose with almost brutal frankness. Unlike Nguyễn Thị Vinh and other women fiction writers before or contemporaneous with her who have taken care to keep a distance between themselves and their creative products, Linh Bảo can be said to have been the first subjective woman author. This can be inferred by the fact that her first novel originates from her own diary, an autobiographical account masked behind the use of third person narrative; and, likewise, the second novel embodies her actual experience of a flood in Huế upon returning from abroad. One can also detect that the protagonist in many of her works share aspects of her own personality. In this respect, it is in the art of writing that her subjectivity is uniquely expressed. Consistently throughout her work, Linh Bảo asserts her

individuality by commenting with a rather bitter sense of humor and sarcasm on the various states of affairs she describes -- most often as they affect women. This cynical approach stands alone among the sympathetic tones employed by other women writers of her generation. In this light, if Nguyễn Thị Vinh's fiction reinforces the faith that unquestioning tolerance and self-sacrifice on the part of women help restore the normalcy of life, Linh Bảo's works hint at a need to re-assess the long-held validity of such resignation which serves to perpetuate women's failure to achieve happiness. One comes away from her stories troubled, while sadly amused by the author's juxtaposition of contradictory elements. The ironic content is matched by her mischievous mode of expression, particularly prevalent in dialogues, through the witty language spoken by a perceptive and wise woman. Her prose flows effortlessly like natural ordinary discourse, unlike the studiously polished style of the Tự Lực Văn Đoàn, and yet it exhibits an elegance of grammatical precision.



MUA SÁCH Ở BARNES & NOBLES:

<https://www.barnesandnoble.com/w/women-writers-of-south-vietnam-1954-1975-ton-nu-nha-trang/1138392018>

Con Chồn Tinh Quái (1967, Ngày Mới)

MỤC LỤC (Bấm vào tên để xem truyện online)

Tai Sao Loài Chồn Ra Đòi	Thỏ Học Hát	Lên Đường Châu Thánh Địa
Ban Bè Họ Hàng Của Chồn	Sói Trả Thù	Sứ giả Sơn Dương Trở Về
Chồn, Chó Và Mèo	Thiên Đường Dưới Giếng	Sư Tử Nhân Lễ Vật
Mèo Cụt Đuôi	Đấu Trí Với Thợ Săn	Lại Về Kinh
Giả Chết Trôm Cá	Gà Trống Gặp Chồn	Chồn Lại Tự Biên Hồ
Sói Thí Phạt Quy Y	Tái Ngộ Gà Trống	Đấu Võ
Sói Câu Cá	Cửa Thiền Là Đây	Chồn Nhạc Sĩ
Sói Đánh Chuông	Sư Tử Hạp Đại Hội	Chồn Báo Thù Gấu
Truyền Bí Quyết	Lễ An Táng	Đấu Trí Với Người
Đấu Trí	Sứ Giả Gấu	Chồn Cứu Sư Tử
Chồn Và Qua	Sứ Giả Mèo	Chồn Học Cách Chia Phần
Vào Bung Đói, Ra Bung No	Chồn Về Kinh	Cứu Sư Tử Lần Thứ Hai
Chồn, Chim Và Thỏ	Chồn Tự Biên Hồ	Chồn Từ Quan Về Quê
Chồn Chữa Bệnh	Vân Mệnh Chồn	Ngựa Quen Đường Cũ
Báo Thù	Giờ Hành Hình	Cái chết của Chồn
Cô Vac	Đảng Sói Thất Bại	

ĐỌC "GIÓ BẮC" online:

https://isach.info/story.php?story=gio_bac_linh_bao

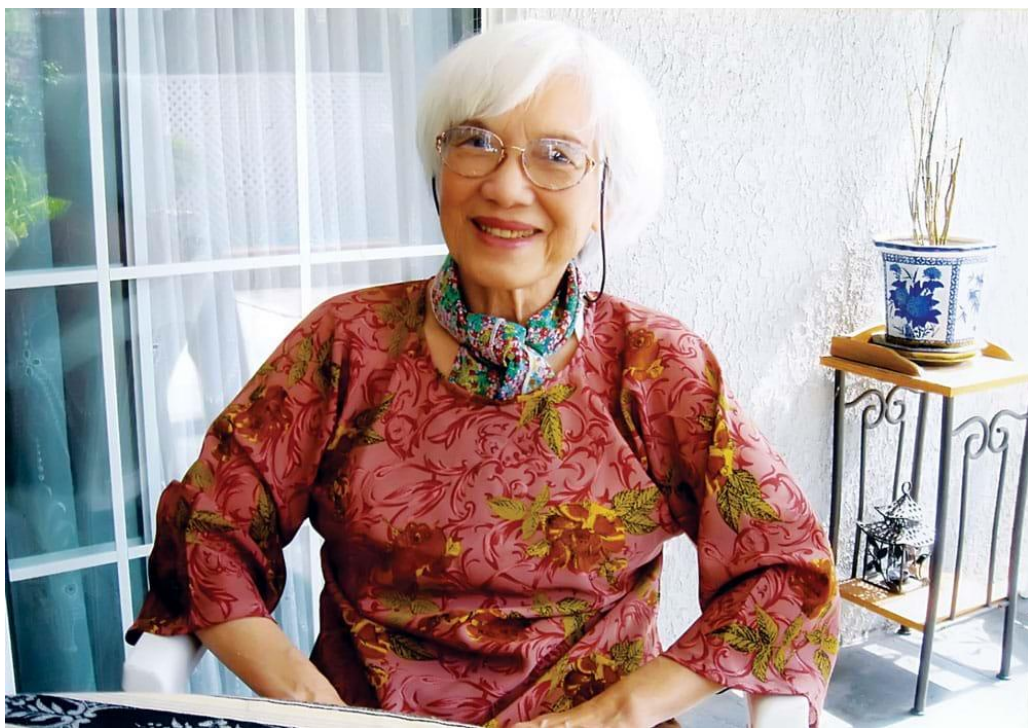
ĐỌC "NHỮNG ĐÊM MƯA" online:

https://isach.info/story.php?story=nhung_dem_mua_linh_bao

Linh Bảo - Tâm tình cố hương

**** Ngô Thảo ****

Tháng 5.2018, trong dịp qua Mỹ dự lễ tốt nghiệp của cháu ngoại ở New York University, ghé California, bà thông gia Phan Thanh Hảo - một dịch giả của nhiều tác phẩm văn học Việt Nam, có đưa tôi tới Little Saigon thăm nhà văn Linh Bảo, là chị ruột của mẹ, bà Băng Thanh (vợ nhà thơ Phan Khắc Khoan, một tác giả trong *Thi nhân Việt Nam*).



Nhà văn Linh Bảo

Đầu hè năm nay, NXB Hội Nhà Văn vừa in tập *Lời thì thầm của ba người con gái Huế xưa* gồm tác phẩm của hai bà cùng người em gái là nhà văn - nhà báo nổi tiếng của miền Nam trước 1975: Minh Đức Hoài Trinh. Ba chị em đều là con gái của cụ Võ Chuẩn, một trong những thượng thư cuối trào của nhà Nguyễn với bà Tôn Nữ Thị Lịch.

Ở tuổi 93 (Linh Bảo sinh 1926), gần như suốt đời sống ở nước ngoài, từ Trung Hoa lục địa trước 1945, rồi Hồng Kông, Pháp, nhiều nơi khác, những năm cuối định cư ở Mỹ,

nhà văn vẫn còn minh mẫn, dù từ lâu không còn in tác phẩm nào mới. Dịp này bà có ký tặng tôi tập *Mây Tần*, tuyển tập những đoản văn.

Trên văn đàn Miền Nam trước 1975, Linh Bảo (tên thật là Võ Thị Diệu Viên) là một tên tuổi nổi tiếng. Được Nhất Linh động viên trong bước đầu viết văn, đã nhìn thấy trước sự phát triển, còn nhiều rục rờ về sau đợi chị khi đọc bản thảo tập *Gió Bắc* (Nhất Linh đề nghị sửa là *Gió Bắc*) in 1952, khi tác giả 26 tuổi.

Bình Nguyên Lộc đọc tiểu thuyết *Những đêm mưa*, in 1961, từng nhận xét, giọng văn của bà “ba mươi năm nữa chưa chắc đã có người làm theo được”. Năm 1962, Võ Phiến nhận định: “Trong số những người đàn bà viết văn ở ta hiện nay, có lẽ Linh Bảo là có tài nhất”. Tập truyện ngắn *Tàu ngựa cũ* được trao giải văn chương năm 1961. Năm 1981, ở hải ngoại, toàn bộ tập truyện này cộng thêm một số đoản văn được tập hợp trong *Mây Tần*, như một tâm tình hướng về cố hương.

Năm 2014, nhân tới thăm nhà văn, Ngô Thế Vinh có viết: “Ngọn bút của Linh Bảo thông minh, sắc sảo, giễu cợt lật ra những mặt trái của cuộc sống, một cách tàn nhẫn với giọng nghịch ngợm, tinh quái bất cần đời nhưng cũng thật là chua chát. Người phụ nữ trong tác phẩm Linh Bảo tuy cứng rắn, chịu đựng nhưng vẫn luôn luôn là nạn nhân đáng thương của những hoàn cảnh”.

Những ai biết ít nhiều về gia thế xuất thân và đường đời của tác giả trong những năm đất nước có nhiều biến động dữ dội, nhiều triệu người Việt bị bứt ra khỏi quê hương, đều nhận ra nhiều nét như là tự truyện trong hầu khắp tác phẩm của Linh Bảo, một phản ánh chân thực về một mảng hiện thực đời sống còn ít được biết đến trong văn học.

Cùng một tác giả: *Chiếc áo nhung lam* - Sách hồng-1953; *Gió Bắc* (truyện dài-1953); *Tàu ngựa cũ* (truyện ngắn-1961); *Những đêm mưa* (truyện dài-1961); *Con chồn tinh quái* (truyện nhi đồng-1967); *Những cánh diều* (truyện ngắn-1971); *Mây Tần* (tuyển tập đoản văn-1981)

Ngô Thảo

ĐẾN VỚI LINH BẢO TỪ GIÓ BẮC TỚI MÂY TÀN

**** NGÔ THẾ VINH ****

<https://vanviet.info/tu-lieu/tu-lieu-ve-nh-van-linh-bao/>

*Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.
Nguyễn Du*

Sau các nhà văn nữ tiền chiến như Thụy An, Mộng Sơn của thập niên 1940s, Linh Bảo và Nguyễn Thị Vinh là hai nhà văn đi trước thế hệ đông đảo các nhà văn nữ của thập niên 1960s về sau này như Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Tuý Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trùng Dương, Trần Thị NgH...

Linh Bảo là một tên tuổi văn học của Miền Nam từ những năm 1950s. Các tác phẩm của Linh Bảo được lần lượt xuất bản tại Miền Nam từ 1953 tới 1975. Chỉ có *Mây Tần* là tuyển tập đoản văn duy nhất được xuất bản ở hải ngoại (1981). Sau 1975, không có một tác phẩm nào của Linh Bảo được in ở trong nước.

TIỂU SỬ

Nhà văn Linh Bảo, tên *Võ thị Diệu Viên*, sinh 14 tháng 4, 1926 trong một gia đình quan lại triều đình Huế: cha *Võ Chuẩn* nguyên tổng đốc Quảng Nam, mẹ gốc hoàng tộc *Tôn Nữ Thị Lịch*. Từ thời rất trẻ, *Linh Bảo* đã nuôi tham vọng được đi du học, rời xa gia đình sớm, sống lưu lạc qua nhiều quốc gia ngoài Việt Nam: Trung Hoa (Nam Kinh, Quảng Châu), Hương Cảng, Anh, Pháp, và Mỹ. *Linh Bảo* còn có hai tên khác: *Lại Cẩm Hoa* là tên trên chiếc vé xuống tàu vượt biển sang Hương Cảng, *Vũ Trung Thư / Mo Chung Shu* là tên ghi danh đi học ở Nam Kinh và Quảng Châu. Các bức thư nhà văn *Nhất Linh* gửi *Linh Bảo* khi còn ở Hương Cảng đều gửi với tên *Lại Cẩm Hoa*. [Hình II]

Mới xong năm thứ hai (1947-1949) Đại học Tôn Trung Sơn [do tôn kính người Hoa không gọi tên *Tôn Dật Tiên / Sun Yat Sen University*], thì Hồng quân của Mao Trạch Đông chiếm toàn Hoa Lục 1950, *Linh Bảo* một lần nữa từ Quảng Châu chạy tỵ nạn sang Hương Cảng. Tại đây, cô đã làm mọi việc để kiếm sống: từ phụ tá nha sĩ / dental tech tới lồng âm tiếng Việt cho các bộ phim Tàu đang thịnh hành thời bấy giờ.

Năm 1951, *Linh Bảo* lập gia đình với một người Hoa mang quốc tịch Anh, và trở thành công dân Anh do cuộc hôn nhân này. Bút hiệu *Linh Bảo*, có nguồn gốc rất đơn giản, đó chỉ là tên người chồng *Trần Linh Bảo / Ling Po Chan* và bút hiệu ấy gắn mãi với văn nghiệp của chị trong văn học sử Việt Nam.

Đến 1954, khi Lãnh Sự Quán Việt Nam Cộng Hoà mới được thành lập, *Linh Bảo* là người Việt Nam hiếm hoi lúc đó biết tiếng Quảng Đông, tiếng Quan Thoại, tiếng Anh và

đĩ nhiên cả tiếng Việt, cô được tuyển làm nhân viên của toà Lãnh Sự Việt Nam tại Hương Cảng. Làm việc tới 1957, trở về nước và chỉ sau 2 năm, 1959 Linh Bảo lại chọn một cuộc sống xa quê nhà.



HÌNH I_ nữ sinh viên Vũ Trung Thư (Linh Bảo) tại Đại Học Tôn Trung Sơn, Quảng Châu, Trung Quốc [nguồn: do Linh Bảo cung cấp]

Từ Hương Cảng, qua Pháp rồi qua Anh một thời gian, cuối cùng Linh Bảo chọn định cư ở Mỹ sau khi được tuyển dụng vào giảng dạy môn Việt ngữ 14 năm [1962-1976] tại trường Sinh ngữ Quân đội Mỹ / Defense Language Institute, Monterey, California cho đến khi ngôi trường bị giải thể sau Chiến tranh Việt Nam.

Linh Bảo hiện sống tại Nam California.

Tác phẩm:

- *Gió Bắc*, truyện dài, Nxb Phương Giang 1953
- *Tàu Ngựa Cũ*, tập truyện ngắn, Nxb Đồi Nay 1961
- *Những Đêm Mưa*, truyện dài, Nxb Đồi Nay 1961
- *Những Cánh Diều*, tập truyện ngắn, Nxb Trí Đăng 1971
- *Mây Tần*, tuyển tập đoản văn, Nxb Việt Nam Hải Ngoại 1981

Sách Nhi đồng:

- *Chiếc áo nhung lam*, Sách Hồng, Nxb Đồi Nay 1953
- *Con Chồn Tinh Quái*, truyện Nhi đồng, Nxb Ngày Mới 1967

Tác phẩm *Tàu Ngựa Cũ* được trao Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1961. [Hình V] Trừ truyện dài *Gió Bắc* và truyện nhi đồng *Chiếc áo nhung lam* được in từ 1953, các tác phẩm chính của Linh Bảo đều được xuất bản trong thời kỳ 1954-1975.

TỪ GIÓ BẮC TỚI GIÓ BẮC

Tại Hương Cảng, Linh Bảo được dịp làm quen với hai nhà văn Nguyễn Thị Vinh và Trương Bảo Sơn. Bản thảo Gió Bắc [chưa phải là Gió Bắc] như một tự truyện viết theo ngôi thứ nhất kể lại cuộc sống lưu lạc của cô sinh viên Linh Bảo, được trao cho chị Nguyễn Thị Vinh và sau đó tới tay nhà văn Nhất Linh.

Sau khi đọc bản thảo Gió Bắc, thấy được "*cốt cách nhà văn - chữ của Nhất Linh*" của tác giả, Nhất Linh đã viết thư khuyến khích Linh Bảo với hai gợi ý: viết lại cuốn tự truyện theo ngôi thứ ba và sửa nhan đề cuốn sách là Gió Bắc thay vì Gió Bắc. Linh Bảo đã làm theo lời khuyên của nhà văn Nhất Linh. [Hình II]



Hình II_ phải: thư nhà văn Nhất Linh gửi Linh Bảo,
trái: hình bìa Gió Bắc do Phụng Giang xuất bản 1953
[nguồn: do Linh Bảo cung cấp]

Từ Sài Gòn, ngày 29 tháng 5 năm 1953 nhà văn Nhất Linh đã viết thư cho Linh Bảo lúc đó vẫn đang còn ở Hương Cảng, với tên Lại Cẩm Hoa:

Kính gửi chị Hoa,

Tôi đã nhận được cuốn Gió Bắc và đã đọc hết. Khá lắm và hay hơn lần viết đầu. Xin gửi lời khen chị. Các nhân vật quốc nội và hải ngoại cũng rõ ràng linh hoạt hơn, đoạn kết cũng rất khéo và vừa vặn. Sách chị ra chắc sẽ được hoan nghênh, có lẽ ra đồng thời với Thương Yêu và Gió Mát [của Nguyễn Thị Vinh và Tường Hùng, ghi chú của người viết]. Ba cuốn, ba tâm sự và mỗi cuốn một vẻ.

Tôi sẽ chữa lại văn, xoá bỏ ít đoạn (việc này cũng mất độ mười hôm) rồi đánh máy đưa kiểm duyệt. Cái chính là hay, còn văn là phụ; song hoàn toàn thì vẫn hơn.

Trong 3 cuốn Thương Yêu, Gió Mát, Gió Bắc cuốn của chị ít sắp đặt, ít tiểu thuyết hoá nhất; những cuốn sau cần phải bố cục... nhưng thôi để khi chị viết cuốn thứ hai. Chị đã có cốt cách nhà văn, cứ thế mà tiến, yên tâm mà tiến, còn nhiều rục rờ về sau đợi chị.

Chúc chị mạnh và néu tiếng đàn vẫn còn văng vẳng (chỉ cơn hen suyễn của Linh Bảo, trong một thư khác Nhất Linh còn gọi đó là tiếng đàn violon, ghi chú của người viết) cũng không sao vì cái đó có ngăn cản gì đâu việc chị viết Gió Bắc.
Nhất Linh

Chẳng thể ngờ rằng chỉ 10 năm sau khi viết bức thư này, nhà văn Nhất Linh đã tuần tiết ở tuổi 57 [1906-1963].

Gió Bắc là tác phẩm đầu tay của Linh Bảo được Phượng Giang xuất bản năm 1953. [Hình II] Có thể coi đây như bước khởi đầu vững vàng trên con đường văn nghiệp của Linh Bảo. Vừa mới thành danh với *Gió Bắc*, vì một lý do tâm cảnh, Linh Bảo muốn đổi bút hiệu, nhưng được nhà văn Nhất Linh khuyên can và cô đã nghe theo.

TỪ GIÓ BẮC TỚI NHỮNG ĐÊM MƯA

Gió Bắc là truyện một cô gái tên Trang sinh ra và lớn lên ở Huế, thể chất yếu đuối do từ nhỏ đã mắc phải căn bệnh suyễn kinh niên, và trở nặng theo mùa và mỗi lần gió bắc thổi về thì cơn hen suyễn lại nổi lên thê thảm; tuy vậy tinh thần cô gái thì mạnh mẽ. Do quan niệm xưa cũ, mẹ Trang không khuyến khích sự học của con gái nhưng Trang thì vẫn nuôi mơ ước được đi du học. Chiến tranh ly tán, Trang xa gia đình rất sớm, lưu lạc vào Sài Gòn, bị bắt và cả tù đầy và rồi cơ hội tới, cô kiếm được một vé xuống tàu với một tên Trung Hoa và qua được Hương Cảng, rồi Nam Kinh, Thượng Hải và Quảng Châu. Cô gái mảnh mai ấy đã sống sót qua những biến cố lịch sử: cách mạng ở Việt Nam, cách mạng ở Trung Hoa, trải qua những ngày đầy chiến tranh loạn lạc. Ở đâu thì cô cũng phải làm việc cật lực để mưu sinh. Rồi cô cũng vào được Đại học Tôn Trung Sơn Quảng Châu, chưa được bao lâu thì Hồng quân của Mao Trạch Đông toàn chiếm Hoa lục, một lần nữa lại phải tỵ nạn sang Hương Cảng. Tại đây cô đã phải làm đủ nghề để kiếm sống cho đến khi gặp được một người đàn ông Hương Cảng gốc Hoa không tham vọng hiền lành tên Bình, tìm tới muốn chia sẻ cuộc sống với Trang.

Trang cuối của Gió Bắc: *"Và Bình bỗng nắm chặt tay Trang: Trang, Trang cho phép tôi... được săn sóc Trang ... suốt đời nhé?"* Nàng đã không chống cự và xiêu lòng.

Gió Bắc viết xong tại Hương Cảng 1952 khi ấy Linh Bảo vừa mới 26 tuổi.

Những Đêm Mưa có thể coi như tiếp nối "*Gió Bắc*", vẫn cô gái tên Trang. Trang và Bình hai người cưới nhau, cuộc sống lứa đôi ngay sau đó đã chẳng thơ mộng hay hạnh phúc như người con gái từng hy vọng; nhiều xung khắc trái nghịch xảy ra nhất là khi nàng sinh đứa con gái đầu tiên trong cảnh gia đình thiếu hụt đưa tới sự bế tắc. Không thể tiếp tục sống với một người đàn ông mà nàng cho là tầm thường, Trang lại thu xếp hành trang đem theo đứa con gái nhỏ và cái bụng đang mang thai trở về Huế sống với cha mẹ trong một thời gian không hạn định.

Đã thất vọng với cuộc hôn nhân nhưng khi về tới quê nhà, Trang lại phải chứng kiến những tấn bi kịch khác của gia đình: người cha đã bỏ mẹ nàng trong nỗi đau buồn tủi vì mê say sống với mấy người vợ bé trẻ trung hơn mẹ. Chính Trang cũng bị người cha ruột ruồng rẫy. Rồi người cha ngã bệnh chết, bà mẹ quá chán chường tìm chốn nương thân nơi cửa Phật. Người phụ nữ tên Trang ấy, ở đâu cũng thấy cô đơn, chẳng còn trông cậy vào một ai khác, và Trang lần này lại ra đi, chưa biết đi đâu nhưng không có dự tính trở lại với người chồng cũ ở bên Hương Cảng.

Trang cuối của *Những Đêm Mưa*: *"Trang không cần đọc cũng biết nội dung trong thư có những gì [những bức thư của Bình, người chồng cũ]. Trong những năm tháng xa nhau, Bình đã viết đều đều cho Trang mỗi tuần lễ hai bức thư như thế... văn tài của anh dù "yên sĩ" có lên độ cuối cùng cũng không bao giờ đủ hứng để viết thành một cái chuyện ngắn chuyện dài nào... Trang nhìn theo con như cố tìm can đảm để phán đoán, để chịu đựng những thử thách của một cuộc phiêu lưu sắp tới ngày mai..."*

Những Đêm Mưa cũng viết xong tại Hương Cảng 1957, năm năm sau *Gió Bắc* khi ấy Linh Bảo 31 tuổi.

Cả hai cuốn tiểu thuyết đều bao gồm rất nhiều kinh nghiệm sống của Linh Bảo. Không phải là do câu chuyện mà nghệ thuật viết đã làm nên giá trị độc đáo của tác phẩm Linh Bảo. Ngòi bút của Linh Bảo thông minh sắc sảo, giễu cợt lật ra những mặt trái của cuộc sống, một cách tàn nhẫn với giọng nghịch ngợm tinh quái bất cần đời nhưng cũng thật là chua chát. Người phụ nữ trong tác phẩm Linh Bảo tuy cứng cỏi, chịu đựng nhưng vẫn luôn luôn là nạn nhân đáng thương của những hoàn cảnh.

Nhìn xa hơn nữa, có thể nói qua các tác phẩm Linh Bảo rất sớm là ngòi bút đấu tranh cho nữ quyền.

LINH BẢO - NHỮNG NGÀY SÀI GÒN

Dù ở trong nước hay ở hải ngoại, Linh Bảo viết khá đều tay trong khoảng hai thập niên 1950s và 1970s. Cùng với Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo là một trong hai cây viết nữ chủ lực của tạp chí Văn Hoá Ngày Nay của Nhất Linh, báo Tân Phong của Nguyễn Thị

Vinh Trương Bảo Sơn, và tạp chí Bách Khoa của Lê Ngô Châu và một số báo khác.



Tòa soạn **VĂN HÓA NGÀY NAY** 1958 (từ trái qua) :

Hàng ngồi : **Linh Bảo - Quỳ Hương- Nguyễn thị Vinh**

Hàng sau : **Bình Nguyên Lộc - Duy Lam - Đỗ Đức Thu - Nhất Linh**

Tường Hùng - Nguyễn Thành Vinh - Trương Bảo Sơn

Hình III_ [nguồn: do nhà văn Nhật Tiến cung cấp]

Sau *Gió Bắc*, tên tuổi Linh Bảo một thời sáng chói với các truyện ngắn truyện dài xuất hiện sau đó. *Những Đêm Mưa* và *Tàu Ngựa Cũ* là hai tác phẩm văn học giá trị của nhà văn Linh Bảo.

Tường cũng nên ghi lại đây nhận xét của nhà văn Bình Nguyên Lộc, một cây viết thuần Nam Bộ viết về Linh Bảo qua một thư riêng. [Hình IV]

Sài Gòn 21/9/1958

Chị Linh Bảo,

Hôm nọ tôi có đến thăm chị nhưng chị đi vắng...

Một điều sau đây tôi được biết, nói ra sợ chị không tin nhưng không thể không nói

được: là rất nhiều bạn văn, bên phe không cộng, nói với tôi rằng các tiểu thuyết đăng ở Văn Hoá Ngày Nay chỉ có tiểu thuyết của Linh Bảo là hay. Họ không nói là hay hơn hết mà chỉ nói là hay thôi. Thế nghĩa là còn hơn là hay hơn hết nữa kia.

Riêng tôi, tôi thấy chị hay hơn Gió Bắc nhiều lắm [Bình Nguyên Lộc muốn nói tới tiểu thuyết Những Đêm Mưa, đang đăng định kỳ trên Văn Hoá Ngày Nay, ghi chú của người viết] và giọng văn của chị đã rõ nét ra, một giọng văn mà ba mươi năm nữa chưa chắc đã có người làm theo được...

Tôi ngạc nhiên lắm. Bề ngoài chị rất là đờn bà, nhưng sao văn chị như văn đờn ông thế. Đọc xong bốn kỳ Những Đêm Mưa, tôi ngán sợ chị ghê lắm, sợ cái tài quan sát nội tâm và ngoại cuộc của chị rất là bất ngờ, mà nhất là sợ cái cười bình thản của chị vô cùng. Sợ đây không phải là phục. Đành là phục rồi, khỏi phải nói, mà sợ bị chị quan sát và cười, mặc dầu chỉ cười thầm thôi...

Bình Nguyên Lộc

T.B. Xin mời chị có đi đâu ngoài này, ghé qua nhà tôi một bận. Tôi ở phố Võ Tánh, gần chợ Thái Bình. Buổi chiều tôi luôn luôn có nhà, trừ chiều thứ bảy và chiều chúa nhật.

Nhà văn Bình Nguyên Lộc đã mất năm ông 73 tuổi [1914-1987].



HÌNH IV_ phải: thư gửi nhà văn Bình Nguyên Lộc gửi Linh Bảo
trái: bìa tiểu thuyết Những Đêm Mưa
[nguồn: do Linh Bảo cung cấp]

Sau Nhất Linh và Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến cũng đã viết về Linh Bảo trên tạp chí Bách Khoa [số 161, năm 1962] như sau: "Trong số những người đàn bà viết văn ở ta hiện nay, có lẽ Linh Bảo có tài nhất: có tài quan sát, lại có tài diễn tả một cách thông

minh những điều mình quan sát. Quan sát và phân tích tâm lý, Linh Bảo đã trình bày được mỗi nhân vật với một hình dạng, một cá tính rõ ràng, một lối sinh sống và ăn nói riêng biệt... Linh Bảo thường hay tìm ra cơ hội để làm người đọc mỉm cười, dù là trong những trường hợp buồn thảm: nhà ngập lụt, vợ chồng giận nhau. Giữ được nét mặt tươi tắn cả trong khi buồn, đó là một lối làm đẹp rất khéo của đàn bà, nhất là đàn bà 'lịch sự': vì vậy mà cái cười do Linh Bảo gợi lên lắm lúc có chua chát, người đọc vẫn dễ có cảm tình với giọng văn của tác giả."

Rất tình cờ từ ba địa phương, cả ba tác giả Bắc Nam Trung đều có chung một nhận định: Linh Bảo là một cây bút có văn tài. Linh Bảo viết không nhiều, nhưng tác phẩm nào cũng đặc sắc. Chỉ có tiếc là từ hơn bốn chục năm qua, Linh Bảo hầu như không còn quan tâm tới chuyện viết lách và sáng tác thêm nữa.

TÀU NGỰA CŨ - GIẢI VĂN CHƯƠNG 1961

Tàu Ngựa Cũ được trao giải văn chương 1961. Năm đó có ba giải văn học, nhà xuất bản Ngày Nay chiếm hai giải: cuốn *Thềm Hoang* giải nhất truyện dài của Nhật Tiến, *Tàu Ngựa Cũ* tuyển tập truyện ngắn của Linh Bảo, *Gìn Vàng Giữ Ngọc* của Doãn Quốc Sỹ do Sáng Tạo xuất bản.



HÌNH V_ trái: bìa tác phẩm *Tàu Ngựa Cũ* của Linh Bảo
phải: Giải thưởng Văn chương 1961
[nguồn: do Linh Bảo cung cấp]

Tàu Ngựa Cũ là tuyển tập chín truyện ngắn của Linh Bảo đã đăng tải trên tạp chí Văn Hoá Ngày Nay của Nhất Linh và Tân Phong của Nguyễn Thị Vinh Trương Bảo Sơn. *Tàu Ngựa Cũ* được trao giải thưởng Văn chương 1961. Học giả Nghiêm Xuân Việt, Văn Bút Việt Nam "với thiện chí trao đổi văn hoá với ngoại quốc" đã chọn hai truyện *Người Quân Tử* và *Áo Mới* trong *Tàu Ngựa Cũ* dịch ra Anh ngữ với tên truyện *The Noble Man* và *Our Brand New Robes* và gửi đi dự cuộc thi truyện ngắn do International PEN tổ chức 1961. Thành phần ban giám khảo gồm những tên tuổi như: Storm Jameson (Anh), André Maurois (Pháp), và Whit Burnett (Mỹ).

Kết quả là cả hai truyện ngắn này được tuyển chọn vào chung kết trong số 26 truyện ngắn quốc tế hay nhất năm đó. Cũng thời gian đó Linh Bảo đang sống ở Luân Đôn. Hình như sau đó, hai truyện ngắn này được PEN Vietnam Centre dịch sang tiếng Pháp: *L'homme noble*, và *Robles Nouvelles* để in trong tuyển tập truyện ngắn của Văn Bút Việt Nam.

Tàu Ngựa Cũ là một truyện ngắn được lấy tên cho toàn tập truyện. Đó là truyện tình nhẹ nhàng cảm động. Kỳ trong một chuyến tàu đi suốt từ Huế vào Sài Gòn, anh ao ước có một người bạn đồng hành để có thể truyện trò. Rất tình cờ từ một ga xép, một thiếu nữ lên tàu ngồi bên cạnh Kỳ. Với nốt ruồi đỏ như son trên cổ tay thiếu nữ, Kỳ bỗng nhận ra Thơ người bạn gái xa cách từ lâu, thuở hai người rất yêu nhau. Họ nhận ra nhau và hạnh phúc được ngồi bên nhau trong những kỷ niệm hồi tưởng. Nhưng khi con tàu ghé Nha Trang thì người vợ của Kỳ xuất hiện. Cô gái lặng lẽ bước xuống tàu, không nói một lời chia tay. Tất cả thoáng diễn ra như một giấc mơ. Kỳ trở lại cuộc sống thực tế với một người đàn bà ngồi bên cạnh là vợ chàng. Kỳ có cảm giác mình như một con ngựa đã thuần hoá và từ nay chỉ có một con đường trở về như con ngựa trở về tàu ngựa cũ.

Người Quân Tử là câu chuyện của một cô gái trẻ đẹp tên Dung, đang làm cho một hãng hàng không, sống độc lập bỗng dưng rơi vào nghịch cảnh trong vòng kiểm soát của một người đàn ông đã có vợ nhưng nhiều thủ đoạn, nham hiểm và cả bạo hành; hắn đã biến Dung thành cô "thư ký vạn năng" cùng lúc đóng nhiều vai người tình, người vợ không bao giờ cưới vẫn phải đẻ con lấy họ mẹ, Dung được người đàn ông ấy đối xử như người đầy tớ gái nhưng vẫn nhòl sọ Dung rằng chính hắn mới là kẻ gia ơn và bao bọc, hắn là người quân tử đến mức chính Dung cũng tin là như vậy và khuất phục cam chịu.

Áo Mới với bối cảnh một gia đình của một thời vang bóng nơi kinh đô Huế cổ xưa của một triều đại phong kiến đang suy tàn. Truyện kể về sự tích một chiếc áo do mẹ vua ban mà bà mẹ đem về cho các con. Do gốc tích cao sang chiếc áo được giữ gìn chuyền qua tay những đứa con từ lớn xuống bé và chỉ được dùng trong những dịp giỗ tết nhưng khi đến phiên Hoa đưa con gái nhỏ nhất vì qua thời gian chiếc áo ấy đã bị mục nát. Hoa đã khóc trong ngày Tết năm đó vì không được mặc chiếc áo mơ ước, để

rồi sau này lớn lên cô gái đi làm có tiền có thể mua sắm bao nhiêu chiếc áo mới nhưng lúc đó đã mất mẹ nên cô gái chẳng còn thấy đâu niềm vui để khoác lên những chiếc áo mới ấy.

Gió Bắc (1953) là truyện dài đầu tay của Linh Bảo, nhưng *Những Đêm Mưa* (1961) và *Tàu Ngựa Cũ* (1961) là hai tác phẩm biểu lộ hết tài năng của Linh Bảo.

Tài năng và cơ hội, Linh Bảo đã có cả hai. Sau này Linh Bảo tâm sự là nếu không có buổi gặp gỡ với nhà văn Nguyễn Thị Vinh thì bản thảo *Gió Bắc* sẽ chẳng thể đến tay nhà văn Nhất Linh và không chắc đã có một Linh Bảo sau này. Chính Nhất Linh đã khám phá ra tài năng của tác giả *Gió Bắc* và đồng thời tạo cơ hội cho Linh Bảo đi những bước tiếp theo vững vàng trên con đường văn nghiệp.

NHỮNG NGÀY MONTEREY



HÌNH VI_ Ngô Thế Vinh tới thăm nhà văn Linh Bảo
Monterey, California 1972 [photo by Adams, L.]

Năm 1972, tôi đi tu nghiệp ở Mỹ về ngành Y khoa Phục hồi / Rehabilitation Medicine tại quân y viện Letterman General Hospital, Presidio San Francisco. Trước khi đi, anh Lê Ngô Châu đã dặn dò: "*Anh Vinh sang đó phải tới thăm cho được chị Linh Bảo*" cùng với một bức thư tay như một cái cờ để tôi có nhiệm vụ trao lại cho chị.

Một buổi sáng thứ Bảy cuối tuần, do có hẹn trước qua phone, chị Linh Bảo lái xe đến đón tôi tại một trạm xe bus Greyhound. Đã gặp chị ở Sài Gòn, nên không có chút

gì ngõ ngàng khi gặp lại nhưng lần này là trên đất Mỹ. Chị Linh Bảo lúc đó đang ở tuổi 46 có lẽ là thời gian đẹp nhất của chị. Linh Bảo có nét cứng cõi khoẻ mạnh của một phụ nữ Tây phương nhưng vẫn giữ được nét đẹp hiền dịu Đông phương. Sáng hôm đó, cùng với chị đi thăm biển Monterey một ngày nắng đẹp, trời trong xanh, bãi biển với những thảm hoa đỏ rực, tháp thoáng nóc mấy nhà thờ cổ theo lối kiến trúc Tây Ban Nha. Đến buổi trưa mới về đến nhà, nhà chị trên một lưng đồi, tại đây tôi được gặp "ông Linh Bảo", là giáo sư Đại học Berkeley về *sinh thái học/ ecology*, cũng là lãnh vực mà tôi quan tâm. Được biết anh chị cũng vừa đi dự một hội nghị của *American Institute of Biological Sciences* ở Đại học Vermont từ miền Đông về. Ông ấy rất yêu thiên nhiên và quan tâm bảo vệ sự nguyên vẹn của các hệ sinh thái trên hành tinh này. Vẫn mơ một giấc mơ không thể được/ *impossible dream*, ông được Linh Bảo gọi đùa là *mad scientist*; nhưng với tôi, ông mang tất cả vẻ đẹp trí tuệ của giới trí thức đại học Mỹ. Cao nguyên Tây Tạng luôn luôn được ông nhắc tới, là vùng ông quan tâm và chuẩn bị một *field trip* tới đó nghiên cứu [đó là một xứ tuyết Tây Tạng của năm 1972 cách đây 43 năm, chưa bị Trung Quốc tàn phá đến tan hoang như bây giờ, ghi chú của người viết].

Về tới nhà, chị Linh Bảo quần ngay tấm *tablier* vào bếp chăm sóc bữa ăn trưa cho ba người. Trong bận rộn nhưng không có vẻ gì tất bật, chị vẫn tươi cười ra vào hiện diện. Bữa ăn dọn ra đơn giản như một thứ *fusion-cuisine* nửa Việt nửa Mỹ, có món thịt nhưng không thiếu phần rau đậu, rất ngon miệng và giữa chủ và khách đã có ngay được mỗi thân tình.

Hai người đàn ông thì vẫn đắm mình trong những câu chuyện môi sinh mà chị Linh Bảo thì rất ít tham gia; sau bữa ăn bên ly cà phê, nghĩ rằng cũng đủ thân để chia xé chút riêng tư, với một chút hài hước "ông Linh Bảo" chuyển sang một câu chuyện khác, ông nói về kinh nghiệm khi cưới một người vợ Á Đông, khởi từ ý niệm về một phụ nữ hiền thực và tuân phục, rồi ông dí dỏm đưa ra nhận xét: "*nhưng khi lấy Linh Bảo rồi, thì mới thấy họ là những người đàn bà có bàn tay sắt bọc nhung/ an iron hand in a velvet glove.*" Cả ba chúng tôi đều bật cười, nhưng cảm tưởng của khách viếng thăm là "ông Linh Bảo" đang sống những ngày rất hạnh phúc trong bàn tay sắt kìm kẹp ấy.

Buổi chiều, cả ba chúng tôi cùng đi thăm trường *Defense Language Institute, Monterey, California*, rất lớn nơi đây giảng dạy hơn ba chục ngôn ngữ trong đó có Việt ngữ, cho những người Mỹ trước khi tung họ đi các quốc gia trên khắp thế giới. Tới thăm một khu chăm sóc trẻ thương tật là nơi chị Linh Bảo tới làm thiện nguyện/ volunteer những ngày cuối tuần. Sau đó đi thăm một vòng bên trong thành phố Monterey, cho mãi tới sẩm chiều trước khi anh chị đưa tôi ra trạm Greyhound về lại San Francisco.

Trở về Việt Nam, ít lâu sau đó tôi nhận được thư chị Linh Bảo viết ngày 23-01-1973 gửi qua toà soạn Bách Khoa, chị viết: "*Được thư và sách của anh, tôi mừng quá vì cứ tưởng anh đã bị ai bỏ bùa ngải quyến rũ đi Canada mất rồi. Anh có cách gì để tôi có thể*

mua số sách của anh cho sinh viên của tôi đọc được không? Đọc Vòng Đai Xanh tôi thích lắm vì đúng loại sách tôi đang muốn đọc để hiểu. Tại sao anh không nói chuyện về cô Như Nguyệt của anh cho tôi nghe? Cô ấy chắc là tu nhiều kiếp rồi phải không? [Như Nguyệt là nhân vật nữ trong Vòng Đai Xanh, ghi chú của người viết]. Tôi muốn về thăm nhà một chuyến... Monterey vừa rồi có tuyết, đó là chuyện mấy chục năm chưa từng có..." Linh Bảo.

LINH BẢO - LITTLE SAIGON 1991

Sau những năm đèn sách "cải tạo" từ New York trở về California, tôi mới có dịp gặp lại chị Linh Bảo. Lần này qua một người bạn chung là chị Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang, chị Nha Trang một Ph.D. của Đại học Berkeley có thời gian ở với chị Linh Bảo, để hoàn tất tác phẩm *Women's Writers of South Vietnam 1954- 1975*. Chị Nha Trang và chồng William L. Pensinger là hai dịch giả cuốn Vòng Đai Xanh của tôi về sau này. [The Green Belt, Ivy House 2004].



HÌNH VII_ Nhà văn Linh Bảo đang nặn tượng Mẹ trong xưởng tranh tượng của một đại học California [nguồn: Linh Bảo cung cấp]

Sau 1975, Linh Bảo hầu như hoàn toàn không viết và chị cũng chẳng mấy quan tâm tới những tác phẩm đã tạo nên văn nghiệp của mình. Linh Bảo thì lúc nào cũng vẫn như *Một Cánh Diều* sống lưu lạc ngoài Việt Nam, nhưng lòng thì vẫn khắc khoải hướng về quê nhà.

Linh Bảo đã ví thân phận những người Việt tha hương như những cánh diều, chỉ vì một cơn cuồng phong, cơn bão thời đại đã thổi bạt họ đi khắp mọi nơi trên thế giới:

"Trời đang xanh biếc, những đám mây nhẹ như tơ, trắng như tuyết, đang theo làn gió bay lang thang, vương vấn làm quen với bọn diều thì bỗng dưng có một trận gió lạ cuồn cuộn thổi đến. Bọn diều bằng bằng vượt mây lên thật cao: một số lớn bị đứt dây, và một số khác bị tuột. Cánh diều ngũ sắc không còn bị kiềm chế, tự do bay vùn vụt. Chúng như những chấm nhỏ li ti in trên nền trời xanh biếc. Gió thổi chúng lên núi, ra bể, đến thành thị, về thôn quê, gió thổi bạt chúng đi khắp mọi nơi...

Những cánh diều là những bọn người tha hương, một số đã bị đứt dây, đã thành mồ côi, đã mất liên lạc với quê hương, đã không còn một ai thân mến nữa... Một số bất đắc dĩ, hay tự nguyện làm cho mất gốc. Cảnh mất gốc này có người đau khổ mà chịu, có người tự tạo ra, cũng có người lấy làm hạnh diện về sự mất gốc của mình và cố tranh đấu để xoá tan những tàn tích còn vương lại. Có người còn liên lạc với gia đình, với quê hương, nhưng liệu tình yêu gia đình và quê hương có mạnh hơn lòng tham thụ hưởng những sung sướng vật chất và an nhàn nơi xứ người...

Lạy trời thổi ngọn gió hiền, ngày mai đưa những cánh diều tha hương trở về đất mẹ!"
Những Cánh Diều, tr.5-7, Nxb Trí Đăng Saigon 1971

Nhưng chùng nào mà Đất Mẹ vẫn còn một chế độ "Nhốt Gió - tên một tác phẩm của nhà văn Bình Nguyên Lộc" ngăn chặn những ngọn gió hiền Dân Chủ thổi về, thì vẫn còn hơn ba triệu cánh diều tha hương vẫn cứ khắc khoải với "Hồn quê theo ngọn mây Tàn xa xa" như câu thơ của văn hào Nguyễn Du từ hơn 200 năm cũ.



HÌNH VIII_ Chủ nhiệm Bách Khoa Lê Ngô Châu thăm nhà văn Linh Bảo (1995)
từ phải: Ngô Thế Vinh, Linh Bảo, Lê Ngô Châu, Võ Phiến

TÌM LẠI THỜI GIAN ĐÃ MẤT 2015

Không còn cảm hứng viết văn, Linh Bảo có thêm nhiều thú vui mới khác: theo học các lớp vẽ tranh nặn tượng, làm đồ men sứ, học in hình trên đĩa, làm vườn, tập Yoga và cả luyện võ. Điều ít ai biết, nhà văn nữ Linh Bảo giỏi võ nghệ đã có huyền đai từ một võ đường của Bảo Truyền.

Linh Bảo hiện sống trong một ngôi nhà nhỏ nơi *Thị trấn Giữa đường / Midway City*, có vườn cây trái phía sau, một hồ cá Koi. Cùng sống trong ngôi nhà ấy là ba thế hệ cũng là ba thế giới: Linh Bảo, con gái và một cháu ngoại nay cũng tới cái tuổi tam thập nhi lập.

Nhà văn Linh Bảo sắp bước vào tuổi 90 [chị sinh sau nhà văn Nguyễn Thị Vinh hai năm, chỉ sau nhà văn Võ Phiến có 6 tháng - 20 tháng 10, 1925], chị còn minh mẫn, vẫn với giọng nói của Linh Bảo ngày nào, đọc sách không cần kính, lưng vẫn thẳng, dáng đi vững vàng, chị còn sinh hoạt độc lập.

Bài viết với cả chút riêng tư, như món quà sinh nhật sớm gửi tặng nhà văn Linh Bảo trước khi chị bước vào ngưỡng tuổi 90 xưa nay là hiếm.

NGÔ THẾ VINH

California, 4th of July 2015



ĐỌC TÀU NGỰA CŨ của Linh-Bảo

Tràng Thiên

(bút danh khác của nhà văn Võ Phiến)

Trong văn học xưa của ta rất ít tác phẩm có giọng hài hước. Các cụ vịnh cảnh, chép sử, luận triết lý, chép truyện răn đời..., văn chương là như vậy, còn cười cợt có vẻ không xứng đáng. Mà văn như vậy kể cũng xứng với người, những người nho-sĩ hình vóc mảnh mai, cử chỉ đoan trang hòa nhã, dung mạo nghiêm chỉnh, trịnh trọng. Khách tu mi đã như thế huống hồ là phụ nữ. Ta tưởng tượng thuở ấy con gái nhà lành, phải là những cô cán cơm không bẻ, tránh đàn ông như rắn trốn mòng năm, bị một tiếng tục tĩu lọt vào tai chắc là đỏ mặt như gấc, hoảng hồn ôm đầu trốn biệt vào khuê phòng như dân lành thời loạn xuống hầm trốn bom. Thế mà giữa cái thời đại uy nghiêm đó, trong không khí đạo mạo của văn giới ngày xưa ấy, bỗng nghe nổi lên một tiếng cười nghịch ngợm. Giật mình ngoảnh lại xem là ai, té ra đó là một người đàn bà: Hồ-Xuân-Hương. Lễ giáo Khổng Mạnh khát khe là chừng ấy mà không giết nổi cái tính nghịch ngợm bạo dạn của người đàn bà Việt-Nam, thật là điều đáng ngạc nhiên. Riêng với kẻ thường văn, thì cái nghịch ngợm thông minh ở một tác giả lại còn có điểm đáng yêu.

Ngày nay, từ ngoài đời cho đến trong văn giới, người ta đã vui vẻ ồn ào, đã cười cợt tự do, không ngần ngại gì nữa, cho nên giọng châm biếm hài hước không hiếm nữa. Tuy vậy gây được cái cười kín đáo, ý nhị mà đôi khi chua chát như Linh-Bảo vẫn không phải là nhiều. Linh-Bảo đặc biệt ở cái hóm hỉnh thông minh. Ngay trong thời kỳ chiến-tranh, giữa không khí đấu-tranh hừng hực, ai nấy khắc khổ hần học, giọng của Linh Bảo trong Gió Bắc cũng đùa cợt, cũng tinh nghịch được như thường. Mà nào phải cuộc đời của cô có gì may mắn hơn của cả lớp người đồng thời: cứ tín theo truyện thì cô cũng ném đủ long đong của gái thời loạn. Và bây giờ, trong Tàu ngựa cũ, phần lớn cũng là nói về những cảnh đau buồn, trắc trở: cảnh đời trống trải của bốn cô gái quá thời độc thân (Đông-Sương ký), cảnh cố nhân tái ngộ trong sự lỡ làng (Tàu ngựa cũ), cảnh đất khách nhớ mẹ hiền khổ sở (Áo mới), cảnh chị em ốm đau nghèo túng ở xa quê hương (Quà Tết) v.v... Có thể nói là Linh-Bảo chuyên về những cảnh ngộ éo le, buồn thảm.

Nhưng mà Linh-Bảo kể chuyện với nụ cười trên môi. Đó mới là một người có bản lĩnh. Người có bản lĩnh đó lại là đàn bà, nên càng quý.

Nụ cười thông minh, có duyên trên môi đã là một ưu điểm của người kể chuyện. Nhưng Linh-Bảo không phải chỉ có một ưu điểm ấy mà thôi. Nổi buồn Đông Sơn ký thực là thấm thía ngẩn ngơ, cái xã hội của những mẹ “chém củ khoai”, của bà mẹ vua chuyên môn vay rồi gạt nợ, của bà tham cùng đàn con với cái “áo vua ban” thực là linh động. Sự hiểu biết của tác giả về tình đời, về lòng người khá sâu sắc thấu đáo. Tàu Ngựa Cũ gồm chín truyện, trong đó có con nhớ mẹ, có chị thương em, có tình nhân thương nhau, có đời không tình trống trải, có trai thanh gái lịch bốn bề gặp nhau tổng tình v.v... Chuyện đời quanh quẩn chùng ấy cũng đủ là nguyên liệu cho một văn tài dụng nên tác phẩm có giá trị. Nhưng chắc có người tiếc rằng Linh-Bảo thuộc vào hạng văn sĩ có cũng được mà không có cũng được, cô không phải là “phát ngôn viên chờ đợi” của một thế hệ, chuyện cô nói là chuyện muôn đời, cô không đề cập những ám ảnh lớn của thời đại... Quả có vậy, Linh-Bảo không phải là phát ngôn viên của thế hệ, cũng không phải là kỹ sư tâm hồn gì cả, có thể bảo những tác phẩm của cô không cần thiết, không có cũng được. Nhưng mà có nó thì văn học phong phú thêm lên biết bao. Có những tác phẩm không trả lời cho những khao khát của một thời nào, nhưng sự có mặt hững hờ của nó ích lợi cho bất cứ thời nào. Nên nhớ Tàu Ngựa Cũ do nhà Đời nay xuất bản, mà Đời nay gần đây đã có nghĩa là muôn đời, bất chấp thời gian và không gian.

Chưa qua một mùa xuân mà sau sách Mộng-Tuyệt lại tiếp đến sách Linh-Bảo. Không kể đề tài khác nhau, văn loại khác nhau, hay dở cách nhau, chỉ đối chiếu cái cốt cách dị biệt của hai nữ sĩ cũng đủ lấy làm thú vị về cảnh đua nở ngoạn mục của hai hoa. Đó là điềm lành cho hoạt động văn học của nữ giới năm nay chăng?

TRÀNG-THIÊN

Bách Khoa số 103 ngày 15-4-1961

Bách Khoa số 62 ngày 1-8-1959:

TRẢ LỜI CUỘC PHÒNG VẤN: CÔ LINH-BẢO

Tên thật: Võ-Thị-Diệu-Viên, sanh ngày 14-4-1926 tại Huế. Có theo học Đại-học-đường Tôn-Trung-Sơn (Quảng-châu, Trung-hoa).

Tác-phẩm đầu tay là tập phóng sự “Chồng chung” (viết với em gái Hương-Dương, và ký chung: Hương-Thơ), nhưng bản thảo thất lạc trong cuộc Cách mạng 1945.

Từng cộng tác với tuần báo “Mới” (1953-1954).

Đã xuất-bản “Gió Bắc” (1952).

Sẽ xuất-bản: “Những đêm mưa”, hiện đang đăng ở “Văn-hóa ngày-nay”.

Hongkong ngày 5 tháng 4 năm 1959

Anh Ngu-Í,

Thư anh đến từ nửa tháng nay, nhưng tôi ngại trả lời quá. Nếu chỉ là một bức thư thường thôi, chắc không đến nỗi để lâu thế này.

Bài phỏng vấn của anh khó trả lời vì anh biết đấy, tôi ở Việt-Nam ít và không được đọc hết tất cả các truyện ngắn từ xưa đến nay của Việt-Nam. Còn những truyện đã đọc rồi thì tôi thích tất cả. Hay nhất, tôi không thể nói được vì mỗi nhà văn có một lối viết khác nhau, tả một đề tài khác nhau. Chỉ có thể hay, hay không hay chứ hay nhất nhì chắc khó thấy hơn kém.

Về truyện ngoại quốc cũng thế. Tôi không trả lời vừa ý anh được. Nếu cần phải giận xin cứ việc giận nhiều vào, khỏi khách khí gì cả [...] (1)

LINH-BẢO

Hương cảng 13-4-59

Vụ “chuyện nào cũng thích” là một cách nói mà thôi. Tôi cho là không thể chấm hay nhất, nhì được, vì: cũng như muôn hoa, muôn mùi hương, muôn vẻ đẹp, ai thích gì thì thích. Có thể nói hay hay không hay, chứ không thể chặm nhất, nhì như bài luận học-sinh tả chung một đầu đề được.

Tôi thích “Ba con cáo” của Bình Nguyên-Lộc. Đọc truyện ấy, tôi thấy thú vị. Tại sao? Vì tôi thấy nó chua chát, xót xa như mắt tôi nhìn đời.

Người khác họ thích bài khác vì một lý do khác. Làm sao định được hơn kém?

Truyện ngắn tôi thích nhất của ngoại-quốc (không phải hay nhất) là truyện “The door in the wall” (Cái cửa ở trong tường) của Herbert George Wells.

Truyện anh hỏi, tôi không nhớ đã xem trong tập truyện ngắn nào vì lâu rồi. Tôi còn nhớ sơ sơ câu chuyện tả một người kể chuyện mình với bạn. Lúc còn bé độ 4, 5 tuổi, anh ta mồ côi mẹ. Một hôm, trông thấy một bức tường trắng có cái cửa. Anh ta vào trong chơi. Bên trong là một cái vườn hoa “Thiên-đường”, ai cũng có vẻ sung sướng vô tư lự. Rất nhiều trẻ con cùng tuổi đến chơi với anh ta. Anh ta về nhà kể lại, không ai tin cả. Riêng anh ta nhớ tiếc vô cùng. Về sau cứ vài năm anh ta lại có dịp tình cờ gặp lại cái cửa quen thuộc ấy, ở một nơi không nhất định. Lúc gặp, anh ta không vào, rồi sau đấy tìm lại thì không thấy nữa, anh ta thi đậu và đi làm, thành một nhân-vật của xã-hội thượng-lưu, nhưng không lúc nào không nhớ cái vườn ấy. Thỉnh thoảng anh lại có dịp thấy lại, nhưng anh đi qua và để rồi băng khuâng tiếc nhớ. Cho đến một hôm, người ta tìm thấy xác anh trên một con đường sắt băng qua đường lộ có một cái cửa chắn ngang...

Tôi không hiểu tại sao tôi lại thích truyện này, chỉ biết xem xong, hơi băng khuâng, có cảm-giác như mình cũng đã từng trông thấy một cái vườn như thế, nhưng mà ở trong giấc mơ, chứ không phải thật, và tôi có ý tưởng nếu tôi gặp được thì bất cứ là mơ hay thật, và bên kia cánh cửa là cái gì đi nữa, tôi cũng sẵn sàng bước vào!...

Cảng Thơ, ngày 5-5-59

LINH-BẢO

(1) Tuy được biết tác-giả “Gió Bắc” bận làm việc ở quê người (việc học và việc hành), nhưng chẳng lẽ là phỏng vấn viên của báo Bách-Khoa lại chỉ có một lần đi, nên chúng tôi dầu có giận đi nữa, cũng vui vẻ có thư đi, đi thêm ba lần nữa, và được một, hai, ba, bốn “chút của tin này”. (Nguyễn-Ngu-Í)

Bách Khoa số 109 ngày 15-7-1961:

Phỏng vấn: Quan niệm sáng tác

Người phụ trách: [NGUYỄN-NGU-Í](#)

Paris 15-6-1961

Kính anh,

[.....]

I.- Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên-hạ? Để cho bây giờ hay cho mai sau?

Xin trả lời giản dị:

Tôi viết vì tôi thích viết.

Tôi còn nhớ lúc bé hay viết nhật-ký. Có khi viết xong nhật-ký của mình rồi bịa hộ nhật-ký của người khác, ban đầu để trêu, rồi dần dần cứ cái đà ấy viết thành truyện. Như thế, có nghĩa là

tôi viết cho mình trước, rồi nếu nó được may mắn chào đời, và lại nếu – đã mấy cái “nếu” rồi, anh? - lại nếu nó đáng được tồn tại thì sẽ được tồn tại, nếu nó không đáng thì đời sẽ cho nó vào... xọt rác.

II.- Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng?

Tùy hứng, anh ạ. Nếu bắt tôi phải theo đường lối nhất định, thì nhất định là tôi không viết được. Như thế có nghĩa là năng lực sáng-tác của mình cũng “hữu hạn” thôi!

Nhưng nếu tôi viết truyện gì mà không có hứng thú thì tôi chỉ có thể tạo những nhân-vật giả tạo mà chính tôi, tôi sẽ ghét trước nhất. Như vậy thì còn mong ai thích đọc nữa hở anh!

III.- Những gì đã xảy ra trong tâm trí và trên trang giấy của tác giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai nghén cho đến lúc nó thành hình?

Trước hết, tôi phải có một ý-niệm về truyện mình viết.

Ý-niệm ấy sống mãi trong tim trong óc cho đến khi đủ chi tiết, và chỉ khi nào có một cảm xúc gì rất mạnh thúc đẩy tôi mới viết ra. Vì thế mà có khi hàng mấy tháng mới viết một truyện, và hàng năm không viết truyện nào.

IV.- Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất?

Sáng-tác thích nhất thì chưa có, anh ạ. Những truyện đã viết đều thích đại-khái thôi. “Thích nhất”, chắc phải đợi lúc “tính lại sổ đời” mới biết được.

Đọc lại, mới thấy chưa trả hết “nợ” cho anh, còn quên những kinh nghiệm.

Thì đây: kinh nghiệm viết của riêng tôi là: cần phải “sống” và “khổ”. Cứ khi nào sung sướng, hay tâm hồn thanh thoi, là chả viết được gì cả. Nói thế, nhưng nếu khổ quá thì cũng không viết được vì lúc ấy là lúc đang “sống”.

Phải đợi một thời gian cho nó qua đi, lắng đọng xuống, rồi mới thành hình được và biến ra những truyện ngắn, truyện dài.

Và cuối cùng để tạ lại trong muôn một tấm thanh tình của quý báo đã chiếu cố đến... bĩ nhân (anh đừng cười cái giọng văn đầu thế kỉ XX này nhé), tôi xin nói thêm, với riêng anh và với tất cả bạn đọc... trăm khoa, điều này: có nhiều người bảo với... Linh-Bảo, hoặc với bạn bè Linh-Bảo: “Tôi thích đọc Linh-Bảo, vì Linh-Bảo viết vui lắm, lúc nào cũng đùa được”.

Họ không bao giờ biết được Linh-Bảo phần nhiều phải trả một giá đau khổ kinh khủng trước khi hạ bút, bất cứ viết một truyện “vui” nào!

Paris 29-6-1961

Anh thật là “rắc rối” lắm. Tưởng thư trước là đã trả xong món nợ cho anh rồi, ai ngờ anh lại đòi nữa, mà lần này chẳng phải chính anh đòi, mà do cái ông bạn nhà văn nào đó... nhờ anh đòi hộ.

Vậy, tôi không trả lời cho anh, mà trả lời cho nhà văn quen với anh mà tôi không biết ấy. Thật là một việc lạ lùng: đi tìm sự thực trong tác-phẩm! Sao lại hỏi người ta câu ấy trong khi chính

mình cũng viết văn, như ai?

Nếu ông bạn ấy sau khi đọc “Gió Bắc” và “Những đêm mưa” mà tò mò muốn biết cái “đức ông chồng” của cái cô trôi giạt từ nước Việt sang nước Tàu, mà mỗi lần gió bắc thổi là ôm ngực mà “thổi kèn cổ” đến muốn đứt hơi ấy, nghĩa là cứ muốn biết “ông Linh-Bảo” ra thế nào, có tốt không, thì xin trả lời: “Có một không hai trên đời! Dễ thương vô cùng! Vì nếu không tốt, không dễ thương thì làm sao mà “tiêu thụ” nổi Linh-Bảo... trót 10 năm nay!”

Còn như anh hỏi truyện, nhân-vật, “thật 100% hay 50%”, thì xin miễn trả lời anh đó. Là vì rằng: người ta viết ra, một là hay, hai là dở, cần gì tìm hiểu tác-giả tưởng tượng mấy chục phần trăm.

Tôi mời anh một cốc rượu, Anh uống rồi khen ngon hay chê dở – thành thật mà khen, chê; chớ anh cần gì tìm coi rượu mấy phần, nước mấy phần....

Tôi viết, không sửa nhiều, anh ạ. Tôi chỉ sửa bớt những chữ trùng hay đổi đi vài chữ. Nói chung, tác-phẩm khi viết xong đến khi nó chào đời, không có gì thay đổi nhiều. Lần này, thì hẳn là “hết nợ” với anh rồi chứ!

LINH-BẢO



Người Trăm Năm Cũ

*** Ngô Nhân Dụng ***

<https://www.voatiengviet.com/a/doan-quoc-sy-linh-bao-tu-mo/5937332.html>



Từ trái: Các nhà thơ, nhà văn Trần Mộng Tú, Linh Bảo, Đỗ Quý Toàn, Phạm Phú Minh, Doãn Quốc Sỹ. (Hình: Nhà báo Phạm Phú Minh cung cấp)

“Người Trăm Năm Cũ” là tên một cuốn tiểu thuyết của Hoàng Khởi Phong, kể chuyện lịch sử thời Đền Thám chống Pháp. Tôi nhớ cái tựa đề này khi đến thăm nhà văn Linh Bảo, gặp cả nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã tới trước. Hai người đều gần 100 tuổi. Bà Linh Bảo thì còn trẻ, mới 95. Ông Doãn Quốc Sỹ mấy lần nói mình đã 100 tuổi. Doãn Cẩm Liên cải chính: Bố mới 98. Cụ cứ nói mình đã 100, mấy lần, cô con gái đành chịu thua!

Linh Bảo trí nhớ còn tốt nguyên. Năm 18 tuổi bà đã bỏ nhà đi sang Trung Quốc. Nhưng bây giờ nói “tiếng Huế” vẫn còn rất đúng giọng. Tôi đọc cuốn *Gió Bắc* của bà khi 15 tuổi, bây giờ vẫn còn nhớ mấy chuyện vui, đem kể lại cho tác giả nghe.

Doãn Quốc Sỹ bắt đầu quên từ hơn 10 năm nay. Trí nhớ cụ được xóa bớt dần dần những chuyện vụn vặt. Mười năm trước, gặp nhau cụ còn hỏi: “Màu Tím Hoa Sim của Hữu Loan hay Hoàng Cầm nhỉ?” Hoặc, “Quê Toàn ở Bắc Ninh phải không? Bà mẹ cụ

Nguyễn Du cũng quê Bắc Ninh.” Doãn Quốc Sỹ nhớ bút hiệu Tô Giang Khách, vì nhà ở gần sông Tô Lịch. Rồi kể sau này về thăm, con sông Tô đã biến mất. Lại đọc thơ Trần Tế Xương: “Sông kia nay đã nên đồng – Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô, khoai ...” Trong mười mấy năm, trí nhớ cứ thế nhẹ dần, nhẹ dần; giờ không nghe Doãn Quốc Sỹ hỏi đến Màu Tím Hoa Sim, đến Bắc Ninh nữa.

Nhưng có một chuyện Doãn Quốc Sỹ lâu lâu vẫn nhắc lại. Đó là hai câu thơ của Tú Mỡ có đủ tên tám người con. Doãn Quốc Sỹ lấy người con thứ ba của nhà thơ trào phúng trong Tự Lực Văn Đoàn. Trước ngày cưới, ông bố vợ hỏi nhỏ chàng rể: Anh có biết lễ không? Câu thơ Tú Mỡ viết: “Năm trai, ba gái, tám con – Trung, Hiền, Thảo, Dũng, Hùng, Chuyên, Vỹ, Cường.” Doãn Quốc Sỹ ngậm ngùi: “Bây giờ chỉ chú Cường còn sống, ở Hà Nội.” Mấy năm sau, ngậm ngùi hơn: “Chú Cường cũng mất rồi.”

Ngày hôm qua thấy Doãn Quốc Sỹ còn nhớ nhiều lắm. Tôi hỏi trong hồi ký *Cát Bụi Chân Ai* “Tô Hoài nói anh đã dùng tên hiệu Quan Sơn, đúng không?” Ông nhớ liền: Quan Sơn. Dương Quan Sơn, vì có ba chữ DQS giống như tên thật. Tô Hoài kể “Doãn Quốc Sỹ người Cầu Giấy, gần làng tôi. Chúng tôi quen nhau khi mới cầm bút.” Thời 1970 Tô Hoài phụ trách một mục “địch vận” mang tên “Thư Hà Nội” trên đài phát thanh. Tô Hoài viết thư cho Quan Sơn, đó là tên Doãn Quốc Sỹ ký trên báo *Tiểu Thuyết Thứ Năm* khi đăng truyện ngắn đầu tiên.

Tô Hoài viết cuốn hồi ký năm 1990, đặt câu hỏi về Doãn Quốc Sỹ: “Chẳng biết cách mạng có nợ tiền, nợ máu gì với gia đình ... này không, tin là không, thế mà sao Doãn Quốc Sỹ viết chữi cộng sản hăng thế?” Đọc mà buồn cho Tô Hoài. Sống kiểu cộng sản lâu năm quá nên nhiễm cái thói suy nghĩ hẹp hòi.

Bao nhiêu người chống chế độ cộng sản, nêu ra những sai lầm của chủ nghĩa cộng sản, đâu phải vì thù oán cá nhân. Doãn Quốc Sỹ bài bác cộng sản, ông không “chửi.” Chưa bao giờ nghe ông chửi ai một tiếng nào. Ông đúng là một nhà giáo. Thấy cái gì tốt thì khen, cái gì xấu thì nói cho mọi người biết để tránh. Không chửi bới. Những người trăm năm cũ vẫn được ông bà cha mẹ tập cho thói quen đó.

Đọc Tô Hoài kể chuyện Tú Mỡ thì thấy hai người, nhà thơ bố vợ và nhà văn chàng rể, tính tình, tư cách rất giống nhau.

Tô Hoài kể những đợt “chỉnh huấn” từ 1951 “theo phương pháp Hoa Nam” của Trung Cộng; rồi tới đợt các văn nghệ sĩ đi “đấu tranh cải cách ruộng đất” hồi 1954. Họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm tham gia đợt đấu tranh giảm tô ở Thái Nguyên. Cả tuần lễ Nguyễn Tư Nghiêm không “bắt rết” được một bần cố nông nào, chỉ lo bị phạt “ngồi chuồng trâu kiểm thảo.” Hoảng quá, phát đại, ông không nhớ đường về xóm mình ngụ, “Suốt ngày ở ngoài đồng bắt cào cào châu chấu ăn.”

Tô Hoài làm tổ trưởng một nhóm có những Phan Khôi, Tú Mỡ, Nguyễn Công Hoan, Văn Cao, Trần Đức Thảo, Bác sĩ Đặng Vũ Hỉ. Phải đấu tranh, kiểm thảo gắt gao trong nhóm. Tô Hoài kể, “Người khó đánh đổ không phải bác Phan Khôi ương bướng mà ... lại là bác Tú Mỡ hiền lành, củ mĩ, ít nói.”

Được “học tập” kết án Nguyễn Tường Tam về những tội hại dân hại nước, lập đảng Đại Việt, phản bội, kẻ thù dân tộc, vân vân, Tú Mỡ nói, “Nhưng tôi không quên được Nguyễn Tường Tam đã có ơn với tôi. Nói thẳng, không có Nguyễn Tường Tam thì không có Tú Mỡ!” Cứ như thế mãi, sau cùng, Tú Mỡ đầu dụ, “Các anh phân tích thế thì tôi đã nghe ra ...” Nhưng, nếu mai sau có bắt được “cái thằng chết chém” ấy mà tình cờ có Tú Mỡ ở đây thì... xin chính phủ đừng cử Tú Mỡ ra chém Nguyễn Tường Tam! Tô Hoài viết: “Nghiêm nghị, Tú Mỡ nói, không nhìn ai: ‘Tôi đề nghị các anh thế.’”

Giữa thế kỷ trước, Bà Linh Bảo cùng các thanh niên Việt Nam qua bên Trung Quốc “làm cách mạng.” Họ được chính phủ Tưởng Giới Thạch cấp học bổng chín năm, học Đại học Quảng Châu. Khi Cộng sản chiếm hết Trung Quốc, bà chạy qua Hương Cảng. Ở đó bà gặp Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, đưa ông coi tập nhật ký của mình. Nhất Linh đem xuất bản. May mắn, bà không sống trong chế độ cộng sản để phải chịu trận như Tú Mỡ.

Sống giữa một thế giới tàn ác, gian trá, quỷ quyệt, Tú Mỡ vẫn suy nghĩ, nói năng, cư xử với tấm lòng chung thủy, thật thà, đôn hậu. Ông bà, cha mẹ dạy như thế từ thuở ấu thơ. Sau khi đình chiến Tú Mỡ trở về Hà Nội và được đề nghị “kết nạp” vào đảng; nhưng “ở trên” không cho. Tô Hoài có nhiệm vụ báo tin buồn này; còn đề nghị Tú Mỡ “lên gặp trên” nữa. Nhưng “Tú Mỡ bắt tay tôi, về hể hã.” Ông ở hiền gặp lành, trước khi chạy khỏi Hà Nội đi kháng chiến, ông gửi căn nhà ở Cầu Giấy cho một gia đình ở. Lúc trở về, người ta trả lại, theo Tô Hoài thì “nhà cửa, vườn tược gần y nguyên.”

Tôi lại nhớ câu chuyện một người trăm năm cũ khác. Thân phụ một người bạn tôi, làm công chức từ thời Pháp thuộc. Năm 1945 Nhật đảo chánh, người Pháp bỏ Hà Nội đi tị nạn. Ông thân sinh bạn tôi được một người Pháp trong sở đem tới nhà nhờ giữ một cái hộp. Cụ nhận lời. Mấy năm sau, người “sếp cũ” trở về, đến thăm. Cụ đưa trả cái hộp, còn niêm kín. Lúc đó người chủ hộp mới cho biết trong hộp đầy vàng bạc, châu ngọc, và tiền mặt. Cụ không bao giờ nghĩ đến chuyện mở ra coi, và cũng không nhận một món quà đền ơn nào.

*Những người trăm năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Doãn Quốc Sỹ nhiều lần nhắc lại tác giả hai câu thơ trên, Vũ Đình Liên, là một thầy giáo dạy mình thừa nhỏ.

Thực ra không cần đi đâu tìm linh hồn những người trăm năm cũ. Họ vẫn còn sống. Chúng ta vẫn thấy họ, ở quanh mình. Lắm lúc tôi nhìn trong gương, tự hỏi trên mặt mình có những nét nào giống bố lúc về già không. Năm tôi 30 tuổi mẹ tôi vẫn xoa đầu tôi nói, “Hói, lại giống Thầy ngày xưa.” Nhưng tôi nhớ bố nhất mỗi khi đắn đo trong việc cư xử trong cuộc đời. “Mình làm như vậy thì bố mình có vui hay không? Hay là sẽ buồn?”

Người Việt mình không dành mỗi năm một ngày mừng “Ngày Của Cha” như phong tục người Mỹ. Tôi không đếm coi mỗi tháng, mỗi năm tôi nhớ đến bố mình bao nhiêu lần, nhưng chắc là nhiều. Tôi mồ côi khi chưa đầy 5 tuổi nên biết rất ít về cụ. Mẹ tôi thường kể chuyện. Mẹ không bao giờ nói về thầy như “ông ấy,” “ông cụ,” hay “thầy các con;” mà lúc nào cũng như chúng tôi, gọi là Thầy. “Với các con lớn bao giờ Thầy cũng gọi là anh, là chị. Thầy không bao giờ mày, tao, thằng này, con kia. Nói chuyện với ai Thầy cũng “vâng,” và “ạ.”

Khi gặp những người gần 100 tuổi mà tôi quen gọi là anh, là chị, như anh Doãn Quốc Sỹ, chị Linh Bảo, ngắm cuộc đời họ đã sống, nhìn cách họ nói năng, cư xử, tôi vẫn yên tâm. Những người trăm năm cũ sẽ còn với chúng ta mãi mãi.

Ngô Nhân Dụng



Cô Linh Bảo và Tôi

**** Nguyễn Thị Minh Ngọc ****

<http://www.gio-o.com/NguyenThiMinhNgoc>



nhà văn Nguyễn Thị Minh Ngọc (trái) và nhà văn Linh Bảo (phải)

Nhà tôi trữ nhiều sách đông tây kim cổ nên chúng tôi được đọc các loại sách sớm lắm. Những cuốn sách đầu tôi đọc cho ông ngoại nghe là những pho Tam Quốc, Tây Du. Ba tôi mua các loại tạp chí giai phẩm văn hóa văn nghệ tuần san, nguyệt san trong đó có Bách Khoa, Phổ Thông, Văn Hóa Ngày Nay, Tân Phong, Sáng Đội Miền Nam, Nhân Loại, sau này có thêm Văn, Văn Đề, Ý Thức. Những năm 60, 70 nổi lên các cây bút nữ, còn từ những năm 50, tạo dấu ấn lớn về bút lực có các cô Linh Bảo, Nguyễn Thị Vinh.

Một truyện ngắn của Linh Bảo đăng trên giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay ám ảnh chị em tôi mãi đến giờ là truyện “Áo Mới”. Truyện xảy ra trong một gia đình nơi kinh đô Huế cổ xưa với bối cảnh là thời vang bóng của một triều đại phong kiến đang suy tàn. Truyện khởi từ sự tích một chiếc áo do mẹ vua ban mà bà mẹ đem về cho các con. Do gốc tích cao sang, chiếc áo được giữ gìn chuyền qua tay những đứa con từ lớn xuống bé và chỉ được dùng trong những dịp giỗ tết. Nhà con đông, tiền của trong nhà phải cung phụng một cách vô lý cho các nhân vật “sống ảo” đó, lại thêm những cái tang dồn dập nên khi đến phiên Hoa, đứa con gái nhỏ nhất, đã khóc trong ngày Tết năm đó vì chiếc áo ấy đã bị mục nát. Rồi khi cô lớn lên, có khả năng mua áo tặng mẹ thì bà đã không còn.

Gia đình tôi gốc Huế nên không xa lạ với bối cảnh có những nhân vật hoàng tộc, dù thất thế cỡ nào vẫn cố giữ cái gốc con vua cháu chúa của mình, mặc kệ điều này có thể

gây di hại đến những người quen biết khác. Hai truyện ngắn “Chờ Duyên” và “Cạn Duyên” của tôi được nhiều nữ độc giả thích đã được tạo cảm hứng từ truyện này.

Từ yêu thích sang cảm phục rồi thấy mình bị ám ảnh, tôi tìm đọc những gì cô viết, và cũng đọc những gì người ta viết về cô. Linh Bảo, tên thật Võ Thị Diệu Viên sinh 1926, là chị của Minh Đức- Võ Thị Hoài Trinh (sinh 1930). Thân phụ của hai cô là Võ Chuẩn, Tổng Đốc tỉnh Quảng Nam, ông nội là Xuân Hòa Hầu-Võ Liêm, Thượng Thư Bộ Lễ của triều Nguyễn, mẹ cũng gốc hoàng tộc. Cả hai cô đều được đi du học. Riêng Linh Bảo thì du học rất sớm, sống qua các thành phố Nam Kinh, Quảng Châu, Hồng Kông, Anh, Pháp, Mỹ. Minh Đức-Hoài Trinh thì trong tiểu sử thấy ghi năm 1964 sang Pháp du học, năm 1967 ra trường làm phóng viên cho đài truyền hình ORTF (viết tắt Office de Radiodiffusion Télévision Française) của Pháp. Tôi thường đọc nhiều Lá Thư Paris và thơ của cô Minh Đức-Hoài Trinh viết cho tạp chí Phổ Thông của Nguyễn Vỹ.

Trong các truyện ngắn của Linh Bảo như “Quà Tết”, “Chuyện Búp Bê”, “Cái Thảm” thường nhắc đến hai chị em cùng xa quê hương, thỉnh thoảng lại gặp nhau và có dịp sống cùng nhau ở xứ người. Hai truyện dài của Linh Bảo cũng thoáng nét tự truyện. Gần đây, được xem Bảy điều bí mật về sáng tác từ những Văn Sĩ hàng đầu trên thế giới (The 7 Secrets of Writing From the Best Writers in the World), tôi tin điều thứ ba khá hợp với trường hợp của nhà văn Linh Bảo: Những nhà văn giỏi nhất là những người có được kinh nghiệm trực tiếp trong thế giới THẬT-The best writers are those that get direct experience in the REAL world.

Được biết truyện dài đầu tay Gió Bắc của Linh Bảo được cô “bào chế” từ nhật ký của mình. Khi nhận bản thảo này - lúc đó còn tên Gió Bắc- nhà văn Nhất Linh đã viết trong thư ghi ngày 29/05/1953, “Chị đã có cốt cách nhà văn, cứ thế mà tiến, yên tâm mà tiến, còn nhiều rục rờ về sau đợi chị”.

Nhiều người cho rằng hai tác phẩm biểu lộ hết tài năng của Linh Bảo chính là truyện dài Những Đêm Mưa (1961)- được xem như là phần kể của tiểu thuyết Gió Bắc và tập truyện Tàu Ngựa Cũ (1961).

Một nhà văn nổi tiếng của Miền Nam, là Bình Nguyên Lộc (mà tôi đã chuyển truyện Đò Dọc và 7 truyện ngắn của ông thành 32 tập phim T.V.), trong lá thư riêng ngày 21/09/1958 gửi cô Linh Bảo đã ghi lại ý kiến của nhiều bạn văn: “... các tiểu thuyết đăng ở Văn Hoá Ngày Nay chỉ có tiểu thuyết của Linh Bảo là hay. Họ không nói là hay hơn hết mà chỉ nói là hay thôi. Thế nghĩa là còn hơn là hay hơn hết nữa kia. Riêng tôi, tôi thấy chị hay hơn Gió Bắc nhiều lắm và giọng văn của chị đã rõ nét ra, một giọng văn mà ba mươi năm nữa chưa chắc đã có người làm theo được...”

Tôi ngạc nhiên lắm. Bề ngoài chị rất là đờn bà, nhưng sao vẫn chị như vẫn đờn ông thế. Đọc xong bốn kỳ Những Đêm Mưa, tôi ngán sợ chị ghê lắm, sợ cái tài quan sát nội tâm và ngoại cuộc của chị rất là bất ngờ, mà nhất là sợ cái cười bình thần của chị vô cùng. Sợ đây không phải là phục. Đành là phục rồi, khỏi phải nói, mà sợ bị chị quan sát và cười, mặc dầu chỉ cười thầm thôi...”

Tuyển tập các bạn cầm trên tay, được mở đầu bằng chín truyện ngắn trong Tàu Ngựa Cũ là của Linh Bảo đã đăng tải trên tạp chí Văn Hoá Ngày Nay của Nhất Linh và Tân Phong của Nguyễn Thị Vinh-Trương Bảo Sơn.

Năm 1961, hai truyện ngắn “Áo Mới” (tức Our Brand New Robes ông Thùy Dzung dịch) và “Người Quân Tử” (tức The Noble Man do bà Thanh Long dịch) đã được Học giả Nghiêm Xuân Việt, Văn Bút Việt Nam, tuyển chọn đem đi dự thi truyện ngắn hay nhất thế giới và đã được chọn là hai trong 26 truyện ngắn hay nhất thế giới, do Trung Tâm Văn Bút Quốc Tế (International PEN) ở Luân Đôn chấm giải. Thành phần ban giám khảo gồm những tên tuổi như: Storm Jameson (Anh), André Maurois (Pháp), và Whit Burnett (Mỹ). Cả hai truyện này đều có mặt trong tập “Tàu Ngựa Cũ”, được giải Văn Chương Toàn Quốc của Việt Nam Cộng Hòa năm 1961.

Bốn năm sau, nhà văn Võ Phiến, trên tạp chí Bách Khoa số 161 đã nhận định: “Trong số những người đàn bà viết văn ở ta hiện nay, có lẽ Linh Bảo có tài nhất: có tài quan sát, lại có tài diễn tả một cách thông minh những điều mình quan sát. Quan sát và phân tích tâm lý, Linh Bảo đã trình bày được mỗi nhân vật với một hình dạng, một cá tính rõ ràng, một lối sinh sống và ăn nói riêng biệt... Linh Bảo thường hay tìm ra cơ hội để làm người đọc mỉm cười, dù là trong những trường hợp buồn thảm: nhà ngập lụt, vợ chồng giận nhau. Giữ được nét mặt tươi tắn cả trong khi buồn, đó là một lối làm đẹp rất khéo của đàn bà, nhất là đàn bà ‘lịch sự’: vì vậy mà cái cười do Linh Bảo gợi lên lắm lúc có chua chát, người đọc vẫn dễ có cảm tình với giọng văn của tác giả.”

Trong cuốn sách “Các nhà văn nữ tại miền Nam Việt Nam (1954-1975)” Nguyên tác Anh ngữ: “Women Writers of South Vietnam (1954-1975)” của Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang do Đoàn Thanh Liêm dịch, người viết đã ghi về Linh Bảo với những dòng trang trọng: “ Nhân vật nữ trong các tác phẩm của Linh Bảo thường cũng biểu lộ một khía cạnh trong nhân cách của tác giả. Tuy nhiên, đó chỉ là một mặt của vấn đề, cái phần liên hệ tới chủ đề. Ngay trong nghệ thuật viết, tính chủ quan của bà cũng được biểu lộ một cách độc đáo. Thường xuyên trong các tác phẩm của mình, Linh Bảo xác định cá tính của mình qua sự phê phán với giọng văn khôi hài chua cay về những tình huống liên hệ đến phụ nữ”

Và: “...tác phẩm của Linh Bảo đưa ra sự cần thiết phải đánh giá lại tính cách vững bền lâu đời của cái lối chịu đựng như vậy, có tác dụng kéo dài sự thất bại của nữ giới để

mong đạt được hạnh phúc chân thực. Đọc xong chuyện của bà, độc giả có cảm giác bất an, lại hơi buồn rầu ngồ ngộ với cách tác giả đặt sát cạnh nhau những yếu tố đối chọi nhau. Cái nội dung nghịch lý ăn khớp với lối viết khôn khéo, nghịch ngợm, đặc biệt trong các đoạn đối thoại. Bà sử dụng loại ngôn ngữ thường do phụ nữ khôn ngoan, tinh tế phát biểu...”

Tôi được đọc truyện của Linh Bảo ở tuổi lên mười. Vài mươi năm sau, có cơ duyên được gặp bà Băng Thanh, người em kế của cô Linh Bảo sống ở Hà Nội (1927-2017), là mẹ của Phan Thanh Hảo, bạn tôi. Tết năm 2019, tôi lại may mắn được Trương Kim Anh, ái nữ nhà văn Nguyễn Thị Vinh, là bạn thời cơ hàn bán hàng rong trên vỉa hè Sài Gòn sau 1975 với tôi, đưa đến thăm cô Linh Bảo. Lúc ấy tôi mới được diện kiến “thần tượng”, người truyền cảm hứng viết lách cho mình và còn được cô tặng sách.

Được biết cô ngưng viết đã lâu lắm rồi, hình như từ 1975. Lại một điều là đọc những truyện cô viết từ những năm xưa vẫn thấy sao mà vẫn gần gũi, thiết thân. Như truyện “Văn nghệ trốn đâu rồi”, nhà văn nữ đàn dốt con rời nước đứng vào dịp Tết chỉ vì “cơm áo không đùa với khách thơ”. Hãy nghe tác giả luận về danh tiếng: “Tên tuổi! Hai mươi năm sau nữa, những cái tên và cái mà người đời nay gọi là “tác phẩm” sẽ thành lạc hậu, không hợp thời; thế mà người ta vẫn tưởng chừng như một nghìn năm sau, đời vẫn còn ca tụng mình. Hừ, thực ra có ai biết thị mọt nào là cái thị mọt nào!”

Một “thị mọt” viết văn như tôi, có tiếng đó, nhưng nhiều khi chỉ muốn ngâm thơ Tú Xương “van nợ lắm khi tràn nước mắt”... đọc đoạn này, khá thấm thía.

Này là “Chuyện Búp Bê” được Linh Bảo viết ở Mỹ vào năm 1966. “...vì đồng bằng cấp của cô, khiến các chàng trai phát sợ. Đàn bà ưa nhìn lên: về thể chất thì người đàn ông phải cao lớn hơn mình cho ra vẻ phái khỏe, phái mạnh; về tinh thần thì đàn ông phải giỏi hơn, cao thượng hơn, học thức cũng phải hơn, đàn bà mới kính phục và yêu quý. Đàn ông thì thích người đàn bà phải là phái yếu, phái đẹp, để cho họ bao bọc che chở, vênh vang với bạn bè; và nhất là phần học thức, đàn bà phải thua họ, để họ thấy họ cao hơn, giỏi hơn, thỏa mãn cái tính háo thắng không ai là không có. Vì thế, cô xây cái tháp cô đơn của mình càng ngày càng cao hơn, cách biệt hẳn với giống đàn ông phàm phu tục tử, tuy là cô thích cái giống ấy vô cùng.”

Với kẻ kết hôn lần đầu ở tuổi 51 như tôi, có lúc nghĩ không ra, sao mình lại “ế” khi tạm tự cho điểm mọi thứ trên trung bình (sức khỏe, thu nhập, học vấn, cả nhan sắc), thấy người viết trước mình là Linh Bảo đã giải đáp được những thắc mắc mà mình vướng một thời.

Tác giả nhìn mỗi con búp bê lại nhớ tới từng khoảng đời của mình. Một trong những con búp bê ấy gọi nhớ tới bà bạn bị sống cảnh chồng chung cho tới ngày ngộ ra: “Một

hôm, bà vác một con dao phay đưa cho ông chồng, bảo giết bà đi, nếu không thì phải làm giấy tờ đưa bà về nước. Nếu còn giữ bà mà cư xử không ra gì, bà sẽ chém cả nhà rồi tự tử. Nhà chồng sợ quá, vì thấy bà bây giờ không còn cô đơn nữa, sau lưng có một hậu thuẫn hùng hậu, nhờ bà chết thì chắc không yên với cái bọn cách mệnh Việt Nam, bèn xử hòa.”

Bạn xem, có khác gì những tin trên báo về các cô dâu Việt ngày nay đang lấy chồng xứ lạ, bị ép làm việc quần quật và đối xử tệ bạc trong kiếp chung chồng.

Với tùy bút ngắn “Những cánh diều” của Linh Bảo, hy vọng là nhiều người xa xứ như tác giả và tôi sẽ thấy sự đồng cảm chân thành. “Cái cảnh mất gốc này, có người đau khổ mà chịu, có người tự tạo ra; cũng có người lấy làm hãnh diện về sự mất gốc của mình và cố tranh đấu để xóa tan những tàn tích còn vương lại. Có người còn liên lạc với gia đình, với quê hương, nhưng liệu tình yêu gia đình và quê hương có mạnh hơn lòng tham thụ hưởng những sung sướng vật chất và an nhàn ở xứ người? Họ còn thể cần rằng dứt bỏ được mọi quyền rũ vật chất để đem về cho quê hương những gì quý lạ họ thu thập học hỏi được trên con đường viễn du không?

Từ một năm rất xa xưa, có mấy đứa con gà bé đã từng mơ ước “giá mình là con trai”.

Biết đâu, giá được.... “... thì sự anh hùng há bấy nhiêu”.

- Lạy trời thổi ngọn gió hiền, ngày mai đưa những cánh diều tha hương trở về đất mẹ!”

Tôi vừa xem một cuốn phim tài liệu về những người Việt ở Cali sống nhà thuê, rồi phải thành người vô gia cư vì chủ nhà tăng giá đến mức không thỏa thuận được. Rời nước, không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với thành đạt. Và nếu có thành đạt thì không phải lúc nào cũng đồng hành với hạnh phúc. Người Việt xa xứ, có nhiều niềm vui, đáng tự hào, nhưng cũng có những nỗi buồn không thể tỏ lộ. Liên hoan phim Việt từ nhiều nơi gọi về trên đất Mỹ năm 2019 này có nhiều phim của những em trẻ nói về những điều đó.

Sáu mươi năm trước, 1959, trong truyện “Cung Chúc Tân Xuân”, Linh Bảo đã viết về nỗi đau của những người xa xứ sau một đời nhìn lại, trống rỗng chẳng có gì, về vật chất lẫn tinh thần. Cuối năm, ông nha sĩ quân y Mỹ gần tuổi hưu lại trắng tay vì ly dị, bị tống ra khỏi căn nhà-tổ ấm do chính tay mình gây dựng, về ký túc xá độc thân sống chung với trai trẻ mới lớn, hoặc trai già chượng kỳ mà mình thì đã cạn kiệt sinh lực. Ông cứ tưởng người phụ nữ gốc Việt dùng bữa chung ở Câu Lạc Bộ của cơ quan mình sẽ được vui với cộng đồng trong dịp Tết Nguyên Đán tới. Ngờ đâu cô cũng đang lo bị bắt đắckỳ tử, nếu không kiếm luật sư lo sớm, có thể bảo hiểm nhân thọ sẽ lờ đi, nhà bị xiết và con

sẽ phải ra đường. Ông khuyên cô nên nhờ người thân hơn là luật sư, không ngờ đã chạm phải nỗi đau dẫu kín của cô khi những tình thân ruột rà lợt lạt với nhau.

- Họ có viết thư cho bà thường không?

Vốn thực thà, Mai định nói thực, nhưng nghĩ đến một câu - không biết của danh nhân nào - đã nói ra: “Người đàn bà nào, mỗi ngày nói dối chưa đến 5 lần, thì đó là người rất thực thà và có thể tin cậy được”; ngày hôm ấy, Mai chưa có dịp nói dối lần nào, nên quyết định nói dối để giữ thể diện:

- Vâng, thường luôn.

Khi viết truyện “Một đêm mơ” vào năm 1968, Linh Bảo đã bước vào tuổi 42. Cô kể lại chuyện tình một đêm của cô gái độc thân lớn tuổi và cậu thanh niên nhỏ tuổi hơn mình.

Lý biết nhược điểm của mình: nếu Lý yêu và được yêu, là Lý sẽ sống chết với mối tình. Nhưng những chàng trai đời bây giờ lại sợ và trốn chạy thứ tình yêu ấy. Họ thích đi chơi cho vui trong chốc lát và thích vui một vài tháng rồi thay một cô bạn khác, thích sống bình bình và tạm thời, thay đổi một luôn luôn; có bạn yêu cũng chỉ là một vật trang hoàng, một nhu cầu theo thời đại mới. Lý hiểu và cố tránh.

Hiếm hoi lắm mới có lúc ngòi bút của Linh Bảo đã động tới chuyện chăn gối, nhưng mà trời ơi, mọi chuyện với Lý lại cứ xảy ra và trôi đi như một giấc mơ. “Chả lẽ lại gọi điện thoại hỏi Minh: “Tối hôm qua chúng ta đã làm gì?”. Lỡ chúng ta không làm gì cả, Minh sẽ nghĩ sao? Minh cười cho thì ngượng chết !

Rồi Minh về nước vì cha bệnh nặng, không kịp từ giã ai. Nhà văn kết chuyện bằng đoạn này “Để tự an ủi, Lý mừng thầm Minh đã đi một cách bất thành linh. Nếu Minh còn ở đây, và nếu sau đêm ấy, Minh lại nhìn nàng thẳng thắn, nói chuyện phớt tình và vô tư như đối với một người bạn thường, thì Lý sẽ còn xót xa nhiều hơn là chỉ được thật gần nhau trong một lúc như thế, để rồi nhớ đến và quên đi như người ta thường nhớ và quên một giấc mơ.”

Tôi tìm ra một điểm tình cờ giống nhau giữa cô và tôi. Truyện của tôi cũng bị nhiều độc giả phê là thiếu những cảnh sexual giựt gân và táo bạo, chẳng giống chút nào người mang tiếng viết từ trước 1975.

“Tình và Điên” viết sau truyện trên một năm, Linh Bảo vẽ bức tranh tổng quát về những người tứ xứ trở thành láng giềng của nhau trên đất Mỹ, ai cũng có tâm tình, trần trụi, khát vọng riêng: Bà già gốc Nhật, tay chân run lập cập, ngày ngày đợi cuối tuần con và

rể đến cắt cỏ, đợi cơ hội về lại đảo Hokaido xa vời. Chàng sĩ quan gốc Việt vật lộn khó khăn với tiếng Anh, đợi ngày bị đuổi như một cái án tử hình treo trên đầu. Ông người Đức với bà vợ theo gái và cô Kim, nhân vật chính, gốc Korea, góa chồng, nhân một đêm cúp điện nhìn ra chân lý: "...cái bọn máy móc kia phải có điện mới làm việc được thì con người phải có tình. Tình yêu là luồng điện, là nguồn sống cho nhân loại. Nếu không có tình yêu thúc đẩy thì loài người cũng sẽ lị ra đấy, sống một cách uể oải, không muốn làm gì nữa.

....Nhớ đến ngày mới dọn về đây, Kim đã thao thức rất nhiều đêm để suy nghĩ, mơ tưởng phác họa bản đồ lập vườn. Nơi nào sẽ trồng cây, nơi nào sẽ trồng hoa, bồn cỏ đâu, bể cá xây cách nào... Sáng dậy đi làm, mắt đỏ mọng vì mất ngủ, nhưng tinh thần vẫn tỉnh táo như thường. Còn bây giờ, giá cái nhà sập góc bên này, chắc Kim sẽ đẩy giường sang góc bên kia, rồi cứ thế mà ở.

Tương tự, truyện "Cái Thảm" cô viết năm 1970, lại tiếp tục mượn hình ảnh những con búp bê, chĩa ống kính vào từng nhân vật mà tôi nghi là cô đã có gặp ngoài đời. Ví dụ như: "Anh đã học xong nhưng không muốn về nước vì đến tuổi đi lính, sợ phải chết cho đất nước Việt Nam. Anh ở lại Mỹ, mà vào quốc tịch Mỹ thì có thể lại bị gọi sang chiến trường Việt Nam, vì thế anh đành giữ giấy thông hành ngoại quốc, mỗi sáu tháng phải xin chiếu khán mới, và mỗi lần như thế, thiên hạ lại nghe anh chửi ầm lên vì phải trả vài đô la thuê lưu trú một kỳ. Không ai biết làm thế nào để chiều lòng anh được."

Với cái nhìn dí dỏm, soi thấu ruột gan nhân vật của mình, không biết cô Linh Bảo có lúc nào phải đối mặt với những người thật, việc thật ấy không. Đọc truyện này, tôi cứ nhớ có lần tòa soạn báo S. cho tôi hay một độc giả cầm dao tới tòa soạn muốn kiếm tôi để xin "tí huyết" vì sao dám đưa đời anh vào truyện, dù chỉ vài dòng.

Chẳng biết rồi độc giả của chúng tôi có nhìn ra, khi ghi lại những dòng chữ kia, có lẽ Linh Bảo chỉ muốn nói lên một điều tử tế: "Có bao nhiêu người Việt tha hương thấy cô đơn ở giữa những người đồng hương của mình?...Chỉ phải tình cảm ấy bị chôn cất sâu kín lâu năm quá không hề được khai thác, nên người ta chỉ thấy những nét lạnh nhạt bao phủ bên ngoài. Mà tình cảm thì cũng như hoa cỏ, muốn cho xanh tốt, phải săn sóc, chăm tưới, nó mới khai hoa kết quả."

Không phải mọi truyện của Linh Bảo, tôi đều tìm ra điểm tương đồng. Như trong truyện "Những Tết Tha Hương" (1979) chắc là các kiểu tha hương của tôi không giống cô được dù đôi khi cũng lọt vào tình huống đỡ khóc, đỡ cười khác. "Tôi không thể nhịn được cười, nghĩ thầm đến cuốn sách tên là "Một Nghìn Lẽ Một Cách Làm Nhục Kẻ Khác". Nếu sách này tái bản, tôi xin ghi thêm cái mục xích khóa tủ lạnh khi có bà con đến thăm và ở lại."

Người không có hạnh phúc làm mẹ như tôi chắc cũng khó trải qua nỗi đau của Mai, khi Liên, con gái mình tuyên bố trước bao khách khứa “Tôi ao ước được.... đừng ra đời” trong truyện “Ảo Tưởng” mà Linh Bảo đã viết vào năm 1971.

Tôi chỉ mong rằng những dòng cuối truyện của cô dành cho Mai cũng là vẽ lại sự thanh thản hiện tại cho chính mình: “Bây giờ là lúc Mai không bận với đời nữa, có đủ thì giờ dành cho gia đình, nhưng nhìn lại, bên mình Mai chỉ còn khói hương, khói thuốc và cánh cửa phòng con đóng chặt, cho Mai cái ảo tưởng là tất cả những người thân còn lần khuất đâu đây”.

Giờ đang là cuối năm 2019, đi nhiều nơi có người Việt ở, đập vào mắt tôi là nhiều người chúm đầu vào những chiếc smart phone. Việt Nam đang là một trong những nước tiêu thụ mạnh loại điện thoại thông minh này. Cả nước còn khổ nhưng rất nhiều người sẵn sàng đổi bằng mọi giá để sở hữu nó. Có những gia đình phải nhấn tin nhau dù đang ngồi ngay sát kề cùng bàn ăn. Trong chiến dịch “giải cứu tê giác”, tôi đã từng phải đi diễn ở những ngôi trường cấp, chứng kiến chỉ các em hào hứng tham gia, còn từ hiệu trưởng tới các thầy cô đều bận cắm mặt vào màn hình điện thoại. Càng ngày chúng ta càng cô đơn giữa đám đông, hay ngay chính ngôi nhà của mình. Lại một điều, khi đọc những dòng văn của người phụ nữ này, mà mình vốn đã mê phục từ thuở lên mười, tôi luôn cảm thấy ấm áp, chia sẻ.

Tôi không ca ngợi nhà văn Linh Bảo bằng những lời mà đã có nhiều người có uy tín và nổi tiếng khác đã ca ngợi rồi.

Những người bạn của tôi, và cả những người tôi chưa quen, hãy thử đọc hết những gì nhà văn-cô Linh Bảo của tôi-đã viết ra. Dù các bạn nhỏ hơn nhiều, hay bằng tuổi trên 60 như tôi, hoặc trên 90 như cô...hy vọng rằng các bạn sẽ thấy ít nhiều tâm tình của chính mình trong đó.

Nguyễn Thị Minh Ngọc

Oct, 2019 - Bismarck, North Dakota

Đình Quang Anh Thái | Đến Với Linh Bảo Từ Gió Bắc Tới Mây Tần



<https://www.youtube.com/watch?v=ImMZkazQVpc>



Linh Bảo - Tác Giả Tàu Ngựa Cũ Qua Đời

**** TRẦN MỘNG TÚ ****

<http://www.hocxa.com/VanHoc/TacGia/LinhBao-TacGiaTauNgaCuQuaDoi> TranMongTu.php

Ngày hôm qua (22/4/2024) Tôi được một người bạn Văn báo tin “Chị Linh Bảo qua đời”

Nhà văn Linh Bảo, là một tác giả tôi yêu thích từ hồi còn rất trẻ. Còn ở tuổi học trò trung học. Câu chuyện đầu tiên của Chị tôi đọc là: Tàu Ngựa Cũ.

Những năm đầu tị nạn 1975, tôi may mắn được gặp và thân với nhà văn Linh Bảo ở California, nhờ cùng cộng tác với Nguyệt San – Việt Nam Hải Ngoại của Luật Sư Đinh Thạch Bích ở San Diego chủ trương (về sau có thêm nhà văn Nhật Tiến cộng tác.) Chúng tôi trở thành Chị /Em từ đấy và thường xuyên gọi điện thoại nói chuyện với nhau.

Linh Bảo nổi tiếng với tác phẩm: Tàu Ngựa Cũ, Gió Bắc, Những Đêm Mưa, Mây Tàn...

Cuốn Tàu Ngựa Cũ của Linh Bảo được giải văn học 1961.

Bà được cả ba nhà văn nổi tiếng: Nhất Linh (Bắc) Võ Phiến (Trung) và Bình Nguyên Lộc (Nam) đều khen ngợi Linh Bảo là một nhà văn có tài.

Trong một lá thư gửi Linh Bảo sau khi nhận được tác phẩm Gió Bắc, Nhất Linh đề nghị sửa là “Gió Bắc”, Nhất Linh đã viết thư cho Linh Bảo, có đoạn:

Chị đã có cốt cách nhà văn, cứ thế mà tiến, yên tâm mà tiến, còn nhiều rục rờ về sau đời chị.

Võ Phiến nhận xét về Linh Bảo như sau:

Trong số những người đàn bà viết văn ở ta hiện nay, có lẽ Linh Bảo có tài nhất: có tài quan sát, lại có tài diễn tả một cách thông minh những điều mình quan sát. Quan sát và phân tích tâm lý, Linh Bảo đã trình bày được mỗi nhân vật với một hình dạng, một cá tính rõ ràng, một lối sinh sống và ăn nói riêng biệt... Linh Bảo thường hay tìm ra cơ hội để làm người đọc mỉm cười, dù là trong những trường hợp buồn thảm: nhà ngập lụt, vợ chồng giận nhau. Giữ được nét mặt tươi tắn cả trong khi buồn, đó là một lối làm đẹp rất khéo của đàn bà, nhất là đàn bà ‘lịch sự’: vì vậy mà cái cười do Linh Bảo gợi lên lắm lúc có chua chát, người đọc vẫn dễ có cảm tình với giọng văn của tác giả.”

Bình Nguyên Lộc với lời khen thành thật của một người miền Nam:

Tôi ngạc nhiên lắm. Bề ngoài chị rất là đờn bà, nhưng sao vẫn chị như vẫn đờn ông thế. Đọc xong bốn kỳ Những Đêm Mưa, tôi ngán sợ chị ghê lắm, sợ cái tài quan sát nội tâm và ngoại cuộc của chị rất là bất ngờ, mà nhất là sợ cái cười bình thản của chị vô cùng. Sợ đây không phải là phục. Đành là phục rồi, khỏi phải nói, mà sợ bị chị quan sát và cười, mặc dầu chỉ cười thầm thôi...

Con người đa tài này có một thời niên thiếu rất sôi động.

Nhà văn Linh Bảo, tên thật là Võ thị Diệu Viên, sinh 14 tháng 4, 1926 trong một gia đình quan lại triều đình Huế: cha Võ Chuẩn nguyên tổng đốc Quảng Nam, mẹ gốc hoàng tộc Tôn Nữ Thị Lịch. Linh Bảo xa gia đình sớm, Bà sống qua nhiều quốc gia ngoài Việt Nam: Trung Hoa (Nam Kinh, Quảng Châu), Hương Cảng, Anh, Pháp, và Mỹ. Linh Bảo còn có hai tên khác: Lại Cẩm Hoa, Vũ Trung Thư. Các bức thư nhà văn Nhất Linh gửi Linh Bảo khi còn ở Hương Cảng đều gửi với tên Lại Cẩm Hoa.

Linh Bảo rất nổi tiếng trước 1975 trên văn đàn. Tập truyện Gió Bắc in năm 1952 khi tác giả mới 26 tuổi đã làm nổi bật tên tuổi tác giả vào thời điểm đó.

TÁC PHẨM:

Trừ truyện dài Gió Bắc và truyện nhi đồng Chiếc áo nhung lam được in từ 1953, các tác phẩm chính của Linh Bảo đều được xuất bản trong thời kỳ 1954-1975.

Gió Bắc, truyện dài, Nxb Phượng Giang 1953

Chiếc áo nhung lam, Sách Hồng, Nxb Đồi Nây 1953

Tàu Ngựa Cũ, tập truyện ngắn, Nxb Đồi Nây 1961 (*)

Những Đêm Mưa, truyện dài, Nxb Đồi Nây 1961

Con Chồn Tinh Quái, truyện Nhi đồng, Nxb Ngày Mới 1967

Những Cánh Diều, tập truyện ngắn, Nxb Trí Đăng 1971

Mây Tàn, tuyển tập đoản văn, Nxb Việt Nam Hải Ngoại 1981

(*) Tác phẩm Tàu Ngựa Cũ được trao Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1961.

Những năm sau này, không viết nữa, Linh Bảo vẽ. Linh Bảo là một họa sĩ tùy hứng, Bà vẽ những bức tranh rất đẹp. Tranh sáng tác, tự họa hay copy những họa phẩm nổi tiếng, Linh Bảo vẽ chân dung những người thân như Cha, Mẹ, em, con, cháu. Vẽ lại những bức tranh nổi tiếng như Mona Lisa của Leonardo Vinci, tranh Iris của Van Gogh, rất giống và rất đẹp.

Mấy năm trước khi tới thăm Chị, tôi thấy Chị còn sở thích may những tấm chăn vá (Quilts). Nhìn những miếng vải màu sắc khác nhau Chị cắt ra rồi vá chúng lại, mảnh nọ

đặt sai chỗ sang mảnh kia để làm thành một tấm chắn mới. Tôi bâng khuâng tự hỏi:
Chắc Chị muốn vá lại từng mảnh đời mình.

*Gió Bắc thổi về nghe lạnh quá
Chiếc Áo Nhung Lam đủ ấm không
Những Cánh Diều bay trong dĩ vãng
Lòng quê chợt chạnh áng Mây Tần. (tmt)*

Linh Bảo là một trong những Nhà Văn xuất sắc của nền văn học Việt Nam, bà sống trọn một đời cho văn chương và để lại những tác phẩm văn học giá trị cho hậu duệ.

Xin thấp một nén nhang lòng tiễn Chị về nơi xa xăm đó. Về đâu thì em cũng tin là Chị sẽ mãi mãi ở với văn chương.

Trần Mộng Tú

23-4-2024

Nguồn: diendanthekey.net



MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA NHÀ VĂN LINH BẢO

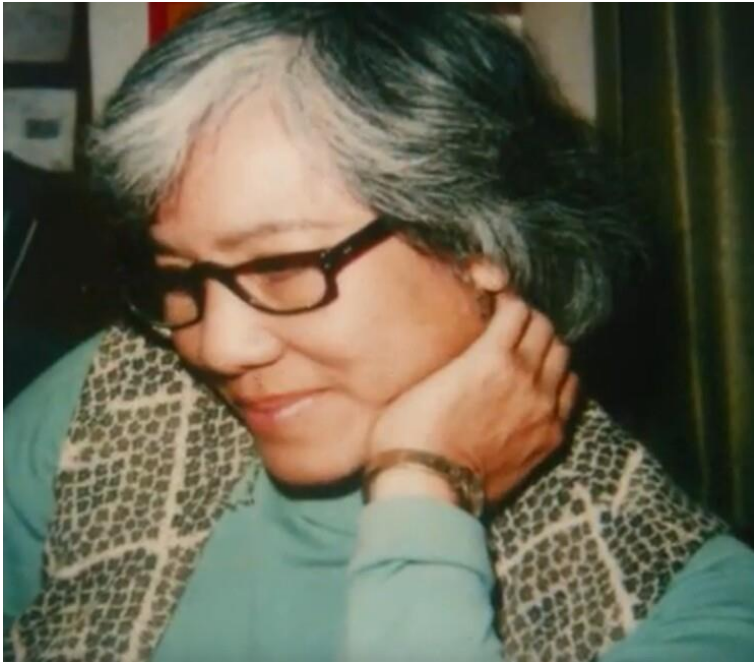














Phụ mẫu: Võ Chuẩn – Tôn Nữ Thị Lịch



Minh Đức Hoài Trinh (trái) – Linh Bảo







Nhớ về
Nhà văn LINH BẢO (1926-2024)



NHÀ VĂN LINH BẢO
VÕ THỊ ĐIỀU VIÊN (1926 -2024)

Biên soạn: **Phan Anh Dũng** – Rockville, Maryland USA

Thực hiện: 5 tháng 5, 2024